



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, P. Đại Phúc, TP Bắc Ninh
ĐT: 02223827974 Email: cdcnbn.bci@gmail.com
Fax: Web: www.bci.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CẮT
GỌT KIM LOẠI TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2019

Bắc Ninh, tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I.....	5
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI	5
I. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG	5
1. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường... 5	5
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:	5
1.2. Những thành tích đã đạt được:	7
2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	14
2.1. Cơ cấu tổ chức:.....	14
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ BỘ MÁY	15
2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường:.....	15
2.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường:.....	16
3. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường.	17
4. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	19
II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	20
2.1. Quá trình hình thành và phát triển	20
2.2. Chức năng, nhiệm vụ	21
2.3. Đội ngũ giáo viên	22
2.4. Cơ cấu tổ chức.....	22
III. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	23
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật.....	23
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	24
3.2.1. Mục tiêu chung:.....	24
3.2.2. Mục tiêu cụ thể :.....	24
3.3. Phương thức đào tạo.....	25
3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo.....	26
3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp.....	31
3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:.....	32
3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.....	33
1. Tổng quan chung	34
1.1. Căn cứ tự đánh giá.....	34

1.2. Mục đích tự đánh giá.....	34
1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	34
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	34
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	34
2. Tự đánh giá.....	35
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	35
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:.....	42
2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	42
2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	47
2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.....	54
2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	59
2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	68
Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	73
2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học	74
2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	78
3.1. Mục tiêu, quản lý và tài chính.....	82
3.2. Hoạt động đào tạo	82
3.3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, và nhân viên	82
3.4. Chương trình, giáo trình.....	83
3.5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	83
3.6. Dịch vụ cho người học	83
3.7. Giám sát, đánh giá chất lượng.....	83
I. KẾT LUẬN.....	84
II. KIẾN NGHỊ.....	84
Phụ lục 1. Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	85
Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá	87
Nội dung công việc	96
Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng.....	98

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	CNKT	Công nhân kỹ thuật
4.	TC	Trung cấp
5.	CD	Cao đẳng
6.	BGH	Ban Giám hiệu
7.	BCH	Ban chấp hành
8.	P.TK	Phó Trưởng khoa
9.	P.TP	Phó Trưởng phòng
10.	CB	Cán bộ
11.	GV	Giáo viên
12.	CNV	Công nhân viên
13.	CNVC	Công nhân viên chức
14.	GVGDNN	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp
15.	TW	Trung ương
16.	CTĐT	Chương trình đào tạo
17.	CTK	Chương trình khung
18.	LLCT	Lý luận chính trị
19.	NĐ	Nghị định
20.	QĐ	Quyết định
21.	ĐH	Đại học
22.	HSSV	Học sinh, sinh viên
23.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
24.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
25.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
26.	KTX	Ký túc xá
27.	CTĐT	Công trình đô thị
28.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
29.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
30.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31.	CNTT	Công nghệ thông tin
32.	SPGDNN	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp
33.	TDTT	Thể dục thể thao
34.	Th.S	Thạc sỹ
35.	UBHC	Ủy ban hành chính
36.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI

I. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

- 1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- 1.2. Tên Tiếng Anh: Bacninh College of Industry
- 1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- 1.4. Địa chỉ trường: Số 499 - đường Hàn Thuyên
Khu I - Phường Đại Phúc - TP. Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.
- 1.5. Số điện thoại: 0222 3 827 974
- 1.6. Email: cdc.n.bci@gmail.com
- 1.7. Website: www.bci.edu.vn
- 1.8. Năm thành lập trường:
 - Năm thành lập đầu tiên: Năm 1970 - Trường công nghiệp Hà Bắc.
 - Năm thành lập trường Trung cấp nghề: Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh
 - Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh, năm 2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh
- 1.9. Loại hình trường: Công lập

1. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày 49 năm xây dựng và trưởng thành. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982-1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988-1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.
- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc chuyển trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 14/03/2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các ngành nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số ngành nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với tổng số nghề đào tạo, ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 12 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp;
2	Điện tử công nghiệp;
3	Hàn;
4	Cắt gọt kim loại;
5	Công nghệ ô tô;
6	Kế toán doanh nghiệp;
7	Cơ điện tử;
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);
10	Tự động hoá công nghiệp;
11	Công nghệ chế tạo máy
12	Thương Mại điện tử

+ Trình độ Trung cấp với 09 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp;
2	Điện tử công nghiệp;
3	Hàn;
4	Cắt gọt kim loại;
5	Công nghệ ô tô;
6	Kế toán doanh nghiệp;
7	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;
8	Kỹ thuật chế biến món ăn;
9	Bảo trì, sửa chữa ô tô

+ Trình độ Sơ cấp với 28 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp
---	------------------

2	<i>Điện tử công nghiệp</i>
3	<i>Điện dân dụng</i>
4	<i>Lắp đặt thiết bị lạnh</i>
5	<i>Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp</i>
6	<i>Công nghệ ô tô phần gầm</i>
7	<i>Công nghệ ô tô phần động cơ</i>
8	<i>Công nghệ ô tô phần điện</i>
9	<i>Sửa chữa thiết bị tự động hóa</i>
10	<i>Nguội sửa chữa máy công cụ</i>
11	<i>Hàn điện hồ quang tay</i>
12	<i>Hàn (Hàn hơi và inox)</i>
13	<i>Phay CNC</i>
14	<i>Tiện trên máy vạn năng</i>
15	<i>Cơ điện tử</i>
16	<i>Máy công nghiệp</i>
17	<i>Tin học văn phòng</i>
18	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
19	<i>Quản lý khai thác công trình thủy lợi</i>
20	<i>Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG</i>
21	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>
22	<i>Chăn nuôi thú y</i>
23	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc</i>
24	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm</i>
25	<i>Trồng rau an toàn</i>
26	<i>Trồng và chăm sóc cây hoa</i>
27	<i>Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh</i>
28	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, thực hiện đào tạo một số ngành nghề trình độ đại học đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

1.2. Những thành tích đã đạt được:

1. Công tác đào tạo:

a. Qui mô, tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo và công tác tuyển sinh.

Công tác đào tạo được Đảng ủy, BGH nhà trường xác định là nhiệm vụ then chốt của nhà trường. Trong năm 2019 nhà trường tiếp tục tổ chức các hoạt động giảng dạy - học tập đảm bảo theo tiến độ đào, đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy - học; tăng cường tổ chức cho HSSV đi tham quan, thực tế, thực tập tại các doanh nghiệp và tăng cường giáo dục HSSV, tổ chức đa dạng các hoạt động nhằm giáo dục toàn diện nhân cách học sinh; từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Năm 2019 quy mô đào tạo của nhà trường tiếp tục được mở rộng, với tổng số 2.572 HSSV, trong đó 1884 HSSV hệ tập trung dài hạn. Đảm bảo các hoạt động giảng dạy và học tập đúng tiến độ, kế hoạch đào tạo. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Chất lượng đào tạo năm 2019:

- Tổ chức kiểm tra học kỳ 1, học kỳ 2 năm học 2018-2019. Kết quả học tập, rèn luyện học kỳ 2, năm học 2018-2019 như sau:

+ Xếp loại học lực: Giỏi 2.4 %; Khá 28,0%; Trung bình Khá 41.9%; Trung bình 16.4%;

+ Kết quả rèn luyện: Xuất sắc 2%, Tốt 40%; Khá 41%; Trung Bình 15%; Yếu 2%;

Trong năm 2019 nhà trường đã tổ chức thi tốt nghiệp cho các lớp Trung cấp nghề K35 (hệ 18 tháng). Trung cấp nghề K34 Gia Bình (hệ 36 tháng), Cao đẳng K7 đạt kết quả cao, 100% HSSV đỗ tốt nghiệp

Số lượng Học sinh, sinh viên tốt nghiệp: 216 HSSV (Cao đẳng: 150 SV, Trung cấp: 66 HS).

- Bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề: 25 Học viên

- Đào tạo sơ cấp: 120 Học viên (Đào tạo cho lao động nông thôn 95 học viên, các ngành nghề khác 25 học viên)

- Đào tạo nghiệp vụ sư phạm: 221 học viên (Sơ cấp 122 học viên, Trung cấp 38 học viên, Cao đẳng 61 học viên)

- Dạy nghề cho LĐNT: 03 lớp với tổng số 95 học viên

- Tổ chức Hội thi tay nghề cấp trường đạt kết quả cao cả về số lượng và chất lượng: 40 sinh viên đại diện cho hơn 2000 HSSV toàn trường đã được lựa chọn và tham gia dự thi. Hội thi tay nghề cấp trường đã thúc đẩy phong trào thi đua học tập, rèn luyện tay nghề của HSSV nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường kết quả: 07 giải nhất, 09 giải nhì, 08 giải ba và 16 giải khuyến khích.

- Tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh với 05 thiết bị tham gia kết quả: 01 giải nhất, 02 giải nhì, 01 giải ba và 01 giải khuyến khích.

- Tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc với 03 thiết bị tham gia kết quả: 01 giải nhì, 02 giải ba.

- Tham gia triển lãm Techfest 2019 vùng Đồng bằng sông Hồng và Trung du miền núi phía Bắc: Đạt 01 giải ba.

Tiếp tục đẩy mạnh mô hình đào tạo kép (kết hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo) đào tạo cho 02 doanh nghiệp là Công ty ABB, Công ty Sanwa Việt nam. Phối hợp với các doanh nghiệp, công ty để đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV, đưa HSSV đi trải nghiệm thực tế và đi thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp: Canon Tiên Du, Samsung Display Yên Phong, Công ty Sanwa Việt Nam, Công ty TNHH UMC Hải Dương,... Trong năm 2019 vừa qua nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp để đưa trên 1000 lượt HSSV đi thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp.

- Công tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp được nhà trường quan tâm, chú trọng. Nhà trường thường xuyên phối hợp cùng Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh, các công ty, doanh nghiệp tổ chức giới thiệu việc làm cho HSSV. Trong năm 2019, nhà trường đã tổ chức 02 đợt giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp.

- Hoàn thành Dự án Đào tạo nghề trọng điểm. Trong đó 01 nghề trọng điểm quốc tế (nghề cắt gọt kim loại), 03 nghề trọng điểm cấp ASEAN (nghề Công nghệ ô tô, nghề Điện công nghiệp, nghề Điện tử công nghiệp), 02 nghề trọng điểm quốc gia (nghề Tự động hóa công nghiệp, nghề Cơ điện tử).

- Triển khai, thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019.

- Nhà trường tiếp tục tăng cường hợp tác cùng một số trường đại học Hàn Quốc, Nhật Bản nhằm tăng cường mở rộng hợp tác đào tạo quốc tế.

Nhà trường đã trao 20 xuất học bổng cho các em HSSV có thành tích cao trong năm học, 01 xuất học bổng thủ khoa, 01 xuất học bổng á khoa, khen thưởng cho nhiều sinh viên tốt nghiệp thủ khoa. Đồng thời HSSV nhà trường tiếp tục được nhiều đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước cấp học bổng cụ thể: Tổ chức Elis Cộng hòa Italia trao 120 xuất học bổng cho HSSV nhà trường mỗi xuất học bổng trị giá 1.350.000đ, Tổ chức GIZ trao học bổng toàn phần cho 04 sinh viên nữ theo học ngành kỹ thuật trị giá mỗi xuất lên đến 24.000.000 đồng.

- Đã thực hiện tốt công tác giới thiệu việc làm cho HSSV khi ra trường. Kết quả học sinh sinh viên sau khi ra trường đạt trên 95% có việc làm.

b. Công tác quản lý, giáo dục HSSV:

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện, tính chuyên cần, kỹ năng sống và chuẩn mực đạo đức cho HSSV thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng mềm, ngoại ngữ và các hoạt động ngoại khóa cho HSSV.

- Tổ chức học tập đầu khóa với các nội dung như giáo dục truyền thống Nhà trường, phổ biến quy chế đào tạo, quy chế HSSV, quy chế nội trú, quy chế ngoại trú, các chế độ chính sách, tham quan thực tế...

- Tổ chức cho HSSV tham gia các hội thi, hoạt động phong trào có ý nghĩa giáo dục thiết thực như: Hội diễn văn nghệ khối các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh đạt giải nhì toàn đoàn (tháng 10/2019). Chương trình Chào hè 2019 với chủ đề “Sinh viên BCI năng động - thanh lịch” (tháng 05/2019), chương trình giao lưu Chào xuân, Văn Miếu Bắc Ninh (tháng 01/2019), hoạt động giáo dục truyền thống tại ATK, Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam (tháng 3/2019), tại K9, Lăng Kinh Dương Vương, Đền Đô (tháng 8/2019)...

- Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học. Trong năm 2019 tham dự cuộc thi ảnh Trường Xanh do TVET tổ chức và đạt giải nhì với trị giá giải thưởng là 15.000.000 đồng.

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ HSSV đảm bảo đúng quy định; thực hiện đầy đủ các chế độ của HSSV về học bổng và trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí học tập theo quy định hiện hành; thực hiện tốt công tác khám sức khỏe đầu vào, đầu ra, chăm sóc sức khỏe

ban đầu cho HSSV. Toàn trường có 100% HSSV tham gia Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thân thể.

- Duy trì thường xuyên giao ban công tác chủ nhiệm; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV nghiêm túc, đảm bảo công khai, công bằng và xử lý kịp thời các ý kiến phản hồi của sinh viên.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan, địa phương trong công tác quản lý HSSV ngoại trú.

2. Công tác tổ chức, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên:

- Đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm 01 Phó hiệu trưởng, đến nay BGH nhà trường được kiện toàn gồm 04 đồng chí (01 Hiệu trưởng, 03 Phó hiệu trưởng). Ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí trong BGH.

- Thực hiện chế độ BHXH, các chế độ nâng bậc lương, thâm niên nhà giáo và các chế độ hỗ trợ khác đảm bảo quyền lợi của CBVC-NLĐ; quản lý hồ sơ CBVC-NLĐ theo đúng quy định. Trong năm 2019 nhà trường đã tuyển dụng, tiếp nhận 10 CBGV, điều động nội bộ 07 viên chức.

- Tiến hành thường xuyên công tác thanh tra giáo dục, kiểm tra việc thực hiện nề nếp, nội quy, quy chế của CBVC, NLĐ. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về công tác phòng, chống tham nhũng.

- Phát triển, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy bằng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn. Tạo điều kiện thuận lợi để viên chức, lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trong năm 2019 đến nay, nhà trường có 04 viên chức hoàn thành chương trình học cao học. Hiện nay, trường có 01 viên chức đang nghiên cứu sinh, 04 viên chức, lao động đang học thạc sỹ. Trong năm có nhiều giáo viên tham gia tập huấn theo các dự án của Elis, của GIZ, của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp....

3. Công tác tài chính, xây dựng cơ sở vật chất và thực hiện công việc hành chính, quản trị:

- Thực hiện chi đúng, chi đủ, đảm bảo nguyên tắc tài chính, kế toán. Bên cạnh đó nhà trường chú trọng thực hiện tiết kiệm trong sử dụng ngân sách nhà nước.

- Trong năm 2019 nhà trường tiếp tục đầu tư, mua sắm trang thiết bị đào tạo cho 02 nghề Điện tử công nghiệp và Công nghệ ô tô với số tiền là 5 tỷ từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia. Nhà trường đang hoàn thành việc tiếp nhận, lắp đặt máy móc, thiết bị và chuyển giao công nghệ các gói thầu trên và đưa vào sử dụng trong tháng 12/2019.

- Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị được đầu tư phục vụ tốt hoạt động giảng dạy - học tập của giáo viên và HSSV. Đặc biệt khu nhà xưởng được đầu tư từ “Chương trình Đào tạo nghề 2008” do CHLB Đức tài trợ đã được nhà trường khai thác tạo điều kiện về cơ sở vật chất để HSSV thực tập nâng cao trình độ tay nghề.

- Đảm bảo tốt công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, giữ gìn cảnh quan sư phạm, môi trường xanh - sạch - đẹp;

- Đảm bảo phương tiện phục vụ công tác cho lãnh đạo nhà trường và đưa đón HSSV học tập và đi thực tập.

- Hiện nay hệ thống nhà xưởng, phòng học, phòng làm việc của Nhà trường cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc, học tập của học sinh, sinh viên.

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, bảo mật và quản lí dấu của nhà trường theo đúng quy định.

4. Công tác nghiên cứu khoa học:

- Công tác nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp, Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

- Năm 2019 có 01 đề tài cấp tỉnh (nghiên cứu phát hiện nhanh một số vi khuẩn Salmonella và p.earuginosa – khuẩn đường ruột và khuẩn mù xanh) gây bệnh ở người bằng cảm biến điện hóa Dropsens 110 biến tính hạt Nano vàng (AuNPs). 09 đề tài cấp cơ sở (04 đề tài xuất sắc, 05 đề tài khá).

5. Công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể quần chúng.

a. Công tác xây dựng Đảng.

Đảng ủy bộ phận nhà trường luôn kịp thời tuyên truyền, giáo dục đến cán bộ, viên chức người lao động và học sinh sinh viên thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm, đột xuất trong công tác chính trị tư tưởng theo sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên. Nắm bắt kịp thời tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng; định hướng tư tưởng đối với đảng viên.

Thường xuyên chú trọng công tác tuyên truyền việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh đến cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động trong nhà trường, tiếp tục tuyên truyền và quán triệt thực hiện Nghị quyết TW 6, 7, 8 – khoá XII, của Ban chấp hành trung ương đến cán bộ, đảng viên.

Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, quy chế làm việc của cấp ủy, gắn với xây dựng đoàn kết nội bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ; quản lý, phân công nhiệm vụ cho đảng viên và làm tốt công tác kết nạp đảng viên mới; giới thiệu đảng viên đang công tác giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở nơi cư trú. Lãnh đạo xây dựng các tổ chức vững mạnh; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền, xem xét, giải quyết những vấn đề nảy sinh ở đơn vị.

Duy trì và thực hiện tốt nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng. Đề ra các chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh, gắn với xây dựng đơn vị, các đoàn thể vững mạnh và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lãnh đạo cán bộ, đảng viên đề cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tính chủ động sáng tạo, không ngừng cải tiến lề lối làm việc; cải cách hành chính, đổi mới phong cách làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, chất lượng đào tạo, thực hiện việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào thực tiễn dạy học, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu thị trường lao động.

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong đơn vị, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và quần chúng; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác, nhất là trong thi cử, cấp văn bằng, chứng chỉ và trong hoạt động xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị vật tư ...

Đảng uỷ đã quan tâm lãnh đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công tác cán bộ, công tác phát triển đảng viên được quan tâm thường xuyên. Trong năm số đảng viên mới được kết nạp 03 đảng viên (Nguyễn Thị Sứ, Nguyễn Đình Vui, Phan Đăng Thực).

Công tác kiểm tra giám sát của đảng bộ bộ phận được tăng cường. Trong năm Đảng bộ bộ phận đã tiến hành kiểm tra theo điều 30 đối với 02 chi bộ (chi bộ Kinh tế-KHCB và chi bộ Đào tạo-CTHSSV) và 02 đảng viên (đ/c Đỗ Thị Vân, đ/c Trần Mạnh Hùng). Qua kiểm tra cho thấy các chi bộ và các đảng viên được kiểm tra đã thực hiện tốt Điều lệ Đảng, chỉ thị Nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy chế của cơ quan đơn vị và nơi cư trú, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể của nhà trường: Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Xếp loại năm 2019: Tổng số đảng viên là 52 đảng viên, trong đó đảng viên hoàn thành xuất sắc là 09 đồng chí; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ là 40 đồng chí; đảng viên hoàn thành nhiệm vụ là 01 đồng chí; 02 đồng chí chưa xếp loại (lý do mới kết nạp chưa đủ 06 tháng). Qua đánh giá chất lượng xếp loại: Đảng bộ đề nghị xếp loại mức chất lượng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019.

b. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể, hội.

- Công đoàn trường có 05 tổ công đoàn và 01 Ban nữ công, với tổng số 89 công đoàn viên. Chi Hội cựu chiến binh nhà trường có 3 đồng chí (đ/c Lê Sỹ Phỉnh, đ/c Võ Văn Nam, đ/c Nguyễn Xuân Chắt). Trong năm 2019 tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nghị quyết của Đảng (học trực tuyến các nghị quyết) chính sách pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn. Tham gia xây dựng các Quy chế của nhà trường theo quy định. Quan tâm chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên công đoàn. Thực hiện tốt việc chăm sóc Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tổ chức thăm hỏi, động viên kịp thời gia đình, các công đoàn viên khi có ốm đau, việc hiếu. Tổ chức vui chơi cho các cháu thiếu nhi, nhi đồng, tham gia ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, xây dựng quỹ vì người nghèo 2019, quỹ hội chất độc màu da cam. Cùng với các đoàn thể khác của Nhà trường tổ chức tốt các phong trào thi đua nhân các ngày lễ lớn, ngày kỉ niệm trong năm. Thực hiện nhiệm vụ vận động cán bộ, viên chức tham gia vệ sinh môi trường, các hoạt động 5S, nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh...

c. Công tác Đoàn thanh niên CSHCM, Hội Sinh viên:

Tổng số ủy viên ban chấp hành đoàn trường gồm: 11 đồng chí với 50 chi đoàn. Trong năm 2019 BCH Đoàn trường đã tổ chức phát động phong trào thi đua chào

mừng các ngày lễ lớn của đất nước và hưởng ứng các phong trào do Đoàn cấp trên phát động. Tham gia tích cực trong việc tuyển sinh, tư vấn nghề nghiệp, nhập học, tổ chức tốt các hoạt động cho văn hóa văn nghệ, vui chơi cho HSSV (kéo co, đá bóng, đi cầu khí, đua thuyền trên cạn, nhảy bao bố...) nhân kỷ niệm ngày truyền thống Học sinh, sinh viên 09/01, kỷ niệm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, kỷ niệm ngày thành lập trường 19/5, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, tình nguyện hè, Hello summe 2019, chào xuân... Tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, giao lưu bóng chuyền, cầu lông với các đơn vị như trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt Hàn Bắc Giang, trường Cao đẳng cơ điện và xây dựng Bắc Ninh, công ty TNHH Sanwa...

Năm 2019 Đoàn trường đã tổ chức kết nạp được 45 thanh niên ưu tú. Công tác phát triển Đảng được Đoàn trường quan tâm, chú trọng, năm 2019 đã giới thiệu 01 sinh viên kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam.

Đoàn trường chỉ đạo và tổ chức tốt Đại hội cho 50 chi đoàn nhiệm kỳ 2019-2020, nhằm đánh giá những kết quả hoạt động BCH chi đoàn nhiệm kỳ 2018-2019, bầu BCH chi đoàn nhiệm kỳ 2019-2020 và đề ra phương hướng phát triển công tác đoàn trước yêu cầu mới của nhà trường. Tháng 11/2019 tổ chức thành công đại hội Đoàn trường lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2019-2022.

Hội sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã phối hợp với đoàn TN thực hiện tốt các hoạt động thi đua Dạy tốt- Học tốt, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Tháng 4/2019 tổ chức thành công Đại hội Hội sinh viên Việt Nam lần thứ III, nhiệm kỳ 2019-2022.

Trong năm 2019 ĐTN và HSV trường duy trì nhiều câu lạc bộ hoạt động có chiều sâu, chất lượng: CLB tình nguyện, CLB thể thao, CLB khởi nghiệp, CLB Văn nghệ, truyền thông, CLB Nghiên cứu khoa học...

7. Công tác thi đua - khen thưởng:

- Nhà trường coi trọng công tác thi đua khen thưởng, làm động lực để thúc đẩy các hoạt động Dạy và Học, phục vụ và các hoạt động phong trào. Công tác khen thưởng đã triển khai kịp thời các văn bản hướng dẫn thi đua của cấp trên; đăng kí thi đua hàng năm, các phong trào thi đua nhân các ngày kỉ niệm và các ngày lễ lớn của đất nước;

- Công tác thi đua, tuyên truyền và biểu dương khen thưởng được duy trì thường xuyên và kịp thời, góp phần động viên đội ngũ cán bộ viên chức, lao động.

- Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác khuyến học, khuyến tài, cấp học bổng cho HSSV có kết quả học tập xuất sắc và giảng các xuất học bổng khuyến khích cho các tân HSSV có điểm xét tuyển cao khi nhập học vào trường.

- Trong năm 2019, nhiều tập thể, cá nhân của nhà trường có thành tích xuất sắc trong các phong trào như: “Dạy tốt - Học tốt”, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hội giảng...được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng, cụ thể:

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH: 01 cá nhân (đ/c Võ Văn Hùng)

+ Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: 01 cá nhân (đ/c Khương Quang Sơn)

+ Giấy khen của Giám đốc Sở Lao động - TBXH: 01 tập thể (Khoa Công nghệ cơ khí) và 03 cá nhân (đ/c Nguyễn Thị Như Hoa, đ/c Lê Trọng Nghĩa, đ/c Nguyễn Văn Hiệu)

Bình xét thi đua, khen thưởng năm 2019 tại đơn vị kết quả như sau:

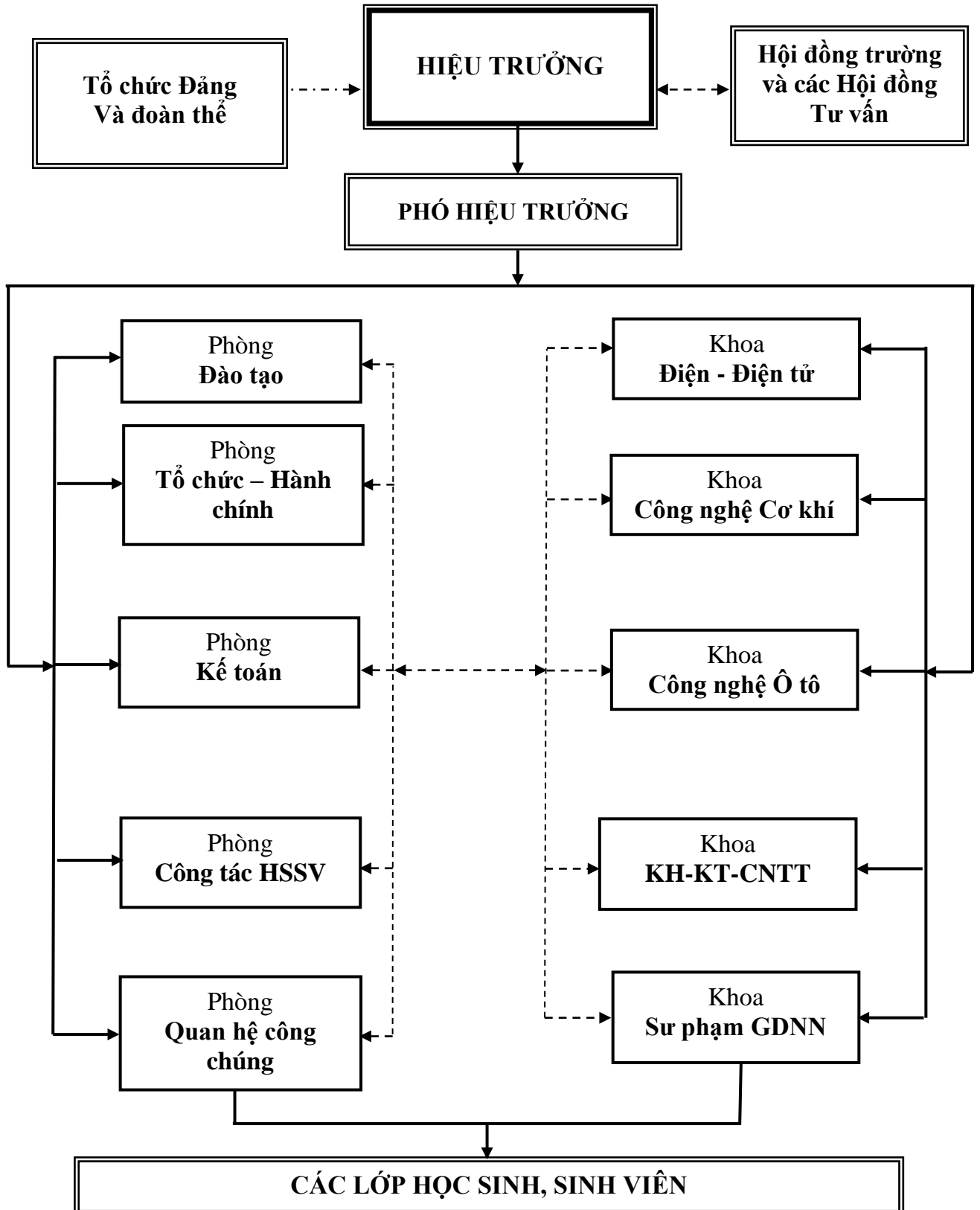
- + Tập thể lao động tiên tiến: 10/10 đơn vị (100%)
- + Lao động tiên tiến: 82/84 (97.62%)
- + Chiến sỹ thi đua cơ sở: 06 người
- + Giấy khen của Hiệu trưởng nhà trường: 05 tập thể, 11 cá nhân

2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

2.1. Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy trường;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám Hiệu;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các phòng chức năng (05 phòng):
 - + Phòng Đào tạo;
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
 - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn (05 khoa):
 - + Khoa Điện - Điện tử;
 - + Khoa công nghệ Cơ khí;
 - + Khoa công nghệ Ô tô;
 - + Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT;
 - + Khoa sư phạm GDNN.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ BỘ MÁY



2.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường:

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Nguyễn Đức Lưu	1963	Thạc sỹ	Hiệu trưởng

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
	Vũ Quang Khuê	1979	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Trần Văn Thực	1977	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:				
Đảng bộ	Nguyễn Đức Lưu	1963	Thạc sỹ	Bí thư Đảng uỷ
	Vũ Quang Khuê	1979	Thạc sỹ	Phó bí thư Đảng uỷ
Chi bộ Tổ chức - Hành chính	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ Đào tạo – CTHSSV	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc Sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ Cơ khí - Động lực	Võ Văn Hùng	1969	Kỹ sư	Bí thư Chi bộ
Chi bộ Điện - Điện Tử	Trương Thị Hoài Thanh	1967	Kỹ sư	Bí thư Chi bộ
Chi bộ Kinh tế - KHCB	Đỗ Thị Vân	1982	Thạc Sỹ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thực	1977	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Tạ Thị Huyền	1987	Thạc sỹ	Bí thư
Hội sinh viên	Đào Văn Kiên	1988	Đại học	Chủ tịch
3. Các phòng (05 phòng):				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc Sỹ	Trưởng phòng
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Cử nhân	Phó trưởng phòng
Phòng Đào Tạo	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng
Phòng quan hệ công chúng	Nguyễn Duy Diễn	1982	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng
4. Các khoa (05 khoa):				
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa Khoa học-KT-CNTT	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Đỗ Thị Vân	1982	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Phó TK phụ trách khoa
Khoa Công nghệ cơ khí	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa

2.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường:

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	88	89
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	58	62
- Tiến sĩ (NCS)	0	0
- Thạc sĩ	23	27

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
- Đại học	34	34
- Cao đẳng	01	01
- Trung cấp	0	0
- Trình độ khác	0	0
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	55	56

3. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường.

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2018		Năm 2019	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công nghiệp;	Cao đẳng	100	103	100	84
2	Điện tử công nghiệp;	Cao đẳng	60	94	60	73
3	Hàn;	Cao đẳng	50	-	50	
4	Cắt gọt kim loại;	Cao đẳng	70	20	70	36
5	Công nghệ ô tô;	Cao đẳng	60	51	60	57
6	Kế toán doanh nghiệp;	Cao đẳng	30	14	30	13
7	Cơ điện tử;	Cao đẳng	25	57	25	50
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;	Cao đẳng	20	-	20	-
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);	Cao đẳng	25	24	25	24
10	Thương mại điện tử	Cao đẳng	-	-	20	-
11	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	-	-	30	-
12	Công nghệ chế tạo máy	Cao đẳng	-	-	30	35
13	Tự động hoá công nghiệp;	Cao đẳng	30	32	30	40
14	Điện công nghiệp;	Trung cấp	18	191	18	85
15	Điện tử công nghiệp;	Trung cấp	18	95	18	48
16	Hàn;	Trung cấp	18	38	18	44
17	Cắt gọt kim loại;	Trung cấp	25	13	25	36

	Tên nghề đào tạo	Trình độ	Năm 2018		Năm 2019	
18	Công nghệ ô tô;	Trung cấp	30	-	30	35
19	Kế toán doanh nghiệp;	Trung cấp	25	-	25	-
20	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;	Trung cấp	20	-	20	-
21	Kỹ thuật chế biến món ăn;	Trung cấp	30	48	30	63
22	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Trung cấp	-	-	20	-
23	Chăm sóc sắc đẹp	Trung cấp	-	-		15
24	Điện công nghiệp	Sơ cấp	30	15	30	
25	Điện tử công nghiệp	Sơ cấp	30	12	30	
26	Điện dân dụng	Sơ cấp	30	5	30	
27	Lắp đặt thiết bị lạnh	Sơ cấp	20	4	20	1
28	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp	Sơ cấp	25	-	25	
29	Công nghệ ô tô phần gầm	Sơ cấp	25	2	25	
30	Công nghệ ô tô phần động cơ	Sơ cấp	25	1	25	
31	Công nghệ ô tô phần điện	Sơ cấp	25	1	25	1
32	Sửa chữa thiết bị tự động hóa	Sơ cấp	25	-	25	
33	Nguội sửa chữa máy công cụ	Sơ cấp	25	-	25	
34	Hàn điện hồ quang tay	Sơ cấp	30	1	30	
35	Hàn (Hàn hơi và inox)	Sơ cấp	30	-	30	3
36	Phay CNC	Sơ cấp	20	2	20	1
37	Tiện trên máy vạn năng	Sơ cấp	25	2	25	
38	Cơ điện tử	Sơ cấp	30	1	30	
39	Máy công nghiệp	Sơ cấp	25	-	25	
40	Tin học văn phòng	Sơ cấp	30	4	30	1
41	Kế toán doanh nghiệp	Sơ cấp	25	-	25	
42	Quản lý khai thác công trình thủy lợi	Sơ cấp	30	1	30	1

	Tên nghề đào tạo	Trình độ	Năm 2018		Năm 2019	
43	Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG	Sơ cấp	20	2	20	
44	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	Sơ cấp	20	4	20	1
45	Chăn nuôi thú y	Sơ cấp	30	-	30	
46	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc	Sơ cấp	30	-	30	
47	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm	Sơ cấp	30	-	30	
48	Trồng rau an toàn	Sơ cấp	60	-	60	
49	Trồng và chăm sóc cây hoa	Sơ cấp	60	-	60	
50	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	Sơ cấp	60	-	60	
51	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	90	10	90	93
52	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Sơ cấp	-	-	15	

*** Quy mô tuyển sinh:**

Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Số 175/2017/GCNĐKHH-TCDN, ngày 23/6/2017; Số 175a/2017/GCNĐKBS-GDNN, ngày 25/8/2017; số 175b/2017/GCNĐKBS-TCGDNN, ngày 26/7/2019).

4. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng-m ²)	24.310	24.310
- Khu hiệu bộ	503	503
- Phòng học lý thuyết	1400	1400
- Xưởng thực hành	7840	7840
- Khu phục vụ		
+ Thư viện	150	150
+ Ký túc xá	4742	4742
+ Nhà ăn	300	300
+ Trạm y tế	20	20
+ Khu thể thao	5000	5000
- Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)		
2. Tổng số đầu sách của trường	2500	2500
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	<i>1500</i>	<i>1500</i>
3. Tổng số máy tính của trường		

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
- Dành cho văn phòng	27	25
- Dành cho học sinh học tập	132	123
4. Tổng nguồn kinh phí của trường	16.005.411.000	15.674.000.000
5. Tổng thu học phí	5.678.976.750	5.234.575.000
6. Tổng kinh phí quyết toán	15.993.311.000	15.550.000.000

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thông tin khái quát

Tên khoa : CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ
 Tên Tiếng Anh : Không có
 Số điện thoại : 02223.854 813
 Số fax : Không có

Email : cnck.bci@gmail.com

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Khoa Công nghệ Cơ khí được thành lập tháng 10 năm 2003 mà tiền thân là Ban Nghề thuộc Trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, tiếp theo là Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh và hiện nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của nhà trường, tập thể cán bộ, giáo viên khoa CN Cơ khí có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có lòng nhiệt tình, yêu nghề và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của Nhà trường đã đào tạo hàng vạn học sinh sinh viên của ba cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp thuộc các nghề Cắt gọt kim loại, Cơ điện tử, CN Chế tạo máy và nghề Hàn cho để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các thành phần kinh tế trong địa phương và cả nước. Ngoài ra cán bộ, giáo viên của Khoa còn tham gia giảng dạy cho các lớp Đại học VHVL liên kết với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên tại trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa CN Cơ khí đã đạt được nhiều thành tích trong phong trào thi đua dạy và học:

*** Phong trào thi đua trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên:**

- Trong giảng dạy:

- + 04 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh
- + 02 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia
- + 01 giáo viên được nhận giải thưởng Nguyễn Văn Trỗi

- Trong nghiên cứu khoa học:

- + Tham gia đề tài Quản lý xưởng theo mô hình 5S
- + Tham gia sáng kiến cải tiến và chế tạo đồ dùng dạy học: Có 02/02 thiết bị dạy nghề tự làm đạt giải cao trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp Tỉnh năm 2013, có 02 thiết bị tham gia Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2013- Tại Nha Trang (Giải ba), 2019 – tại Huế (giải ba).

*** Phong trào thi đua trong học tập của HSSV:**

- + Năm 2006: 02 học sinh nghề Hàn đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh (01 giải nhất và 01 giải nhì) và 01 học sinh tham gia Hội thi tay nghề giỏi toàn quốc năm 2006, đạt giải khuyến khích.
- + Năm 2008: 03 học sinh nghề Hàn đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba) và 01 học sinh tham gia Hội thi tay nghề giỏi toàn quốc năm 2008, đạt giải khuyến khích.
- + Năm 2010: 02 học sinh nghề Hàn đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh (01 giải nhất, 01 giải nhì) và 01 học sinh tham gia Hội thi tay nghề giỏi toàn quốc năm 2010, đạt giải khuyến khích.
- + Năm 2012: 04/04 học sinh đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh (trong đó nghề CGKL: 01 giải nhất, 01 giải nhì; nghề Hàn: 01 đạt giải nhất và 01 đạt giải ba). Tại Hội thi tay nghề giỏi cấp Quốc gia có 01sinh viên đạt giải khuyến khích (nghề CGKL).
- + Năm 2013: 03/03 sinh viên nghề Hàn và 02/02 sinh viên nghề Cắt gọt kim loại đạt giải HSGN tay Hội thi tay nghề giỏi cấp Trường (trong đó có 01 nhất,01 nhì và 01 ba).
- + Năm 2018: 01 SV đạt giải ba kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia (SV Khải – CGKL), 01 SV đạt giải KK (ngành Hàn)
- + HSSV ngoài việc luyện tập kỹ năng cơ bản còn thường xuyên được tham gia sản xuất các sản phẩm gắn với thực tế, do đó khả năng tay nghề của HSSV luôn được nâng cao.

Khoa CN Cơ khí có hệ thống các phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị thực hành hiện đại có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo cho mọi thành phần kinh tế. Các thiết bị này được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia hàng năm, của tổ chức GTV (Italia) và nguồn vốn ODA của “Chương trình Đào tạo nghề 2008” trong khuôn khổ hợp tác với chính phủ CHLB Đức.

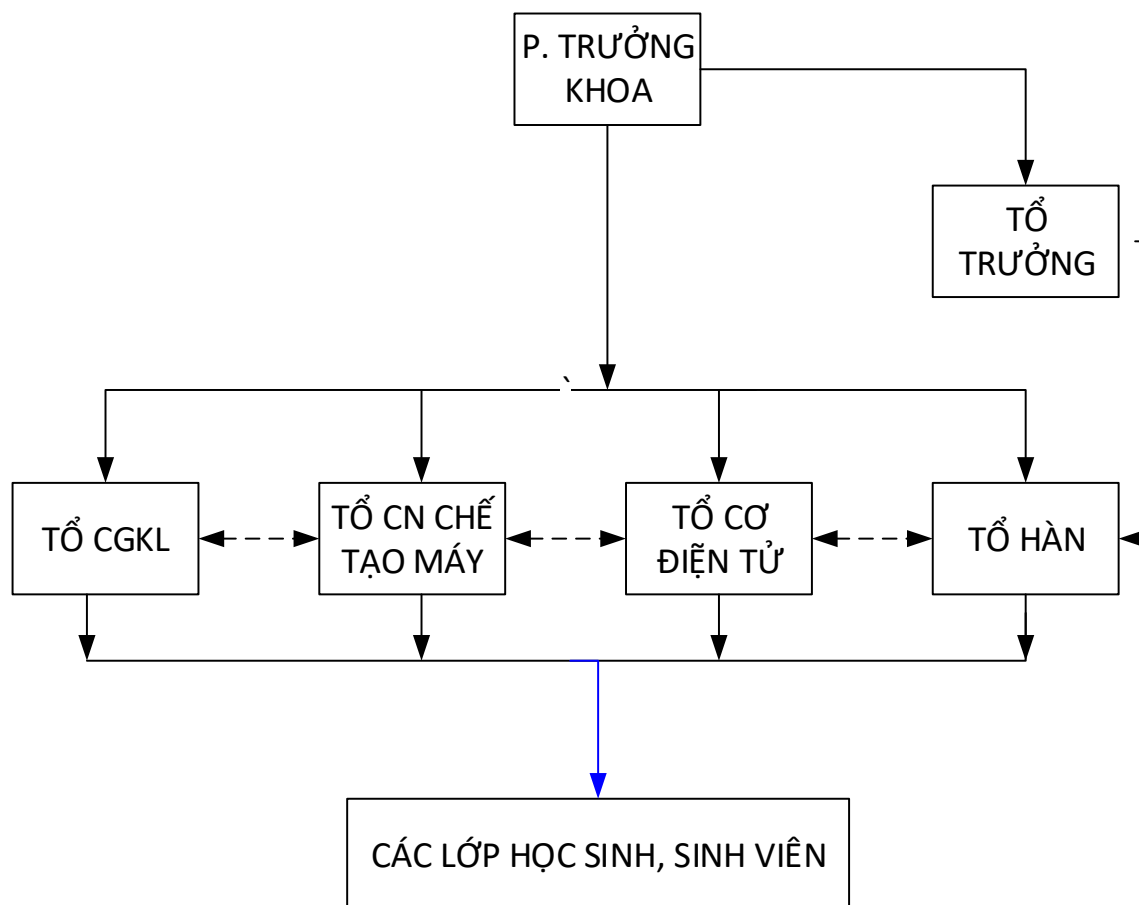
2.2. Chức năng, nhiệm vụ

- Nhiệm vụ trọng tâm của Khoa là tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy các môn học, mô-đun (lý thuyết, thực hành, tích hợp) của các nghề: Cắt gọt kim loại, nghề Hàn, nghề Cơ điện tử, CN Chế tạo máy và một số nghề liên quan của ba cấp trình độ: Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp.
- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của Trường.
- Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.
- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề.
- Quản lý giáo viên, quản lý sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Trường; đề xuất xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì trang thiết bị đào tạo.

2.3. Đội ngũ giáo viên

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	EMAIL	ĐIỆN THOẠI
0	Khoa CNCK		cnck.bci@gmail.com	02223854813
1	Nguyễn Văn Hưng	Phó trưởng khoa	hungnv.bci@gmail.com	0936791118
2	Khương Quang Sơn	Tổ trưởng	sonkq.bci@gmail.com	0989199765
3	Đặng Văn Hoàn	Giáo viên	hoanvd.bci@gmail.com	0987567629
4	Phan Đăng Thục	„	thucpd.bci@gmail.com	0919589440
5	Cáp Trọng Ba	„	bact88.bci@gmail.com	0974523518
6	Nguyễn Văn Thiết	„	thietnv.bci@gmail.com	0986857200
7	Nguyễn Công Hoàn g	„	hoangnc.bci@gmail.com	0973822843
8	Phan Văn Nghi êm	„	nghiempv.bci@gmail.com	0983430599
9	Nguyễn Thị Thu	„	thu86.bci@gmail.com	0966852164
10	Nguyễn Xuân Cườn g	„	cuongnx.bci@gmail.com	0965496496

2.4. Cơ cấu tổ chức



2.5. Các nghề đào tạo

STT	Tên nghề	Ghi chú
1	Cắt gọt kim loại (trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp)	
2	Hàn (trình độ đào tạo: Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp)	
3	Cơ điện tử (trình độ đào tạo: Cao đẳng)	
4	Công nghệ chế tạo máy (trình độ đào tạo: Cao đẳng)	

III. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Từ những năm 1990 Trường tuyển sinh và đào tạo Công nhân kỹ thuật bậc 2/7, 3/7, 4/7 nghề Tiện - Phay - Bào; năm 2007 tuyển sinh và đào tạo hệ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại; Năm học 2010 Trường tuyển sinh và đào tạo trình độ cao đẳng nghề khoá đầu tiên nghề Cắt gọt kim loại (khoá học 2010-2013).

Cùng với sự phát triển của các nghề kỹ thuật được đào tạo tại trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại được phát triển từ chương trình đào tạo Công nhân kỹ thuật Tiện - Phay - Bào truyền thống và lâu đời; đội ngũ GV có

tay nghề cao; đồng thời, ngành công nghiệp sản xuất của nước ta hiện đang bùng nổ luôn luôn đòi hỏi nhân lực có thể chế tạo được những chi tiết chính xác có thiết kế đặc biệt và thiết kế theo yêu cầu bằng máy tiện và máy phay hiện đại nhất, sau khi hoàn thành chương trình đào tạo nghề tổng thể, người học đã có thể tìm được một vị trí việc làm với chức danh công nhân lành nghề trong các xí nghiệp công nghiệp hoặc trong các xưởng thủ công. Đây chính là những ảnh hưởng đến sự thay đổi, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại phù hợp với thực tiễn đào tạo của trường.

Hàng năm, Khoa CN Cơ khí phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt” trong toàn thể GV và HS-SV; GV đăng ký và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trình lên BGH đúng thời hạn, tham gia Hội giảng cấp trường, cấp tỉnh, đồng thời cử HS-SV tham gia các kỳ thi HS_SV giỏi nghề cấp thành phố, tất cả đều đạt danh hiệu GV dạy giỏi, HS-SV giỏi nghề. Kết quả các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm của GV được công nhận và ứng dụng trong giảng dạy.

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu sử dụng nhân lực kỹ thuật cao thuộc nhóm ngành công nghiệp trọng yếu tại Bắc Ninh và các tỉnh lân cận có kiến thức và kỹ năng phân tích được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp, độ chính xác gia công và phương pháp đạt độ chính xác gia công, công dụng, nguyên lý hoạt động của những hệ thống điều khiển tự động bằng điện, khí nén, thủy lực trong máy công cụ đang sử dụng; tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí và các phương pháp xử lý nhiệt; vận hành, điều chỉnh máy gia công cắt gọt với những công nghệ phức tạp đạt cấp chính xác từ cấp 8 đến cấp 10, độ nhám từ Rz20 đến Ra2.5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể :

- Kiến thức: Phân tích được bản vẽ chi tiết gia công, bản vẽ lắp; độ chính xác gia công, phương pháp đạt độ chính xác gia công; nguyên tắc, trình tự thiết kế những bộ truyền động căn bản, thông dụng trong ngành cơ khí; quy trình công nghệ gia công cơ, hệ thống công nghệ, quy trình vận hành, thao tác, bảo dưỡng, vệ sinh công nghiệp các máy gia công cắt gọt của ngành; nguyên tắc lập trình, quy trình vận hành, điều chỉnh khi gia công trên các máy công cụ điều khiển số (tiện phay CNC). Trình bày được tính chất cơ lý của các loại vật liệu thông dụng dùng trong ngành cơ khí và các phương pháp xử lý nhiệt; giải thích được hệ thống dung sai lắp ghép theo TCVN 2244 - 2245; phương pháp gia công cắt gọt theo từng công nghệ, các dạng sai hỏng, nguyên nhân, biện pháp khắc phục; nguyên tắc, trình tự chuẩn bị phục vụ cho quá trình sản xuất. Giải thích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp đo, đọc, hiệu chỉnh, bảo quản các loại dụng cụ đo cần thiết của nghề; ý nghĩa, trách nhiệm, quyền lợi của người lao động đối với công tác phòng chống tai nạn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, sơ cứu thương nhằm tránh gây những tổn thất cho con người và cho sản xuất và các biện pháp nhằm giảm cường độ lao động, tăng năng suất. Vận dụng được kiến thức cơ bản về quá trình cắt gọt kim loại để giải quyết một số nhiệm vụ công nghệ thực tiễn.

- Kỹ năng: Vẽ được bản vẽ chi tiết gia công và bản vẽ lắp. Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, dụng cụ cắt cầm tay; các loại dụng cụ đo thông dụng và phổ biến của nghề; các loại máy công cụ để gia công các loại chi tiết máy thông dụng và cơ bản đạt cấp chính xác từ cấp 7 đến cấp 9, độ nhám từ Rz20 đến Ra2.5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy. Thiết kế được quy trình công nghệ gia công cơ đạt yêu cầu kỹ thuật; thiết kế và chế tạo được chi tiết, thiết bị cơ khí đơn giản; chế tạo và mài được các dụng cụ cắt đơn giản. Lập được chương trình gia công, vận hành và điều chỉnh được các máy công cụ điều khiển số (tiện phay CNC) để gia công các loại chi tiết máy đạt cấp chính xác từ cấp 7 đến cấp 9, độ nhám từ Rz20 đến Ra2.5, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy. Vận hành, điều chỉnh máy gia công những công nghệ phức tạp đạt cấp chính xác từ cấp 8 đến cấp 10, độ nhám từ Rz20 đến Ra1.25, đạt yêu cầu kỹ thuật, đúng thời gian đã định, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và máy. Phát hiện và sửa chữa được các sai hỏng thông thường của máy, đồ gá, vật gia công và thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tổ chức và quản lý một phân xưởng sản xuất độc lập, làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; giao tiếp tốt, phân tích được tình hình thị trường các sản phẩm liên quan; định hướng được hoạt động của bản thân và tổ, nhóm; tự tra cứu, đọc, nghiên cứu và rút ra kiến thức cần có.

3.3. Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với nghề Cắt gọt kim loại là phương thức đào tạo tập trung, học theo niên chế và tích lũy tín chỉ.

Phương thức đào tạo nghề của trường hiện nay được tính theo đơn vị là năm học, chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại đào tạo trong thời gian 03 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2018 trở về trước); 2,5 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2019 và các khoá tiếp theo), một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Về mặt sinh viên phải hoàn thành nội dung môn học đã được ấn định theo học kỳ, năm học; sinh viên chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện thì sẽ đạt kết quả tốt. Tuy nhiên với phương thức này cũng có những hạn chế về tính chủ động của sinh viên, người học xoay quanh quỹ đạo của người dạy, khó liên thông sang ngành học khác.

Để khắc phục những hạn chế trên, trường chủ động trong chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại thời gian học thực hành chiếm 50%-70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để sinh viên thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương pháp giảng dạy của giảng viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho SV nhóm theo nhóm, làm bài tập lớn, báo cáo đề án; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông trình độ trung cấp lên cao đẳng của trường, liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng lên đại học với nghề tương ứng.

3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo chi tiết của nghề Cắt gọt Kim loại trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh khóa đầu tiên năm 2011 được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐTB&XH, đã được Trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-CDN ngày 6/12/2010 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh (nay là trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh) về việc Ban hành chương trình dạy nghề 3 cấp trình độ. Trong quá trình đào tạo, chương trình đào tạo khoá tuyển sinh 2011 không có điều chỉnh. Chương trình dạy nghề chi tiết của nghề Cắt gọt kim loại khoá sau được xây dựng trên cơ sở rà soát chương trình đào tạo nghề khoá trước và chương trình khung của Bộ LĐTB&XH, đã được Trường thẩm định và ban hành theo quy định.

Thông kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ cao đẳng nghề khoá tuyển sinh 2013, 2014:

TT	Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	455	224	201	30
1	MH 01	Chính trị	90	60	24	6
2	MH 02	Pháp luật	35	25	8	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
5	MH 05	Tin học	75	17	54	4
6	MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
	II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	3295	798	2410	92
	<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	570	382	149	39
7	MH 07	Vẽ kỹ thuật	75	43	21	11
8	MH 08	Autocad	30	10	18	2
9	MH 09	Cơ lý thuyết	75	56	15	4
10	MH 10	Sức bền vật liệu	45	34	8	3
11	MH 11	Dung sai – Đo lường kỹ thuật	45	34	8	3
12	MH 12	Vật liệu cơ khí	45	41	2	2
13	MH 13	Nguyên lý – Chi tiết máy	75	66	6	3
14	MH 14	Kỹ thuật điện	45	37	5	3
15	MH 15	Kỹ thuật an toàn – Môi trường công nghiệp	30	28	0	2
16	MH 16	Quản trị doanh nghiệp	30	19	9	2

17	MĐ 17	Gia công cơ khí bằng dụng cụ cầm tay	75	14	57	4
	<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	2725	422	2242	61
18	MH 18	Nguyên lý cắt	45	34	8	3
19	MH 19	Máy cắt và máy điều khiển theo chương trình số số	60	50	5	5
20	MH 20	Đồ gá	45	39	4	2
21	MH 21	Công nghệ chế tạo máy	75	64	7	4
22	MĐ 22	Tiện trụ ngắn, trụ bậc, tiện trụ dài $\approx 10d$	90	16	72	2
23	MĐ 23	Tiện rãnh, cắt đứt	30	5	24	1
24	MĐ 24	Tiện lỗ	60	11	47	2
25	MĐ 25	Khoét, doa lỗ trên máy tiện	30	6	22	2
26	MĐ 26	Phay, bào mặt phẳng ngang, song song, vuông góc, nghiêng	105	12	91	2
27	MĐ 27	Phay, bào mặt phẳng bậc	45	8	35	2
28	MĐ 28	Phay, bào rãnh, cắt đứt	45	8	35	2
29	MĐ 29	Tiện côn	45	10	33	2
30	MĐ 30	Phay, bào rãnh chót đuôi én	75	12	61	2
31	MĐ 31	Tiện ren tam giác	75	13	60	2
32	MĐ 32	Tiên ren vuông	60	11	47	2
33	MĐ 33	Tiện ren thang	60	11	47	2
34	MĐ 34	Phay đa giác	45	7	36	2
35	MĐ 35	Phay bánh răng trụ răng thẳng	60	8	51	1
36	MĐ 36	Phay bánh răng trụ răng nghiêng, rãnh xoắn	60	12	46	2
37	MĐ 37	Tiện CNC cơ bản	45	6	37	2
38	MĐ 38	Phay CNC cơ bản	45	6	37	2
39	MĐ 39	Thực tập tốt nghiệp	1155	20	1135	0
40	MĐ 42	Lăn nhám, lăn ép	45	6	38	1
41	MĐ 43	Tiện lệch tâm, tiện định hình	60	10	48	2
42	MĐ 44	Tiện chi tiết có gá lắp phức tạp	60	10	48	2
43	MĐ 45	Phay, bào rãnh chữ T	75	10	63	2
44	MĐ 53	Mài mặt phẳng	90	12	74	4
45	MĐ 54	Thực hành hàn	40	5	31	4

Tổng cộng	3750	1028	2592	130
------------------	-------------	-------------	-------------	------------

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và thực hiện các quy định, yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; năm 2017, Trường thực hiện xây dựng mới tất cả các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại, thời gian đào tạo 2,5 năm, được thẩm định theo đúng quy định. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu lao động và chương trình đào tạo đã xây dựng, năm 2019 Trường tổ chức thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo Cắt gọt kim loại tăng thời lượng cho Sinh viên học ngoài doanh nghiệp.

Thông kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh 2017:

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	21	450	199	222	29
1	MH 01	Chính trị	5	90	60	24	6
2	MH 02	Pháp luật	2	30	22	6	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	36	3
5	MH 05	Tin học	3	75	17	54	4
6	MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	6	120	60	50	10
	II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	102	2595	565	1868	162
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở	18	285	173	91	21
7	MH 07	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	45	25	15	5
8	MH 08	Vật liệu cơ khí	2	30	24	4	2
9	MH 09	Dung sai – đo lường kỹ thuật	2	30	19	9	2
10	MH 10	Cơ kỹ thuật	4	60	39	17	4
11	MH 11	Kỹ thuật điện	3	45	30	12	3

12	MH 12	Kỹ thuật an toàn – môi trường công nghiệp	2	30	16	12	2
13	MĐ 13	AutoCad	2	45	20	22	3
	II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	84	2310	392	1777	141
14	MĐ 14	Sử dụng dụng cụ cầm tay	3	75	15	52	8
15	MĐ 15	Thực hành hàn	2	45	15	24	6
16	MĐ 16	Thực hành điện cơ bản	2	45	15	24	6
17	MH 17	Nguyên lý cắt và máy công cụ	4	60	42	14	4
18	MH 18	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	4	60	42	14	4
19	MĐ 19	Tiện trụ ngắn, tiện trụ dài >10d và cắt rãnh	5	120	30	82	8
20	MĐ 20	Tiện lỗ	3	75	15	53	7
21	MĐ 21	Phay, bào mặt phẳng, mặt bậc	4	105	15	82	8
22	MĐ 22	Phay, bào rãnh	4	105	15	82	8
23	MĐ 23	Tiện côn	3	75	15	53	7
24	MĐ 24	Tiện ren tam giác	3	75	15	53	7
25	MĐ 25	Tiên ren truyền động	3	75	15	53	7
26	MĐ 26	Phay đa giác và bánh răng trụ	5	105	15	82	8
27	MĐ 27	Vẽ và thiết kế cơ khí cơ bản	3	75	15	53	7
28	MĐ 28	Lập trình CAD/CAM/CNC	3	75	15	53	7
29	MĐ 29	Gia công trên máy CNC cơ bản	5	120	30	82	8
30	MĐ 30	Tiện kết hợp	4	105	15	82	8
31	MĐ 31	Tiện lệch tâm, tiện định hình	3	75	15	53	7
32	MĐ 32	Mài mặt phẳng	2	45	15	24	6
33	MĐ 33	Thực tập tốt nghiệp	16	720	0	720	0
34	MĐ 34	Tổ chức và quản lý sản xuất	3	75	23	42	10
		Tổng cộng	123	3045	764	2090	191

Thông kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh 2019:

TT	Mã MH/M Đ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệ m/ thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	29	435	157	255	23
1	MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
5	MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
6	MH 06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
	II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	100	2685	634	1899	152
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở	17	270	164	86	20
7	MH 07	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	45	25	15	5
8	MH 08	Vật liệu cơ khí	2	30	24	4	2
9	MH 09	Dung sai – đo lường kỹ thuật	2	30	20	8	2
10	MH 10	Cơ kỹ thuật	4	60	39	17	4
11	MH 11	Kỹ thuật điện	2	30	20	8	2
12	MH 12	An toàn, vệ sinh lao động	2	30	16	12	2
13	MĐ 13	Thiết kế trên AutoCad	2	45	20	22	3
	II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	83	2415	470	1813	132

14	MĐ 14	Sử dụng dụng cụ cầm tay	3	75	15	52	8
15	MĐ 15	Thực hành hàn	4	105	30	65	10
16	MĐ 16	Thực hành điện cơ bản	2	45	15	24	6
17	MH 17	Nguyên lý cắt và máy công cụ	3	45	30	11	4
18	MH 18	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	45	30	12	3
19	MĐ 19	Tiện trụ ngắn, tiện trụ dài l>10d và cắt rãnh	4	90	30	54	6
20	MĐ 20	Tiện lỗ	3	75	15	54	6
21	MĐ 21	Phay, bào mặt phẳng, mặt bậc	3	75	15	54	6
22	MĐ 22	Phay, bào rãnh	3	75	15	54	6
23	MĐ 23	Bài tập ứng dụng thực hành gia công Tiện, Phay, Bào	5	210	35	165	10
24	MĐ 24	Tiện côn	3	75	15	54	6
25	MĐ 25	Tiện ren tam giác	3	75	15	54	6
26	MĐ 26	Tiên ren truyền động	3	75	15	54	6
27	MĐ 27	Phay đa giác và bánh răng trụ	3	75	15	52	8
28	MĐ 28	Vẽ và thiết kế cơ khí cơ bản	3	75	15	54	6
29	MĐ 29	Lập trình CAD/CAM/CNC	3	75	15	54	6
30	MĐ 30	Gia công trên máy CNC cơ bản	5	105	30	67	8
31	MĐ 31	Tiện kết hợp	3	75	15	52	8
32	MĐ 32	Tiên lệch tâm, tiện định hình	3	75	15	53	7
33	MĐ 33	Mài mặt phẳng	2	45	15	24	6
34	MĐ 34	Thực tập tốt nghiệp	14	600	45	555	0
35	MĐ 35	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	30	195	0
		Tổng cộng	129	3120	791	2154	175

3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

		Số lượng tuyển sinh	Số	Tỷ lệ	
--	--	---------------------	----	-------	--

TT	Khóa học	Theo kế hoạch	Thực tế	lượng tốt nghiệp	học sinh tốt nghiệp (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)=(6) *100/(5)	
1	Khóa CGK CĐK1 (2010-2013)	70	11	11	100%	
2	Khóa CGK CĐK2 (2011-2014)	70	21	19	90,04%	
3	Khóa CGK CĐK3 (2012-2015)	70	19	17	89,5%	
4	Khóa CGK CĐK4 (2013-2016)	70	22	21	95,45%	
5	Khóa CGK CĐK5 (2014-2017)	70	17	15	88,23%	
6	Khóa CGK CĐK6 (2015-2018)	70	7	7	100%	
7	Khóa CGK CĐK7 (2016-2019)	70	23	22	95,6%	
8	Khóa CGK CĐK8 (2017-2020)	70	27	Đang học		
9	Khóa CGK CĐK9 (2018-2021)	70	39	Đang học		
10	Khóa CGK CĐK10 (2019-2022)	70	62	Đang học		

3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:

Tổng số: 6, trong đó:

- Nam : 6
- Nữ : 0
- Cơ hữu : 6
- Thỉnh giảng : 0
- Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	-	-	-
Thạc sĩ	02	0	02
Đại học	04	0	04
Cao đẳng	-	-	-
Trung cấp	-	-	-
Công nhân bậc 5/7 trở lên	-	-	-

Trình độ khác	-	-	-
Tổng số	6	0	6

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Văn phòng khoa	36,60m ²	01	
2	Phòng học lý thuyết	350 m ²	05	Tuỳ từng môn học được phân bổ theo thời khoá biểu
3	Kho trang thiết bị thực tập HS	33,20m ²	01	
4	Kho vật tư	35,30m ²	01	
5	Xưởng thực tập Tiên	500 m ²	02	
6	Xưởng thực tập Ngụội sửa chữa	100 m ²	01	
7	Xưởng thực tập Phay-Bào	150 m ²	01	
8	Xưởng thực tập Gò - Hàn	150 m ²	02	
9	Phòng máy CNC	150 m ²	01	
10	Phòng máy tính chuyên ngành	55 m ²	01	
11	Phòng/xưởng thực hành các môn chuyên ngành liên quan	1.241 m ²	17	Tuỳ từng môn học được phân bổ theo thời khoá biểu

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề trọng điểm, đánh giá toàn bộ hoạt động theo hệ thống tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Nâng cao nhận thức của viên chức, GV, nhân viên và học sinh, sinh viên trong trường công tác tự đánh giá; đánh giá mức độ, hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận, xem xét thực trạng, chất lượng của chương trình đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu chất lượng cho thời gian tiếp theo.

- Duy trì việc rà soát thường xuyên toàn bộ hoạt động của Trường, của chương trình đào tạo so với các tiêu chuẩn có liên quan trong bộ tiêu chí để kịp thời có những giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường hàng năm.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của chương trình đào tạo, có sự tham gia của tất cả các bộ phận và cá nhân liên quan.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ Trường, được cập nhật vào dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Thu thập tài liệu, thông tin, rà soát các hoạt động của Trường, đối chiếu các kết quả đạt được với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Xác định mức độ đạt của các tiêu chuẩn, lập kế hoạch cải thiện các tồn tại để nâng cao chất lượng của Trường.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Bước 2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Bước 3: Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
- Bước 4: Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	100/100	Đạt tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100/100	
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	06/06 (100%)	Đạt
1.1.	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	Đạt
1.2.	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	Đạt
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	Đạt
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14/14 (100%)	Đạt

2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	Đạt
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	Đạt
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	Đạt
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	Đạt
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	Đạt
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	Đạt

3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16/16	Đạt
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	Đạt
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	Đạt
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	Đạt
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	Đạt
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24/24 (100%)	Đạt
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt

4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	Đạt
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	Đạt
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	Đạt
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	Đạt
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	Đạt
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo	2	Đạt

	quy định.		
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	Đạt
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16/16 (100%)	Đạt
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	Đạt
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	Đạt
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	Đạt
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp	2	Đạt

	ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	Đạt
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8/8 (100%)	Đạt
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	Đạt
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	Đạt
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa	2	Đạt

	dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.		
7	Tiêu chí 7 – Giám sát, đánh giá chất lượng	16/16 (100%)	Đạt
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	Đạt
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	Đạt
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	Đạt
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	Đạt
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và	2	Đạt

	kết quả đánh giá ngoài (nếu có).		
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	Đạt

Điểm đánh giá các tiêu chí

Tiêu chí	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6/6
Tiêu chí 2	14/14
Tiêu chí 3	16/16
Tiêu chí 4	24/24
Tiêu chí 5	16/16
Tiêu chí 6	8/8
Tiêu chí 7	16/16
TỔNG	100/100

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Mô tả tiêu chí 1:

Mục tiêu của Trường là tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho HS-SV có năng lực thích ứng với việc làm trong xã hội, tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động, phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu của thành phố và phát triển kinh tế- xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các hoạt động của Trường thực hiện theo đúng theo Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng.

Công tác phát triển nguồn nhân lực luôn được Trường đặc biệt chú trọng và có chế độ khuyến khích hỗ trợ tài chính cho đội ngũ GV, cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý. Ngoài ra, việc nắm bắt và quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được Trường chú trọng qua

việc duy trì hoạt động của Đảng bộ hàng tháng, phát huy vai trò của các đoàn thể đem lại những cải tiến tích cực, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là một đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, luôn ổn định nên không gây xáo trộn lớn trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm của nhà trường. Trường đã thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất, đã triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, định kỳ hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, viên chức toàn trường để điều chỉnh bổ sung các định mức chi tiêu căn cứ theo quy định quản lý tài chính hiện hành. Công tác quản lý tài chính của trường thực hiện theo mô hình tập trung nên đã bám sát được nhu cầu thực tiễn để lập dự toán và điều chỉnh. Ưu tiên kinh phí cho hoạt động đào tạo và NCKH, các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập đúng với mục đích và mục tiêu phát triển của nhà trường. Kinh phí của trường được phân bổ, sử dụng hợp lý, minh bạch và đúng quy định, việc phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí được công khai tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong trường thông qua Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm.

Hàng năm việc lập và điều chỉnh dự toán, kế hoạch đều căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường và sự chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo, mua sắm đầu tư trang thiết bị phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức và giáo viên, đồng thời thường xuyên thực hiện tiết kiệm chi phí một cách hợp lý, có hiệu quả. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường;

Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường đạt chuẩn theo các văn bản pháp quy và đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính của đơn vị.

Chế độ quản lý tài chính thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và công khai.

** Những điểm mạnh:*

Trường có đủ các quyết định thành lập Trường được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, có văn bản qui định việc rà soát, điều chỉnh, định hướng chủ yếu vào việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, cơ cấu và danh mục nghề đào tạo của Trường đã cơ bản đáp ứng với tình hình kinh tế-xã hội của Tỉnh Bắc Ninh. Trường công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên Website của Trường.

Trường có đầy đủ các văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ phận trực thuộc theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các bộ phận được phân cấp hợp lý, có quyền chủ động trong công việc. Trường đã thực hiện định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản này cho phù hợp với thực tế và điều kiện của Trường; tổ chức Đảng, các Đoàn thể trong Trường phát huy được sức mạnh

Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ giáo viên, nhân viên; đầu tư kinh phí để nâng cao trình độ của

cán bộ giáo viên hàng năm, vì vậy số cán bộ giáo viên đạt trình độ cao ngày càng tăng về số lượng và chất lượng.

Trường xây dựng và hoạt động theo Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật hàng năm qua Hội nghị Cán bộ viên chức và dựa trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Quá trình thực hiện quy chế đó đã thực sự phát huy tác dụng hiệu quả của nó và đảm bảo sự cho phát triển của nhà trường trong tình hình mới.

Trường thực hiện đúng quy định của Nhà nước về công tác lập báo cáo tài chính, sổ sách công khai, minh bạch, rõ ràng và đầy đủ cho từng năm hoạt động;

Công tác lập kế hoạch tài chính phù hợp với thực tế và với nhu cầu đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Trường, việc quản lý và sử dụng kinh phí được công khai hóa, minh bạch, tuân thủ các quy định của Nhà nước.

** Những tồn tại:*

Kế hoạch tài chính của trường phụ thuộc vào định mức Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo. Tuy nhiên định mức hiện đang áp dụng chưa phù hợp với tình hình giá cả thị trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng.*

Nhà trường luôn đảm bảo nguồn lực về tài chính để phục vụ cho các hoạt động của Nhà trường, nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo

Nhà trường tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu mà xã hội cần, có như vậy mới thu hút người học và tạo nguồn thu cho đơn vị. Phối hợp sắp xếp lớp học hợp lý để giảm chi phí giảng dạy.

Xây dựng và thực hiện các quy trình quản lý chất lượng quản lý thu-chi ngân sách trong nhà trường.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa. Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyển sinh để thu hút HSSV vào trường ngày càng tăng.

Xây dựng quy trình cụ thể về phân bổ tài sản cho các đơn vị và quy định trách nhiệm khai thác, sử dụng có hiệu quả; lập kế hoạch dự toán và phân phối vật tư thực tập cho các xưởng thực hành; phối hợp với các bộ phận chức năng để xây dựng định mức chi phí tài chính cho từng ngành nghề đào tạo;

Hàng năm trường điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường trên cơ sở chi tiêu đúng chế độ quy định, đảm bảo theo hướng khuyến khích đầu tư phát triển, đồng thời quan tâm hơn nữa đến việc tăng thu nhập của cán bộ, giáo viên, công nhân viên;

Tiêu chuẩn 1. *Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.*

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu và sứ mạng của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là tiếp tục quán triệt và thực hiện mục tiêu hoạt động của nhà trường tới giáo viên, cán bộ công nhân viên như trong nghị quyết ban chấp hành Đảng ủy nhiệm kỳ 2015-2020:

“Tiếp tục xây dựng nhà trường trở thành trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng Hội nhập quốc tế”

Nhà trường quán triệt và thực hiện tốt các Quy định về Điều lệ trường Cao đẳng (**1.1.01** - *Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định về điều lệ trường Cao đẳng*). Xác định được tầm quan trọng về đào tạo nghề trong tương lai và vị trí địa lý thuận lợi trong công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhà trường đã xây dựng đề án thành lập trường Cao đẳng để cụ thể hóa nhiệm vụ chính trị của nhà trường (**1.1.02** – *Đề án thành lập trường Cao đẳng*).

Chương trình đào tạo thể hiện rõ mục tiêu, tính tự chủ tự chịu trách nhiệm được thể hiện (**1.1.03** – *Chương trình đào tạo ngành CGKL*). Trên cơ sở định hướng phát triển ngành nghề đào tạo Nhà trường đã định hướng cụ thể mục tiêu đào tạo của nhà trường (**1.1.04** – *QĐ 32/QĐ-CĐCN, ngày 21/01/2020 của trường CĐCN Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường*). Mục tiêu của chương trình đào tạo được quy định rõ và công khai rộng rãi trên website của trường (**1.1.05** – *www.bci.edu.vn*)

Sinh viên ngành Cắt gọt kim loại sau khi ra trường được khẳng định vị trí việc làm và có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 95% (**1.1.06** – *Công văn tuyển dụng của công ty Samsung, Foxconn, tập đoàn KHKT Hồng Hải*).

Hàng năm để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, nhà trường đề nghị khoa chuyên môn tổ chức họp, rà soát mục tiêu của chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động (**1.1.07** – *TB số 06/TB-CĐN ngày 28/3/2017 về việc kết luận của ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, TB số 29/TB-CĐCN ngày 3/7/2019 về việc rà soát, áp dụng chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy Mô đun*).

Bên cạnh đó nhà trường cũng chú trọng xin ý kiến của chuyên gia, đại diện cho các doanh nghiệp về xây dựng chương trình đào tạo (**1.1.08** – *QĐ 192, 193 năm 2019 về việc thành lập ban rà soát và ban thẩm định chương trình đào tạo*).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.*

Ngay từ khi thành lập ban nghề Nhà trường đã xác định nghề Cắt gọt kim loại là ngành nghề quan trọng, mũi nhọn của Nhà trường và xác định thuộc khoa CN Cơ khí (có giao cho khoa CN Cơ khí phụ trách chương trình ngành Cắt gọt kim loại (**1.2.01**- *Quyết định thành lập khoa cơ khí*). Trên cơ sở đó, nhà trường thành lập tổ biên soạn chương trình để thực hiện nhiệm vụ đào tạo chương trình ngành CGKL

(1.2.02- Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn chương trình đào tạo ngành CGKL).

Từ năm 2017 đến nay, nhà trường thành lập khoa Công nghệ Cơ khí thực hiện chức năng tiếp quản ngành CGKL *(1.2.03- Quyết định đổi tên khoa Cơ khí thành khoa CN Cơ khí); (1.2.04- Chức năng nhiệm vụ khoa CN Cơ khí) (hình chụp từ web khoa).*

Hàng năm khoa CNCK xây dựng kế hoạch đào tạo và báo cáo kết quả hoạt động của khoa trong đó có ngành CGKL thực hiện báo cáo kết quả CTĐT phụ trách đào tạo *(1.2.05- Kết quả năm học của khoa); (1.2.06- Báo cáo kết quả năm học của khoa).* Trải qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học khoa đã đạt được các thành tích như Tập thể lao động xuất sắc, riêng ngành CGKL có nhiều giáo viên đạt thành tích cao trong dạy học. Học sinh ngành CGKL luôn đạt được những kết quả cao trong các cuộc thi do nhà trường, của tỉnh và Quốc gia tổ chức như giải nhất hội thi tay nghề trẻ do thành đoàn tổ chức, giải nhì tay nghề ngành CGKL... *(1.2.07- Các quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen đối với ngành CGKL, sinh viên ngành CGKL).*

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.*

Xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo:

+ Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là đơn vị sự nghiệp có thu và được cấp kinh phí theo chỉ tiêu biên chế *(1.3.01- Quyết định về việc giao chỉ tiêu và dự toán ngân sách năm 2017, 2018, 2019,).* Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nhà trường đã cân đối các khoản thu hợp pháp: Thu học phí, thu liên kết đào tạo, thu dịch vụ và thu các khoản khác *(1.3.02- Báo cáo thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, 2018, 2019,; 1.3.03 - Quyết toán ngân sách năm 2017, 2018, 2019,);* Việc cân đối thu chi được thực hiện đúng luật pháp, hàng năm đã giành một phần cho công tác đào tạo được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ *(1.3.04 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017, 2018, 2019,);* Căn cứ vào dự toán hàng năm, nguồn thu khác, căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường đã lập dự toán cho các mục chi, cụ thể xây dựng định mức vật tư cho từng ca học sinh, sinh viên thực tập theo từng nghề *(1.3.05 - Có biểu định mức chi vật tư cho từng ca, từng học sinh, sinh viên thực tập năm 2017, 2018, 2019,);*

+ Có kinh phí chi cho một học sinh hàng năm: Căn cứ vào định mức vật tư cho một học sinh, sinh viên nhà trường đã cấp kinh phí mua vật tư cho học sinh, sinh viên *(1.3.06 - Dự trù vật tư các đơn vị năm 2017, 2018, 2019,; 1.3.07 - Bảng định mức kinh phí chi cho một HS trường xây dựng năm 2017, 2018, 2019);*

Qua các số liệu minh chứng trên trường đảm bảo kinh phí phục cho công tác đào tạo của nhà trường.

+ Có các nguồn thu hợp pháp từ học phí, liên kết đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Nhà trường có nguồn thu từ học phí: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần kinh phí. Nhà trường đã thực hiện đúng theo Nghị định 16/2015 NĐ-CP năm 2015, cụ thể:

- + Thu học phí: bao gồm cả hệ dài hạn, ngắn hạn.
- + Thu liên kết đào tạo .
- + Thu dịch vụ khác.

Để duy trì các hoạt động đào tạo, từ các nguồn thu hợp pháp nhà trường đã điều tiết các khoản chi phù hợp, đảm bảo theo các quy định pháp luật; tạo nguồn thu từ liên kết đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (**1.3.08 – Các hợp đồng liên kết đào tạo**)

Căn cứ báo cáo về các nguồn thu từ học phí, liên kết đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm và biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán công tác tài chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (trong thời gian 3 năm trước năm kiểm định đến thời điểm kiểm định) thể hiện trường có các nguồn thu hợp pháp từ học phí, liên kết đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (**1.3.09- Kết luận thanh tra chấp hành chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng Ngân sách; 1.3.10 - Biên bản kiểm toán, thanh tra năm 2017,2018,2019**)

- Các nguồn tài chính được quản lý và phân bổ chi tiêu đúng mục đích, đúng quy định. Có hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định.

+ Nguồn tài chính của Trường hiện bao gồm: Nguồn thu do NSNN cấp, từ nguồn tài trợ, nguồn thu hợp pháp khác (**1.3.02 - Báo cáo nguồn thu tài chính từ học phí, hoạt động sản xuất năm 2017, 2018, 2019,**). Nhà trường quản lý toàn bộ nguồn tài chính theo chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp (Ban hành theo thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính thay thế QĐ số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính)

+ Căn cứ kế hoạch dự toán hàng năm được giao (**1.3.01- Quyết định về việc giao chỉ tiêu và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, 2018, 2019,**; **1.3.02- Báo cáo các nguồn thu tài chính từ học phí, lệ phí, liên kết đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thu khác năm 2017, 2018, 2019, 2020;** **1.3.04 - Quy chế Chi tiêu nội bộ 2017, 2018, 2019,**; **1.3.11 - Bộ hồ sơ lưu trữ tại phòng Kế toán các năm**). Trường sử dụng các nguồn tài chính này phục vụ cho công tác đào tạo và các hoạt động khác. Qua số liệu các năm thực hiện, nguồn thu trên đảm bảo đạt định mức chi cho đào tạo một học sinh - sinh viên/năm và có kết dư tích lũy.

+ Căn cứ báo cáo về các nguồn thu từ học phí, liên kết đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm và biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán công tác tài chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (trong thời gian 3 năm trước năm kiểm định đến thời điểm kiểm định) thể hiện trường có các nguồn thu hợp pháp từ học phí, lệ phí, liên kết đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: (**1.3.10 - Biên bản kiểm toán, thanh tra năm 2017,2018,2019**)

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã và đang thực hiện đa dạng các loại hình đào tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao thuộc các lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật đạt chuẩn quốc tế như: ngành Cắt gọt kim loại và các ngành nghề khác theo quy định; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong quá trình đào tạo ngành Cắt gọt kim loại để tạo điều kiện thuận lợi cho người học, nhà trường đã nghiên cứu, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất để đáp ứng với hình thức đào tạo theo niên chế, tích lũy Mô đun của nhà trường theo yêu cầu của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh Xã hội, Các ngành, nghề đào tạo của trường được Bộ Lao động - Thương Binh Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Nhà trường coi công tác đổi mới phương pháp dạy học là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo: giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực tự học của HSSV; ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học là những biện pháp cụ thể để đạt mục tiêu này.

Việc thu thập thông tin về HSSV đã tốt nghiệp ngành Cắt gọt kim loại của Trường; phân tích, đánh giá tình hình việc làm, thu nhập, khả năng học tiếp của HSSV đã tốt nghiệp là cơ sở để nhà trường điều chỉnh, bổ sung CTĐT, phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

** Những điểm mạnh:*

Trường chú trọng xây dựng quy chế và thực hiện tốt công tác tuyển sinh ngành Cắt gọt kim loại ở các cấp đào tạo; Xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo cho các lớp học, khóa học đảm bảo đúng thời gian và mục tiêu đào tạo từng ngành nghề cụ thể. Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình dạy và học; đổi mới phương pháp dạy học, khuyến khích sử dụng các phương pháp dạy học tích cực. Đổi mới và cải tiến các phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng hợp tác nhóm và khả năng làm việc độc lập của người học.

** Những tồn tại:*

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo chưa tương xứng với vai trò và giá trị đích thực của nhà trường. Nhà trường mới rà soát, nghiên cứu, xây dựng và tổ chức đào tạo liên thông ở trình độ Trung cấp và Cao đẳng, chưa tổ chức được đa dạng các hoạt động đào tạo liên thông giữa các cấp đào tạo trong nhà trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Dựa trên những điểm mạnh và tồn tại ở trên, Trường sẽ phát huy những điểm mạnh và khắc phục dần những tồn tại. Từ năm 2019 trở đi Trường sẽ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện tổ chức các hoạt động về đào tạo liên thông các cấp học trong nhà Trường; tiếp tục hợp tác với các trường đại học tiến hành tạo nguồn tuyển sinh đào tạo các cấp trình độ cao hơn như: đại học, thạc sĩ... Tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm đưa các học viên ngành Cắt gọt kim loại tham

gia học tập, thực tập và làm quen với môi trường làm việc thực tế. Tăng cường cơ sở vật chất phòng học thực hành, trang thiết bị, máy móc thực hành ngành Cắt gọt kim loại tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều làm việc thực tế. Tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo và việc làm; tìm hiểu các cơ hội để hợp tác quốc tế về đào tạo, tiếp thu các phương thức đào tạo tiên tiến, hiện đại và phù hợp.

Tiêu chuẩn 1: *Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh đã thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT- BLĐTBXH ngày 02/3/2017, Thông tư số 07/2019/TT- BLĐTBXH ngày 07/3/2019 trên cơ sở đó Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo đúng quy định (**2.1.01** - *Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; **2.1.02**- *Thông báo tuyển sinh năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*); nhằm đưa ra các quy định đảm bảo đúng pháp luật và phù hợp với nhu cầu người học tại tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện công tác tuyển sinh nghiêm túc, công bằng, khách quan, Nhà trường tuyển sinh đúng ngành nghề và chỉ tiêu tuyển sinh đăng ký đào tạo trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được TCDN cấp phép (**2.1.03** - *Kế hoạch tuyển sinh năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; **2.1.04** - *Tiêu chí xét tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020*; **2.1.05** - *Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; **2.1.06** - *Hồ sơ đăng ký học nghề 2017, 2018, 2019*). Hồ sơ dự tuyển được trường tiếp nhận trực tiếp và công khai tại trường; danh sách dự tuyển được lập theo từng nghề. Hội đồng tuyển sinh sẽ dựa vào các tiêu chuẩn để xác định và duyệt danh sách trúng tuyển. Danh sách này được niêm yết tại trường, Học sinh sinh viên nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện. Kết quả tuyển sinh hàng năm được báo cáo Sở lao động - Thương binh và Xã hội Bắc Ninh theo quy định (**2.1.07** - *Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*). Các hoạt động tuyển sinh của trường được thực hiện một cách công bằng, nghiêm túc và khách quan, công khai, đúng luật đảm bảo quyền lợi người học và đảm bảo chất lượng tuyển sinh (**2.1.08** - *Biên bản xét tuyển của HĐ tuyển sinh năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; **2.1.09** - *Quyết định biên chế lớp năm 2017-2018, 2018-2019*; **2.1.10** - *Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020*). Hàng năm không có khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về công tác tuyển sinh.

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 2: *Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trên cơ sở các quy định của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp - Bộ lao động thương binh và xã hội đã ban hành; nhà trường đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và đã được cấp phép theo đúng quy định (**2.2.01** - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*); đồng thời nhà trường cũng đã đăng ký bổ xung thêm một số ngành nghề mới đáp ứng nhu cầu

đào tạo tại địa phương và cũng đã được cấp phép (2.2.02 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017); trên cơ sở đã được cấp phép nhà trường đã tổ chức rà soát và xây dựng chuẩn đầu ra cho 100% các chương trình đào tạo đã được cấp phép và công khai trên Website của nhà trường, Đài phát thanh và truyền hình Bắc Ninh; các trang thông tin tuyển sinh của Bộ lao động và các bộ ngành khác.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành chương trình các nghề đào tạo theo quy định và đúng với giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp (2.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp ; 2.2.02 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2017; 2.2.03 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 2.2.04 - Quyết định số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/5/2017, Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017, 2019).

Hàng năm Nhà trường căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo học kỳ, năm học và được đưa tới các đơn vị phòng, khoa trong trường để tổ chức thực hiện (2.2.05 - Kế hoạch đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.06 - Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Để tăng cường công tác thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhà trường đã xây dựng công tác thanh kiểm tra chuyên môn (2.2.07- Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019), tổ chức việc giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo một cách thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo từng nghề của Phòng Đào tạo và Khoa chuyên môn (2.2.08 - Sổ lên lớp; 2.2.09 - Giáo án giảng dạy; 2.2.10 - Sổ tay nhà giáo, 2.2.11 - Quyết định ban hành chương trình dạy nghề). Việc kiểm tra giám sát công tác của Khoa và giáo viên được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất bằng các biện pháp như: Kiểm tra hồ sơ sổ sách chuyên môn, kế hoạch giáo viên công tác dự giờ giáo viên thông qua các hoạt động đó để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo bảo đảm thực hiện đạt chất lượng và hiệu quả (2.2.12 - Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019)

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm Nhà trường căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Nhà trường

đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo theo học kỳ, năm học và được đưa tới các đơn vị phòng, khoa trong trường để tổ chức thực hiện (2.2.05 - Kế hoạch đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.06 - Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Để tăng cường công tác thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhà trường đã xây dựng công tác thanh kiểm tra chuyên môn (2.2.07- Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019), tổ chức việc giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo một cách thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo từng nghề của Phòng Đào tạo và Khoa chuyên môn (2.2.08 - Sổ lên lớp; 2.2.09 - Giáo án giảng dạy; 2.2.10 - Sổ tay nhà giáo). Việc kiểm tra giám sát công tác của Khoa và giáo viên được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất bằng các biện pháp như: Kiểm tra hồ sơ sổ sách chuyên môn, kế hoạch giáo viên công tác dự giờ giáo viên thông qua các hoạt động đó để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo bảo đảm thực hiện đạt chất lượng và hiệu quả (2.2.11 - Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019)

Với mục tiêu hội nhập khu vực và thế giới, hàng năm nhà trường không ngừng đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, các phần mềm hỗ trợ dạy học ...để hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học (2.3.01 - Danh sách các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector, màn chiếu ...). Ngoài ra nhà trường cũng đầu tư các phần mềm dạy học phù hợp với các ngành nghề tạo tạo tại trường, đáp ứng nhu cầu thực tế nghề nghiệp (2.3.02 - Danh sách các phần mềm nhà trường đã mua: Misa, Top solid; inventer, Siemen S7-300, phần mềm Quản lý đào tạo, phần mềm Quản lý công việc “Base...”...)

Công tác đào tạo là vấn đề quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhà trường, chính vì vậy mà cơ sở dữ liệu lưu trữ về các hoạt động đào tạo được xác định phải thực hiện một cách khoa học và hiệu quả. Trên cơ sở dữ liệu được lưu trữ, quản lý và khai thác hiệu quả nhằm mã hóa thông tin sử dụng lâu dài đặc biệt trong các lĩnh vực cơ bản như Đào tạo, thư viện; Tài chính của nhà trường (2.3.03 - Phần mềm quản lý và lưu trữ dữ liệu đào tạo; 2.3.04 - Phần mềm quản lý thư viện; 2.3.05 - Phần mềm quản lý tài chính - kế toán; Quyết định số 38/QĐ-CĐCN, ngày 25/02/2019 về việc thành lập Ban hành Quy định về việc quản lý hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, 2.3.06 - Các gói phần mềm đi theo thiết bị PLC, máy phay CNC, máy quét 3D.)

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, tổ chức đào tạo với các loại hình, đào tạo chính quy các

trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp; đào tạo nghề thường xuyên bằng các hình thức liên kết đào tạo với các doanh nghiệp, tổ chức để tiến hành đào tạo tại trường hoặc tại doanh nghiệp (2.4.01 - Hợp đồng thực tập với công ty điện tử Samsung Việt Nam; 2.4.02 - Hợp đồng thực tập với công ty Intops Việt Nam; Hợp đồng với các công ty TNHH ABB Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH Sanwa Việt Nam; 2.4.03- Hợp đồng thực tập và đào tạo kép với công ty TNHH ABB Việt Nam ...); Ngoài ra nhà trường còn kết hợp với các trung tâm giáo dục thường xuyên để liên kết đào tạo văn hóa và đào tạo nghề cho các đối tượng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (2.4.04 - Các hợp đồng liên kết đào tạo với TTGD TX Gia Bình,).

Trường đã có chủ trương và tổ chức liên kết với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong quá trình đào tạo để tạo điều kiện cho HSSV Nhà trường được tiếp xúc với các điều kiện làm việc thực tế để chuẩn bị tâm thế và lựa chọn, tìm hiểu các cơ hội việc làm sau khi ra trường (2.4.05 - Kế hoạch thực tập năm 2017, 2018, 2019; 2.4.06 - Các hợp đồng, các Biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp, nhà máy về thực tập sản xuất của học sinh; 2.4.07 - Các quyết định cử học sinh đi thực tập sản xuất tại các cơ sở), Ngoài ra trong quá trình đào tạo Nhà trường thường xuyên liên kết với doanh nghiệp để đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo, việc liên kết với các cơ sở cũng là cơ hội để Nhà trường lấy ý kiến của các cơ sở doanh nghiệp, nhà máy về chất lượng đào tạo của Nhà trường (2.4.08 - Báo cáo thực tập sản xuất của học sinh tại các cơ sở có nhận xét của cơ sở tiếp nhận năm 2017, 2018, 2019; 2.4.09 - Tổng hợp kết quả đi thực tập của học sinh theo từng đợt năm 2017, 2018, 2019; 2.4.10 - Hình ảnh các lớp đi thực tập tại doanh nghiệp 2017, 2018, 2019).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm .

Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trên cơ sở (2.5.01- Quyết định ban hành Quy định về việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; 2.5.02- Quyết định về việc đánh giá kết quả rèn luyện HSSV) nhà trường đã tổ chức thực hiện kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp cho các lớp, các khóa đúng trình tự và đúng quy định (2.5.03- Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học – mô đun; 2.5.04- Các kế hoạch tổ chức kiểm tra hết môn học-mô đun theo học kỳ, 2.5.05 - Kế hoạch thi tốt nghiệp) và công khai kết quả đánh giá kết quả học tập (2.5.06- Bảng tổng hợp kết quả học tập từng học kỳ, năm học, khoá học; 2.5.07 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp 2017, 2018, 2019).

Trường đã xây dựng và ban hành quy định về việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp dựa trên cơ sở là Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng

tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và có quy định về việc phản hồi kịp thời cho người học (2.5.01- Quyết định về việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp năm 2017, 2019; 2.5.02- Quyết định về việc đánh giá kết quả rèn luyện hssv).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định: Để tăng cường công tác thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhà trường đã xây dựng công tác thanh kiểm tra chuyên môn (2.2.07- Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019), tổ chức việc giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo một cách thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo từng nghề của Phòng Đào tạo và Khoa chuyên môn (2.2.08 - Sổ lên lớp; 2.2.9 - Giáo án giảng dạy; 2.2.10 - Sổ tay nhà giáo). Việc kiểm tra giám sát công tác của Khoa và giáo viên được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất bằng các biện pháp như: Kiểm tra hồ sơ sổ sách chuyên môn, kế hoạch giáo viên công tác dự giờ giáo viên thông qua các hoạt động đó để điều chỉnh tiến độ, kế hoạch đào tạo bảo đảm thực hiện đạt chất lượng và hiệu quả (2.2.11 - Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019)

Thực hiện công tác kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo theo quy định (2.2.07- Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019; 2.6.01 - Quyết định thành lập đoàn thanh kiểm tra; 2.2.11 - Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo theo kế hoạch năm 2017, 2018, 2019); hàng năm Trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và người học về nâng cao chất lượng đào tạo (2.6.02- Kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, người học về nâng cao chất lượng đào tạo; 2.6.03 - Phiếu khảo sát ý kiến nâng cao chất lượng đào tạo; 2.6.04 - Tổng hợp kết quả thu thập ý kiến nâng cao chất lượng đào tạo) từ đó đánh giá và điều chỉnh các phương pháp dạy và học cho phù hợp tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, cuối năm đều đánh giá công tác thanh kiểm tra và quá trình thực hiện đào tạo tại báo cáo tổng kết và đưa ra hướng khắc phục những sai sót còn tồn tại để ngày càng hoàn thiện hơn (2.6.05 - Báo cáo tổng kết năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Báo cáo tổng kết năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019, Báo cáo tổng kết năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường tiến hành công tác tổ chức đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ nghề nghiệp của trường (2.07.01- Kế hoạch xây dựng và thực hiện công tác đào tạo liên thông, 2.07.02- Quy chế đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, 2.07.03 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng...), hiện tại Nhà trường đang tổ chức thực hiện được việc tuyển sinh và đào tạo liên thông theo quy định.

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Trong thời gian qua Đảng uỷ, Ban giám hiệu (BGH) trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh luôn xác định đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Ngành Cắt gọt kim loại là một trong những ngành nghề trọng điểm được nhà trường đặc biệt quan tâm chú trọng về mọi mặt trong đó có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của đơn vị, nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giáo viên ngành Cắt gọt kim loại theo hướng đảm bảo về số lượng, nâng cao về chất lượng. Hiện nay, chương trình đào tạo ngành Cắt gọt kim loại có sự tham gia của 06 cán bộ, giáo viên (100% giáo viên cơ hữu). Trong đó 100% giáo viên đảm bảo chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - TBXH về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

** Những điểm mạnh:*

Trường có đủ giáo viên đảm nhiệm dạy tất cả các môn học, mô đun của các ngành Cắt gọt kim loại. Đảm bảo tỷ lệ học sinh sinh viên/Giáo viên theo quy định. Đội ngũ giáo viên nhà trường đạt chuẩn về trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Nhà trường đảm bảo tất cả các môn học, mô-đun nghề có đủ số lượng giáo viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ HSSV/GV đúng theo quy định. Số giáo viên dạy cả lý thuyết và thực hành đảm bảo tỷ lệ theo quy định. Giáo viên giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. Tham gia các hoạt động phổ biến thông tin và chuyển giao công nghệ, áp dụng thành tựu khoa học - công nghệ vào thực tế. Đa số giáo viên tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hàng năm nhà trường đặc biệt chú trọng đưa giáo viên đi thực tập tại các công ty, doanh nghiệp. Giáo viên tích cực tham gia công tác NCKH, các hội thi nhà giáo GDNN, hội thi thiết bị tự làm các cấp. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên của nhà trường có phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng được yêu cầu công tác; thường xuyên tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt.

** Những tồn tại:*

100% giáo viên ngành Cắt gọt kim loại đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ tuy nhiên trình độ kỹ năng nghề chưa cao, ít giáo viên có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy. Số lượng giáo viên có trình độ thạc sĩ còn thấp, chưa có tiến sĩ.

Vẫn còn tình trạng giáo viên dạy thừa giờ, vượt giờ quá quy định do giáo viên ngành Cắt gọt kim loại còn tham gia giảng dạy ở một số ngành nghề khác. Giáo viên chưa có nhiều thời gian tham gia nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng.

Đội ngũ cán bộ quản lý khoa chưa được kiện toàn, hiện nay khoa mới có 01 Phó trưởng khoa chính vì vậy công tác quản lý, điều hành gặp nhiều khó khăn nhất là các thời điểm bố trí đi công tác.

Công tác học tập, nâng cao trình độ tay nghề của giáo viên chủ yếu thông qua các đợt thực tập của HSSV, chưa tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo chuyên đề về chuyên môn.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tuyển dụng bổ sung thêm giáo viên nhằm hạn chế tối đa số giáo viên dạy vượt giờ quy định.

Kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý khoa, đảm bảo tối thiểu có 01 Trưởng khoa, 01 Phó trưởng khoa nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành khoa.

Tăng cường cử giáo viên đi học thạc sĩ, tiến sĩ, tin học, ngoại ngữ.

Xây dựng cơ chế phối hợp với với doanh nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cử giáo viên đi thực tế tại doanh nghiệp để cập nhật công nghệ mới và nâng cao trình độ tay nghề. Tiếp tục cử giáo viên tham gia đánh giá kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu được quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - TBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 1: *100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có 06 giáo viên tham gia giảng dạy ngành Cắt gọt kim loại. Hiện nay 06/06 giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành như trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành nghề; ngoại ngữ; tin học. Trong đó 100% giáo viên có trình độ từ đại học trở lên, với 02 giáo viên có trình độ thạc sĩ. (**3.1.01** *Danh sách trích ngang giáo viên năm 2017, 2018, 2019;*; **3.1.02** *Kế hoạch giáo viên các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020.* **3.1.03** *Hồ sơ cán bộ, viên chức năm 2017, 2018, 2019;*; **3.3.04** *Phiếu đánh giá nhà giáo năm 2017, 2018, 2019*.)

Tuy 100% giáo viên đạt chuẩn kỹ năng nghề song trình độ kỹ năng nghề chưa cao, trình độ tin học, ngoại ngữ còn hạn chế. Trong năm 2019 nhà trường cần tích cực cử giáo viên đi thi trình độ kỹ năng nghề quốc gia, tăng cường cử giáo viên xuống thực tế tại doanh nghiệp để cập nhật công nghệ mới và nâng cao trình độ tay nghề.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

Hiện nay đa số là giáo viên giảng dạy ngành Cắt gọt kim loại trực thuộc khoa Công nghệ cơ khí, còn lại 01 giáo viên kiêm nhiệm là lãnh đạo nhà trường đảm nhận 40 giờ giảng/năm học. Trong thời gian qua, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phổ biến, quán triệt nội quy, quy chế của Nhà trường nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Kết quả 100% viên chức, lao động có phẩm chất chính trị, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (**3.1.01** *Danh sách trích ngang giáo viên năm 2017, 2018, 2019;*; **3.1.03** *Hồ sơ cán bộ, viên chức năm 2017, 2018, 2019;*; **3.2.01** *Thông báo số 36/TB-CĐCN ngày 05/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2017.* **Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 10/12/2017 của**

trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2018. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2019).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Nhà trường đã đảm bảo được tất cả các môn học, mô-đun, nghề Cắt gọt kim loại có đủ số lượng giáo viên đứng lớp. Trong đó đội ngũ giáo viên cơ hữu đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu để thực hiện các chương trình đào tạo. (3.3.01 Tiến độ đào tạo năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 3.1.02 Kế hoạch giáo viên các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. 3.3.02 Kế hoạch phân công nhà giáo cho toàn khóa của chương trình năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 3.3.03 Danh sách người học từng lớp, danh sách thể hiện số người học học thực hành)

Trên cơ sở quy định chung về chế độ làm việc của nhà giáo GDNN, trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã cụ thể hóa chế độ làm việc của giáo viên trong trường, quy định cụ thể số giờ giảng dạy của giáo viên nhà trường, trong đó có giáo viên ngành Cắt gọt kim loại. Cuối mỗi năm học Nhà trường thực hiện tổng hợp giờ giảng và thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ theo quy định. (3.3.04 Quyết định của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN; 3.3.05 Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. 3.3.06 Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Thông qua bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo cho thấy đối với ngành Cắt gọt kim loại Nhà trường bảo đảm tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi 18 học sinh/giáo viên. Tuy nhiên do bố trí giáo viên ngành Cắt gọt kim loại tham gia giảng dạy các ngành nghề đào tạo khác dẫn tới việc giáo viên dạy thừa giờ, vượt giờ quá quy định. (3.3.07 Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. 3.1.01 Danh sách trích ngang giáo viên năm 2017, 2018, 2019; 3.3.08 Quyết định biên chế các lớp cao đẳng CGKL các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020)

Hiện nay 100% giáo viên tham gia giảng dạy ngành Cắt gọt kim loại là giáo viên cơ hữu, chính vì vậy trường giáo viên cơ hữu đảm nhận 100% khối lượng chương trình của ngành đào tạo. Tỷ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học đạt 33% tổng số giáo viên. (3.3.09 Bảng thống kê tỉ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học năm 2017, 2018, 2019).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Kết quả 03 năm gần đây cho thấy, đội ngũ giáo viên ngành Cắt gọt kim loại tích cực tham gia công tác nghiên cứu khoa học, các hoạt động sinh hoạt chuyên môn do

nhà trường và cấp trên tổ chức. Đến nay 100% giáo viên đã đạt danh hiệu giáo viên giỏi nghề cấp trường trở lên. 100% giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học được Hội đồng khoa học. Có nhiều mô hình tham gia Hội thi thiết bị đào tạo nghề các cấp. Năm 2019, 01 mô hình do nhóm tác giả gồm Nguyễn Văn Mễ, Khương Quang Sơn, Phan Đăng Thực và Phan Văn Nghiêm giáo viên nghề Cắt gọt kim loại đạt giải Ba tại Hội thi thiết bị đào tạo nghề tự làm toàn quốc. (3.4.01 Quyết định công nhận các ĐTKH, SKKN các năm 2017, 2018, 2019,;. 3.4.02 Quyết định công nhận kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường các năm 2017, 2018, 2019,;. 3.4.03 Quyết định công nhận kết quả hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5. Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Hàng năm, nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và có văn bản cử giáo viên đi học tập, bồi dưỡng. Đặc biệt hàng năm nhà trường được tổ chức Hợp tác phát triển Đức - GIZ hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, trong đó ngành Cắt gọt kim loại là một trong những ngành nghề trọng điểm được chú trọng có số lượt giáo viên được cử đi học nhiều nhất. Kết quả công tác này được thể hiện bằng các hình ảnh, tài liệu của nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. (3.5.01 Kế hoạch số 47/KH-CDN ngày 28/12/2016 của trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2017. Kế hoạch số 32/KH-CDN ngày 28/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018. Kế hoạch số 50/KH-CDN ngày 20/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019. Kế hoạch số 47/KH-CDN ngày 16/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2020; 3.5.02 Các Quyết định cử giáo viên tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2017, 20218, 2019,; 3.5.03 Hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2017, 2018, 2019,; 3.5.04 Công văn số 108/CĐCN - TCHC ngày 15/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2017. Báo cáo số 27/BC - CĐCN ngày 10/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018. Báo cáo số 41/BC - CĐCN ngày 12/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019.).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6. 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh thường xuyên quan tâm để giáo viên cập nhật kiến thức mới, công nghệ tiên tiến, tiếp cận với máy móc, trang thiết bị hiện đại của các doanh nghiệp. Hàng năm nhà trường cử giáo viên đến làm việc tại các công ty, doanh nghiệp có máy móc, trang thiết bị phù hợp với ngành nghề. (3.6.01 Quyết định cử giáo viên quản lý HSSV thực tập tại doanh nghiệp).

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh thực hiện quy định tại Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH, Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, trên cơ sở danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn của ngành/ngành đào tạo. Kết quả công tác này được thể hiện bằng các hình ảnh, tài liệu nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động. Đối chiếu với quy định tại Thông tư 06/2017/TT-BLĐTBXH thì giáo viên tại trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh đã thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động. **(3.3.01** Danh sách trích ngang nhà giáo năm 2017, 2018, 2019, **MC 3.6.02** Danh sách nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019, **3.6.03** Hình ảnh nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019, **3.6.04** Các Quyết định cử nhà giáo đi thực tế tại các công ty, doanh nghiệp).

Đặc biệt hiện nay, nhà trường phối hợp cùng các công ty ABB Việt Nam, Sanwa thực hiện chương trình đào tạo kết hợp Nhà trường - Doanh nghiệp. Đây là chương trình tối đa hóa thời gian đào tạo tại doanh nghiệp, là điều kiện thuận lợi để HSSV và giáo viên được tiếp cận với nền sản xuất tiên tiến. **(3.6.05** Quyết định cử giáo viên tham gia chương trình đào tạo kết hợp Nhà trường - Doanh nghiệp tại công ty ABB Việt Nam. **3.6.06** Quyết định cử giáo viên tham gia chương trình đào tạo kết hợp Nhà trường - Doanh nghiệp tại công ty SanWa Việt Nam)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Hiện nay, Phó hiệu trưởng phụ trách Khoa Công nghệ cơ khí là ông Nguyễn Văn Mỹ, thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - TBXH về Điều lệ trường Cao đẳng. **(3.7.01** Danh sách trích ngang của Phó hiệu trưởng Nguyễn Văn Mỹ.; **3.7.02** Quyết định số 158/QĐ-CĐCN ngày 10/6/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc phân công nhiệm vụ cho các đồng chí trong BGH nhà trường **3.3.03** Hồ sơ cán bộ, viên chức của ông Nguyễn Văn Mỹ)

Hiện nay ngành Cắt gọt kim loại do khoa Công nghệ cơ khí phụ trách. Đội ngũ cán bộ quản lý của khoa còn mỏng, có 01 Phó trưởng khoa, trình độ Thạc sĩ, chuyên ngành Công nghệ cơ khí phụ trách chung. Đồng chí Phụ trách khoa đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo quy định hiện hành. Đội ngũ cán bộ quản lý chưa được kiện toàn gây khó khăn không nhỏ trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động chung của khoa. Trong thời gian tới nhà trường sẽ tiếp tục quan tâm kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý khoa Công nghệ cơ khí tạo điều kiện về nhân lực để khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. **(3.3.04** Các quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hưng; **3.3.05** Hồ sơ cán bộ, viên chức của ông Nguyễn Văn Hưng). Còn lại các giáo viên ngành Cắt gọt kim loại đều có trình độ đại học, có kỹ năng nghề bậc 3 quốc gia và bậc thợ 5/7 **(3.3.06** Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên ngành cắt gọt kim loại).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên đã thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chung của toàn trường. Báo cáo công tác của khoa Công nghệ cơ khí cho thấy đơn vị đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Thành tích của các khoa đã được Đảng ủy - Ban Giám hiệu Nhà trường và các cấp khen thưởng. (3.8.01 Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của khoa Công nghệ cơ khí năm 2017, 2018, 2019., 3.2.01 Thông báo số 36/TB-CĐCN ngày 05/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2017. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 10/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2018. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2019. 3.8.02 Quyết định số 223/QĐ-CĐCN ngày 05/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2017. Quyết định số 461/QĐ-CĐCN ngày 11/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2018 Quyết định số 366/QĐ-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2019)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Mô tả tiêu chí 4:

Chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại được lựa chọn và xây dựng theo danh mục nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Nội dung của chương trình đảm bảo quy định về khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với các trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng đối tượng cụ thể. Trong Chương trình đào tạo xác định được danh mục và thời lượng của từng môn học, mô đun tương ứng với phương thức đào tạo; thời gian học lý thuyết và thời gian học thực hành, thực tập cho từng đối tượng là trung cấp hoặc cao đẳng. Chương trình được thẩm định, đánh giá và cập nhật theo quy định ban hành của Bộ lao động – Thương binh và xã hội.

Năm 2017 thực hiện theo luật giáo dục nghề nghiệp nghề cắt gọt kim loại đã được đăng ký theo giấy chứng nhận.

Năm 2019 Nhà trường đã triển khai rà soát và thay đổi chuyển sang đào tạo chương trình theo tích lũy mô đun nên nghề cắt gọt kim loại được rà soát và thay đổi theo chủ trương của Nhà trường và ban hành chương trình nghề cắt gọt kim loại.

*** Những điểm mạnh:**

Chương trình đào tạo đáp ứng đầy đủ những kiến thức kỹ năng nghề cắt gọt kim loại cho người học

Nhà trường có đầy đủ trường trình đào tạo cho các nghề. Các chương trình được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý. Hàng năm được rà soát, điều chỉnh và

cập nhật kiến thức mới dưới sự góp ý của các giáo viên, chuyên gia và doanh nghiệp.

Các chương trình đào tạo của nhà trường có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với môn học, mô đun, mỗi nghề.

Hàng năm được rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới với sự góp ý của các giáo viên, chuyên gia và doanh nghiệp để chương trình nghề cắt gọt hoàn thiện hơn

Giáo viên của nhà trường có đủ giáo trình giảng dạy và được hiệu chỉnh, biên soạn mới hàng năm

* *Những tồn tại:* Không có.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường cũng như những thay đổi của công nghệ, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

Tiêu chuẩn 1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại được lựa chọn và xây dựng theo danh mục nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Nội dung của chương trình đảm bảo quy định về khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với các trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng đối tượng cụ thể. Trong Chương trình đào tạo xác định được danh mục và thời lượng của từng môn học, mô đun tương ứng với phương thức đào tạo; thời gian học lý thuyết và thời gian học thực hành, thực tập cho từng đối tượng là trung cấp hoặc cao đẳng. Chương trình được thẩm định, đánh giá và cập nhật theo quy định ban hành của Bộ lao động – Thương binh và xã hội. Năm 2017 thực hiện theo luật giáo dục nghề nghiệp nghề cắt gọt kim loại đã được đăng ký theo giấy chứng nhận (**4.1.01** GCN số 175/2017/GCNDKHH-TCDN ngày 23/6/2017; **4.1.02.** GCN số 175/2017/GCNDKBS-GDNN ngày 25/8/2017). Để đáp ứng sự thay đổi này nhà trường đã triển khai đội ngũ cán bộ giáo viên, các chuyên gia và doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình nghề cắt gọt kim loại. (**4.1.03** QĐ số 71/QĐ-CDN ngày 7/3/2017 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2017; **4.1.04** QĐ số 72/QĐ-CDN ngày 08/03/2017 Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2017; **4.1.05** QĐ số 74/QĐ-CDN ngày 15/3/2017 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017; **4.1.06** QĐ số 24/QĐ-CDN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017.). Năm 2019 Nhà trường đã triển khai rà soát và thay đổi chuyển sang đào tạo chương trình theo tích lũy mô đun nên nghề cắt gọt kim loại được rà soát và thay đổi theo chủ trương của Nhà trường và ban hành chương trình nghề cắt gọt kim loại (**4.1.07** QĐ số 181/QĐ-CDN ngày 3/7/2019 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.08** QĐ số 192/QĐ-CDN ngày 08/07/2019 Thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.9** QĐ số 193/QĐ-CDN ngày 8/7/2019 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình

đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.10** QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019.)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Trong quá trình xây dựng chương trình nghề cắt gọt kim loại năm có các công ty tham gia xây dựng chương trình đào tạo luôn luôn đảm bảo đúng quy định tập chung, dân chủ theo quy định của luật giáo dục nghề nghiệp. (**4.2.01** Giấy mời công ty tham gia xây dựng chương trình nghề cắt gọt kim loại; **4.1.03** QĐ số 71/QĐ-CĐCN ngày 7/3/2017 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2017; **4.1.04** QĐ số 72/QĐ-CĐCN ngày 08/03/2017 Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2017; **4.1.05** QĐ số 74/QĐ-CĐCN ngày 15/3/2017 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017; **4.1.06** QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017; **4.1.07** QĐ số 181/QĐ-CĐCN ngày 3/7/2019 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.08** QĐ số 192/QĐ-CĐCN ngày 08/07/2019 Thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.9** QĐ số 193/QĐ-CĐCN ngày 8/7/2019 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun năm 2019; **4.1.10** QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019.). Trong quá trình thẩm định chương trình nghề cắt gọt kim loại cũng có các công ty tham gia thẩm định và đánh giá chương trình đào tạo đảm bảo đúng theo quy định của luật giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo sát với thực tế để đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. (**4.2.02** Giấy mời công ty tham gia thẩm định chương trình nghề cắt gọt kim loại; **4.2.03** Biên bản thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo nghề cắt gọt loại năm 2017 đảm bảo được khối lượng kiến thức cho người học các môn học chung do Bộ lao động thương binh và xã hội ban hành cũng như đảm bảo về khối lượng lý thuyết chuyên môn và năng lực thực hành cho người học đảm bảo là 30% lý thuyết và 70% là thực hành được tham gia thực tập tại nhà máy và xí nghiệp đúng chuyên ngành đào tạo. Sau khi kết thúc khóa học tham gia kỳ thi tốt nghiệp để đánh giá hoàn thành khóa học. (**4.1.06** QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017). Chương trình đào tạo nghề cắt gọt loại năm 2019 đảm bảo được khối lượng kiến thức cho người học các môn học chung do Bộ lao động thương binh và xã hội ban hành cũng như đảm bảo về khối lượng lý thuyết chuyên môn và năng lực thực hành cho người học đảm bảo là 30% lý thuyết và 70% là thực

hành được tham gia thực tập tại nhà máy và xí nghiệp đúng chuyên ngành đào tạo. Sau khi kết thúc khóa học tham gia khóa luận tốt nghiệp để đánh giá hoàn thành khóa học. (4.1.10 QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại thể hiện được sự phân bổ về thời gian đầy đủ cho từng môn học và mô đun đào tạo cụ thể đảm bảo đủ lượng kiến thức và thực hành cho người học. Trong chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại được thể kể gồm: 1. Tên ngành, nghề đào tạo; 2. Mã ngành, nghề; 3. Trình độ đào tạo; 4. Đối tượng tuyển sinh; 5. Thời gian đào tạo; 6. Mục tiêu đào tạo; 7. Thời gian khóa học; 8. Khối lượng kiến thức toàn khóa học; 9. Danh mục và thời lượng các môn học, mô đun; 10. Chương trình chi tiết các môn học, mô đun; 11. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo. Trong chương trình thể hiện trình tự thực hiện các môn học, mô đun theo thứ tự từ đơn giản đến nâng cao đáp ứng được nhu cầu của người học. (4.1.06 QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017; 4.1.10 QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019).

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Trong chương trình đào tạo thể hiện những yêu cầu về cơ sở vật chất như phòng học chuyên môn, nhà xưởng, các loại vật liệu học, máy móc trang thiết bị đầy đủ cho từng môn học, mô đun cụ thể để đáp ứng đủ nhu cầu cho người học (4.5.01 Danh mục trang thiết bị đào tạo cho nghề cắt gọt kim loại; 4.1.06 QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017; 4.1.10 QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019). Trong quá trình thực hiện giảng dạy các môn học, mô đun của chương trình nghề cắt gọt kim loại thì Nhà trường và Khoa công nghệ cơ khí có kế hoạch giảng dạy và bố trí giáo viên giảng dạy cho từng môn học, mô đun cụ thể để đáp ứng và đảm bảo chất lượng cho người học. (4.5.02 Kế hoạch giáo viên khoa công nghệ cơ khí các năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020;; 4.5.03 Danh sách cán bộ giáo viên giảng dạy nghề cắt gọt kim loại)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Trong chương trình đào tạo luôn thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học cho từng môn học, mô đun cụ thể (**4.1.06 QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017; 4.1.10 QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019; 4.6.01 Hồ sơ thi kiểm tra đánh giá các môn học, mô đun của các khóa ngành cắt gọt kim loại K8, K9, K10.**)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Chương trình đào tạo ngành cắt gọt kim loại được xây dựng, thẩm định và ban hành có sự phối hợp giữa Nhà trường và các doanh nghiệp trong địa bàn trong Tỉnh nên đảm bảo phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ sản xuất và dịch vụ. Trong quá trình đào tạo cho người học Nhà trường kết hợp cùng các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực thông qua các kế hoạch học tập trải nghiệm và thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp. Ngoài ra Nhà trường còn kết hợp với Công ty HB tech Vina ký kết hoạt động đào tạo và làm việc tại doanh nghiệp cho học sinh, sinh viên tại Nhà trường. (**4.1.06 – QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017; 4.1.10 – QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019; 4.7.01 Kế hoạch thực tập trải nghiệm tại các doanh nghiệp các khóa K7, K8, K9; 4.7.02 Kế hoạch thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp các khóa K8, K9; 4.7.03 Hợp đồng liên kết đào tạo giữa Nhà trường và công ty HB tech Vina.**)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã tiến hành công tác tổ chức đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ nghề nghiệp của trường

(**4.8.01- Kế hoạch xây dựng và thực hiện công tác đào tạo liên thông, 4.8.02- Quy chế đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng**) Nghề Cắt gọt kim loại là một trong những nghề đang đào tạo cao đẳng liên thông và văn bằng 2 với những sinh viên tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề chuyên ngành Cắt gọt kim loại. Chương trình đào tạo liên thông nghề Cắt gọt kim loại đã được ban hành đảm bảo khối lượng, kiến thức, kỹ năng theo đúng khung chương trình của Bộ Lao động Thương Binh- Xã hội (**4.8.03 Quyết định 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông**).

Trong nhiều năm qua, nhà trường đã thực hiện việc liên kết với trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên để mở các lớp liên thông lên đại học hình thức đào tạo là vừa học vừa làm. Trong đó, tập trung chủ yếu tuyển sinh và đào tạo 2 khối ngành Điện và Cơ khí. HSSV của nhà trường sau khi tốt nghiệp chỉ phải học từ 2,5 năm đến 3,5 năm để đảm bảo được thi/làm đồ án tốt nghiệp và được cấp bằng đại học. Ngay từ khi tuyển sinh đầu vào, nhà trường đã thông báo rõ khả năng liên thông lên trình độ đại học của HSSV (**4.8.04** - *Thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường*).

Giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên đã có văn bản thoả thuận về việc liên kết đào tạo giữa 2 trường với đối tượng là HSSV của nhà trường. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên đã chấp thuận sử dụng chương trình đào tạo của một số ngành của nhà trường liên thông trình độ đại học (**4.8.05**- *Công văn số 782/ĐHSPKTHY-ĐT, ngày 15/11/2019 về việc công nhận CTĐT trình độ cao đẳng đủ điều kiện liên thông với trình độ đại học của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên*)

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên có Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học trình độ trung cấp, cao đẳng đối với một số chuyên ngành (**4.06**- *Quyết định số 1452/QĐ-ĐHSPKT ngày 21/7/2017 về ban hành quy định đào tạo liên thông trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên*). Theo đó, chuyên ngành đào tạo của nhà trường Cơ khí chế tạo máy trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp đủ điều kiện để sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể học liên thông lên trình độ đại học các chuyên ngành tương đương của trường đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên.

Việc liên kết đào tạo giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên đã được UBND tỉnh Bắc Ninh là cơ quan chủ quản của nhà trường chấp thuận.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp mà Tổng cục GDNN đã cấp (**4.1.02** - *Giấy chứng nhận số 175/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 23/6/2017; 4.1.03* - *Giấy chứng nhận số 175^a/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 25/8/2017; 4.1.04* - *Giấy chứng nhận số 175b/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 26/7/2019*).

Như báo cáo ở trên, nhà trường đã xây dựng và ban hành các bộ chương trình đào tạo cho các ngành nghề được cấp phép (**4.1.05** -*QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng; 4.1.06* - *QĐ Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2019;*; **4.1.07** - *QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019 - 2020; 4.1.10* - *QĐ số 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông; 4.1.11* - *QĐ số*

52/QĐ-CDN ngày 20/2/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp).

Để đảm bảo điều kiện học tập và nghiên cứu của HSSV, cũng như tài liệu phục giảng dạy của giáo viên, ngay sau khi ban hành chương trình đào tạo, nhà trường đã tiến hành tổ chức biên soạn giáo trình cho các môn học, mô đun của các chương trình đào tạo. Do vậy Ngành Cắt gọt kim loại tổ chức biên soạn giáo trình cho các môn học, mô đun theo chương trình.

Do số lượng các môn học, mô đun khá nhiều, thời gian biên soạn gấp rút để kịp hoàn thành trước năm học mới, nên hầu hết các bộ giáo trình được thiết kế để dùng chung cho cả hệ cao đẳng, hệ trung cấp, hệ sơ cấp đối với các môn học, mô đun có chung nội dung hoặc nội dung chương trình cao đẳng đã bao trùm nội dung chương trình trung cấp và chương trình sơ cấp.

Đối với giáo trình cho 6 môn học chung, nhà trường sử dụng bộ giáo trình của tổng cục GDNN ban hành.

Đến nay, ngành cắt gọt kim loại đã có đủ giáo trình cho các môn học, mô đun của từng chương trình đào tạo các ngành nghề (4.9.01 - Danh mục các giáo trình nội bộ của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh năm 2018, 2019,).

Do số lượng giáo trình nội bộ đã được biên soạn còn khiêm tốn, để đáp ứng yêu cầu giảng dạy của giáo viên và nhu cầu học tập của HSSV, nhà trường khuyến khích giáo viên và HSSV sử dụng giáo trình của Tổng cục dạy nghề (nay là Tổng cục GDNN) vào giảng dạy và học tập tại thư viện của trường hoặc tự sưu tầm trên cơ sở chọn lọc nội dung phù hợp với chương trình đào tạo của trường. Bản in của các bộ giáo trình được đặt tại thư viện của nhà trường cũng như các xưởng thực hành để HSSV và giáo viên dễ tiếp cận (4.9.02 - Bản in các giáo trình các năm 2018, 2019,).

Mặc dù công tác biên soạn giáo trình đào tạo của nhà trường chưa thực hiện tốt như mục tiêu đề ra, tuy nhiên với lượng giáo trình hiện có, nhà trường có thể đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu của HSSV và giáo viên.

Đặc biệt, nghề Cắt gọt kim loại được thụ hưởng Dự án Chương trình đổi mới đào tạo nghề Việt Nam của CHLB Đức nên được bổ sung rất nhiều tài liệu tham khảo được thiết kế hướng tới tiêu chuẩn Đức đồng thời dựa trên các quy định hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh Xã hội. (4.9.03. Danh mục thống kê giáo trình nghề Cắt gọt kim loại)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Công tác biên soạn, lựa chọn giáo trình của nhà trường cũng được thực hiện theo quy định của thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH, thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH.

Với 6 môn học chung, do giáo trình đã được Tổng cục GDNN tổ chức thẩm định và cho phép sử dụng nên Khoa công nghệ cơ khí sử dụng các bộ giáo trình đó để

giảng dạy cho HSSV (**4.10.01** - *Quyết định ban hành giáo trình giảng dạy cho các môn học chung*).

Đối với các giáo trình các môn học, mô đun cơ sở và chuyên ngành, Khoa đã thực hiện xây dựng, biên soạn mới dựa trên nền tảng các giáo trình đã có trước đây.

Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập ban biên soạn giáo trình, trong đó có các tổ chịu trách nhiệm biên soạn giáo trình cho ngành Cắt gọt kim loại. Thành phần của các tổ biên soạn bao gồm các giáo viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, có kinh nghiệm thực tế sản xuất. Bên cạnh đó, mỗi tổ có thêm tối thiểu 01 cán bộ của doanh nghiệp liên quan đến ngành đề đào tạo đóng vai trò là chuyên gia tư vấn (**4.10.02** - *Quyết định số 28/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 5 năm 2017 Về việc thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017*; **4.10.03** - *Quyết định số 31/QĐ-CĐCN ngày 08 tháng 6 năm 2017 Về việc thành lập tổ biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017*; **4.10.04** - *Quyết định số 260/QĐ-CĐCN ngày 12 tháng 9 năm 2019 Về việc Thành lập ban rà soát, biên soạn giáo trình các ngành, nghề đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun của Trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh năm 2019*). Các giáo trình của các môn học, mô đun sử dụng cấu trúc chung theo hướng dẫn của thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trong quá trình xây dựng, các thành viên được đóng góp ý kiến đối với nội dung, hình thức của từng giáo trình; chuyên gia cho ý kiến cụ thể về tổng thể bộ giáo trình, nội dung từng giáo trình, về các vấn đề cần chỉnh sửa. tất cả những ý kiến này được thể ghi thành biên bản cuộc họp (**4.10.05** - *Các biên bản họp xây dựng giáo trình năm 2017*; **4.10.06** - *Các biên bản họp xây dựng giáo trình năm 2019*).

Bên cạnh việc xây dựng, Hiệu trưởng nhà trường cũng thành lập các Hội đồng thẩm định giáo trình với thành phần như quy định tại điều 16 thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH (**4.10.07** - *Quyết định số 72/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 7 năm 2017 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017*; **4.10.08** - *Quyết định số 268/QĐ-CĐCN ngày 25 tháng 9 năm 2019 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun*).

Các ý kiến của Hội đồng thẩm định được Tổ biên soạn tiếp thu và chỉnh sửa lại giáo trình cho phù hợp (**4.10.09** - *Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017*; **4.10.10** - *Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019*); Phòng Đào tạo sau khi kiểm tra lại các giáo trình đã được chỉnh sửa theo biên bản họp thẩm định và thực hiện nghiệm thu các bộ giáo trình này trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt ban hành (**4.10.11** - *Biên bản nghiệm thu giáo trình năm 2017*; **4.10.12** - *Biên bản nghiệm thu giáo trình 2019*; **4.10.13** - *Quyết định số 98/QĐ-CĐCN ngày 08 tháng 8 năm 2017 Về việc Ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017*; **4.10.14** - *Quyết định số 340/QĐ-CĐCN ngày 15 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo nội bộ trình độ trung cấp*,

trình độ cao đẳng năm 2019; **4.9.01** - Danh mục các giáo trình nội bộ của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh; **4.9.02** - Bản in các giáo trình).

Quá trình thực hiện biên soạn, lựa chọn giáo trình của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tuy khá gấp rút, lực lượng tham gia biên soạn không nhiều, song về cơ bản toàn bộ quy trình đúng theo quy định của Bộ LĐTB&XH.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Trong giáo trình nghề cắt gọt kim loại luôn cụ thể hóa về nội dung kiến thức cho từng môn học luôn thể hiện đầy đủ cả phần lý thuyết và phần bài tập sao cho luôn thể hiện được 70% về lý thuyết và 30% về bài tập. Còn về các mô đun luôn thể hiện sao cho 30% về kiến thức lý thuyết và 70% về kỹ năng thực hành. Trong giáo trình luôn luôn đảm bảo tính thống nhất giữa các môn học và mô đun thể hiện được tính kết nối giữa lý thuyết và thực hành từ đơn giản đến nâng cao giúp cho người học tham khảo và sự kết hợp của giáo viên trong việc dạy học tích cực bằng các phương pháp trực quan cụ thể đảm bảo cho người học có thể nắm vững mọi kiến thức trong quá trình học tập tại trường cũng như sau này tại doanh nghiệp. (**4.10.11** - Biên bản nghiệm thu giáo trình năm 2017; **4.10.12** - Biên bản nghiệm thu giáo trình 2019; **4.10.13** - Quyết định số 98/QĐ-CĐCN ngày 08 tháng 8 năm 2017 Về việc Ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017; **4.10.14** - Quyết định số 340/QĐ-CĐCN ngày 15 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019; **4.9.01** - Danh mục các giáo trình nội bộ của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh; **4.9.02** - Bản in các giáo trình).

Các giáo trình lưu hành nội bộ đều được Hội đồng thẩm định tổ chức xem xét đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp giảng dạy. Quá trình được thực hiện theo đúng trình tự: có biên bản họp, phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng, văn bản thẩm định; Hội đồng tiến hành nghiệm thu, trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành (**4.10.09** - Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017,; **4.10.10** - Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019.)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Trong quá trình xây dựng giáo trình nghề cắt gọt kim loại có mời một số doanh nghiệp, công ty cùng tham gia xây dựng giáo trình nên giáo trình luôn đảm bảo và phù hợp với công nghệ sản xuất cũng như kinh doanh và dịch vụ giúp cho người học nắm vững mọi kiến thức thực tế trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ (**4.10.02** - Quyết định số 28/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 5 năm 2017 Về việc thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017; **4.10.03** - Quyết định số 31/QĐ-CĐCN ngày 08 tháng 6 năm 2017 Về việc thành lập tổ biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017; **4.10.04** –

Quyết định số 260/QĐ-CĐCN ngày 12 tháng 9 năm 2019 Về việc Thành lập ban rà soát, biên soạn giáo trình các ngành, nghề đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun của Trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh năm 2019)

Giáo trình đào tạo và tài liệu giảng dạy là một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo. Do đó định kỳ Khoa công nghệ cơ khí có tổ chức lấy ý kiến của giáo viên chuyên môn, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất và HSSV nhận xét, đánh giá về chất lượng giáo trình và mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới về kỹ thuật công nghệ để Khoa rút kinh nghiệm cho việc biên soạn giáo trình cắt gọt kim loại đảm bảo chất lượng và phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ (**4.12.01** Kế hoạch thu thập nhận xét, đánh giá của giáo viên, chuyên gia từ cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và người học về chất lượng giáo trình; **4.12.02** Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của giáo viên; **4.12.03** Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của chuyên gia từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; **4.12.04** Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của HSSV.)

Tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy đa số ý kiến của giáo viên, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất kinh doanh và học sinh sinh viên đánh giá cao về chất lượng của giáo trình nghề cắt gọt kim loại. Các giáo trình được biên soạn đã cơ bản đáp ứng yêu cầu và phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đạt hiệu quả về nội dung, phương pháp dạy học (**4.12.05** - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến nhận xét, đánh giá của giáo viên, chuyên gia từ cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và người học về chất lượng giáo trình)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Tiêu chuẩn 1: *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.*

Ngành Cắt gọt kim loại là ngành trọng điểm quốc tế, luôn được nhà trường quan tâm và đầu tư về cơ sở vật chất (phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước) đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo (**5.1.01**- Hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh nay là trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh; **5.1.02** - Hồ sơ thiết kế và hoàn công khu nhà xưởng thuộc Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ; **5.1.03**- Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà lớp học 5 tầng; **5.1.04** - Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà giảng đường)

Khoa Công nghệ cơ khí có hệ thống phòng học, xưởng thực hành đáp ứng công tác đào tạo ngành Cắt gọt kim loại, số lượng học sinh cao nhất trong 1 phòng học lý thuyết là 35 học sinh/1 phòng với diện tích 80,5m²; Số lượng học sinh cao nhất trong một phòng học thực hành là 18 người:

- Tổng diện tích phòng học lý thuyết : 5204m²
- Tổng diện tích xưởng thực hành: 7840m²

Xưởng thực hành ngành Cắt gọt kim loại được bố trí riêng theo nghề, trong một nhà xưởng có phòng hướng dẫn ban đầu, phòng quản lý xưởng, phòng chứa đồ,

phòng thay quần áo, phòng vệ sinh và khu vực thực hành, được thiết kế liên hoàn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thông gió. Khu vực các nhà xưởng được bố trí với khoảng cách hợp lý, không gây ồn cho khu học lý thuyết (5.1.01- Hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh nay là trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh; 5.1.02 - Hồ sơ thiết kế và hoàn công khu nhà xưởng thuộc Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ; 5.1.03- Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà lớp học 5 tầng; 5.1.05 - Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành; 5.1.04 - Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà giảng đường; 5.1.06 - Thuyết minh Quy hoạch chi tiết xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh nay là trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Với hệ thống phòng học, xưởng thực hành hiện tại hoàn đáp ứng các yêu cầu về đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư đủ các trang thiết bị có chất lượng cao cho ngành Cắt gọt kim loại để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trang thiết bị được chia làm nhiều chủng loại để đáp ứng nhu cầu nghề (5.2.01 - Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại khoa; 5.2.02- Hồ sơ đấu thầu mua sắm thiết bị hàng năm; 5.2.03- Chứng thư giám định thiết bị; 5.2.04 - Hồ sơ đấu thầu trang thiết bị Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ).

Ngành Cắt gọt kim loại là ngành trọng điểm quốc tế nên việc phê duyệt danh mục mua sắm các trang thiết bị luôn được nhà trường cân nhắc cẩn thận như tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất. Trong quản lý sử dụng trang thiết bị của Khoa Công nghệ cơ khí được nhà trường hết sức quan tâm nên ngay khi nhà trường hoàn thiện các thủ tục mua sắm trang thiết bị, Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo khoa Công nghệ cơ khí và các tổ chuyên gia mua sắm trang thiết bị làm các thủ tục để bàn giao cho khoa quản lý, yêu cầu khoa Công nghệ cơ khí đưa vào khai thác sử dụng. Phân công rõ ràng cho từng bộ phận quản lý, lập kế hoạch sử dụng các trang thiết bị (5.2.05 - Danh mục thiết bị chính các nghề đào tạo của khoa; 5.2.06 - Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với khoa CN cơ khí; 5.2.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa CN cơ khí; 5.2.08- Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị; 5.2.09 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm).

Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định(5.2.05 - Danh mục thiết bị chính các nghề đào tạo của khoa; 5.2.10 - Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại khoa; 5.2.02- Hồ sơ đấu thầu mua sắm thiết bị hàng năm; 5.2.03- Chứng thư giám định thiết bị; 5.2.04 - Hồ sơ đấu thầu trang thiết bị Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ).

Tại các nhà xưởng thực hành ngành Cắt gọt kim loại các máy móc, thiết bị đều được lập sổ theo dõi tài sản cố định của cơ sở đào tạo hàng năm, gắn tem mác rõ ràng

và hàng năm đều được tổ kiểm kê của nhà trường kiểm kê chặt chẽ (5.2.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa; 5.2.08 - Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị; 5.2.09 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Thiết bị dạy nghề của ngành Cắt gọt kim loại được nhà trường đầu tư bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu và quỹ phát triển của nhà trường. Trang thiết bị của ngành Cắt gọt kim loại đảm bảo đủ số lượng, công năng, thông số kỹ thuật cho ngành Cắt gọt kim loại, đúng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc theo yêu cầu được xác định trong các chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển về công nghệ của Việt Nam và thế giới. Đây cũng chính là một yếu tố thuận lợi của Ngành Cắt gọt kim loại để đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên trình độ tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định (5.2.05 - Danh mục thiết bị chính các nghề đào tạo của khoa; 5.2.10 - Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại khoa; 5.2.02- Hồ sơ đấu thầu mua sắm thiết bị hàng năm; 5.2.03- Chứng thư giám định thiết bị; 5.2.04 - Hồ sơ đấu thầu trang thiết bị Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ).

Ngành Cắt gọt kim loại là ngành trọng điểm quốc tế nên việc phê duyệt danh mục mua sắm các trang thiết bị luôn được nhà trường cân nhắc cẩn thận như tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất. Trong quản lý sử dụng trang thiết bị của Khoa Công nghệ cơ khí được nhà trường hết sức quan tâm nên ngay khi nhà trường hoàn thiện các thủ tục mua sắm trang thiết bị, Ban giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo khoa Công nghệ cơ khí và các tổ chuyên gia mua sắm trang thiết bị làm các thủ tục để bàn giao cho khoa quản lý, yêu cầu khoa Công nghệ cơ khí đưa vào khai thác sử dụng. Phân công rõ ràng cho từng bộ phận quản lý, lập kế hoạch sử dụng các trang thiết bị (5.2.05 - Danh mục thiết bị chính các nghề đào tạo của khoa; 5.2.06 - Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với khoa CN cơ khí; 5.2.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa CN cơ khí; 5.2.08- Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị; 5.2.09 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm).

Tại các nhà xưởng thực hành ngành Cắt gọt kim loại các máy móc, thiết bị đều được lập sổ theo dõi tài sản cố định của cơ sở đào tạo hàng năm, gắn tem mác rõ ràng và hàng năm đều được tổ kiểm kê của nhà trường kiểm kê chặt chẽ (5.2.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa; 5.2.08 - Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị; 5.2.09 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm).

Hàng năm nhà trường có Tổ kiểm kê tài sản để kiểm kê tài sản và đánh giá tình trạng các trang thiết bị của ngành Cắt gọt kim loại, Tổ kiểm kê có nhiệm vụ lập Biên bản kiểm kê đánh giá tình trạng trang thiết bị hàng năm từ đó Ban giám hiệu làm căn cứ để đưa ra biện pháp quản lý trang thiết bị của ngành Cắt gọt kim loại trong những năm tiếp theo (5.2.09 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng

năm).

Việc lập hồ sơ quản lý trang thiết bị Ban giám hiệu nhà trường giao cho phòng Kế toán thực hiện, bên cạnh đó các khoa Công nghệ cơ khí cũng lập sổ theo dõi và sơ đồ bố trí thiết bị trang thiết bị riêng cho từng xưởng thực hành (5.2.09 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm; 5.2.06 - Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với khoa; 5.2.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa; 5.2.08 - Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị; 5.3.01 - Sơ đồ bố trí thiết bị các xưởng).

Khai thác phòng học lý thuyết và trang thiết bị tại các xưởng thực hành được khoa Công nghệ cơ khí lập Kế hoạch chi tiết theo từng tuần, từng học kỳ và từng năm học, vì vậy việc sử dụng phòng học lý thuyết và khai thác trang thiết bị cho từng xưởng thực hành đạt hiệu suất tối đa trên toàn bộ trang thiết bị của ngành Cắt gọt kim loại. Trên cơ sở tiến độ năm học của trường, khoa Công nghệ cơ khí đã xây dựng Kế hoạch giáo viên theo từng tuần trong năm học. Phòng Đào tạo của nhà trường căn cứ vào Tiến độ đào tạo, Kế hoạch giáo viên đã xây dựng Thời khóa biểu cho từng lớp học theo từng tuần của năm học, trên Thời khóa biểu thể hiện chi tiết thời gian, vị trí và tên giáo viên giảng dạy và số lượng HSSV của từng lớp học (5.3.02 - Tiến độ năm học của toàn trường; 5.3.03 - Kế hoạch giáo viên của khoa; 5.3.04 - Thời khóa biểu toàn trường; 5.3.05 - Sổ tay giáo viên lên lớp)

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Các trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành được bố trí hợp lý theo từng khu vực, đảm bảo về khoảng cách giữa các thiết bị, phù hợp với các mô đun, môn học, thuận tiện trong quá trình giảng dạy đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong quá trình vận hành. Với điều kiện được đầu tư cơ sở hạ tầng tốt nên không gian trong các nhà xưởng rộng rãi, thoáng mát ngoài việc thiết bị được bố trí hợp lý không gian đường đi trong nhà xưởng rộng rãi rất thuận tiện cho việc đi lại, sửa chữa, vận chuyển vật tư vật liệu vào xưởng, để việc sử dụng trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành được thuận lợi, đạt hiệu quả tốt và an toàn. (5.3.01 - Sơ đồ bố trí thiết bị các xưởng; 5.4.01 - Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về việc bố trí trang thiết bị và biên bản tổng hợp kết quả khảo sát năm 2018, 2019, 2020; 5.4.02 - Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về việc bố trí trang thiết bị năm 2018, 2019, 2020; 5.2.06 Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với các khoa; 5.4.03- Quy trình bảo trì, bảo dưỡng; 5.2.07- Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại các khoa; 5.2.08- Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị; 5.4.04- Nội quy các xưởng thực hành, phòng học; 5.2.09- Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm).

Việc quản lý và bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị đào tạo được phân công rõ ràng cho từng thành viên trong nghề cắt gọt kim loại và từng bộ phận quản lý nên thiết bị

được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ theo đúng các quy định của từng loại thiết bị, được đánh giá, lập kế hoạch theo từng tháng và theo năm (5.2.06 - Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với các khoa; 5.4.03 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng; 5.4.06- Báo cáo kết quả công tác hàng tháng và nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo; Báo cáo tổng kết hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp theo).

Trong xưởng thực hành các máy móc, thiết bị đều được lập sổ theo dõi, gắn tem mác rõ ràng và được kiểm tra chặt chẽ (5.2.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại các khoa; 5.2.08 - Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị; 5.2.09 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Ngành cắt gọt kim loại được nhà trường giao việc quản lý cấp phát vật tư, thiết bị cho phòng Kế toán, khi thiết bị, vật tư được nhập về đưa vào kho của nhà trường để bảo quản, lưu giữ, ngành cắt gọt kim loại khi lĩnh thiết bị, vật tư phải thực hiện đúng Quy chế cung ứng và quản lý vật tư (5.5.01 - Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo). Sau khi nhận thiết bị, vật tư ngành đưa về kho của mình lưu, giữ từ đó bàn giao cho giáo viên giảng dạy. 100% các khu xưởng thực hành của ngành cắt gọt kim loại đã được xây dựng có các kho chứa (5.1.05- Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành)

Hiện tại ngành Cắt gọt kim loại do phòng Kế toán và phòng Tổ chức – Hành chính phụ trách về việc quản lý, cấp phát vật tư, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật liệu. Việc cấp phát vật liệu, vật tư, nhiên liệu thực hiện theo quý và được báo cáo để Hiệu trưởng phê duyệt (5.4.06 - Báo cáo kết quả công tác hàng tháng và nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo; Báo cáo tổng kết hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp theo; 5.2.10- Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại các khoa; 5.5.02- Phiếu xuất, nhập kho; 5.5.03 - Biên bản thu hồi vật tư, sản phẩm thực tập; 5.5.01- Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo; 5.5.04- Phân công nhân viên kế toán vật tư, tài sản)

Các kho bảo quản của ngành Cắt gọt kim loại được nhà trường đầu tư đầy đủ điều kiện trang thiết bị, vật liệu, được bố trí trong xưởng nên có điều kiện bảo quản tốt, được xây dựng tương đối kiên cố: Có mái lợp, nền xi măng và có các giá để vật tư, thiết bị, đảm bảo các điều kiện bảo vệ, bảo quản tốt cho các thiết bị, hàng hóa, vật liệu. Hàng tháng, quý ngành cắt gọt kim loại có báo cáo việc lập dự trù, đơn xin lĩnh vật tư, cấp phát vật tư gửi về Phòng Tài chính-Kế toán để trình Hiệu trưởng phê duyệt (5.1.05- Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành; 5.2.01- Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại các khoa ; 5.5.02- Phiếu xuất, nhập kho; 5.5.03- Biên bản thu hồi vật tư, sản phẩm thực tập; 5.4.06- Báo cáo kết quả công tác hàng tháng và nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo; Báo cáo tổng kết hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp theo; 5.5.05 - Hồ sơ đào tạo của các lớp học).

Việc cấp phát các vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu thực hiện theo các quy định đã

đảm bảo không bị thất thoát hoặc sử dụng sai mục đích, kịp thời, đảm bảo đúng kế hoạch và tiến độ đào tạo, từ đó góp phần thực hiện tốt mục tiêu đào tạo.

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Thư viện của trường đã được thiết kế quy hoạch trong Dự án đầu tư xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trong thời gian chờ hoàn tất hồ sơ và khởi công công trình Thư viện, Nhà trường đã bố trí các phòng thư viện với phòng đọc thư viện truyền thống có diện tích là 80 m², kho sách là 70 m² Theo tiêu chuẩn là 1,8m²/chỗ đọc đối với thư viện truyền thống thì thư viện của trường chưa đáp ứng chỗ ngồi cho 15% học sinh và 25% CB-GV

Hiện nay thư viện của Nhà trường có hơn 2000 đầu sách giáo trình, tài liệu tham khảo, sách kỹ thuật, báo, tạp chí...với số lượng 6000 quyển và 10000 tài liệu bản điện tử, cùng với số sách Nhà trường thường xuyên được Thư viện tỉnh tạo điều kiện cho mượn là 77-100 đầu sách/1tháng, Thư viện trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh là 70 đầu sách/1 tháng. Tổng cộng số sách, tài liệu hiện có trong thư viện Nhà trường là: 20000 quyển (tính cả tài liệu bản cứng và tài liệu điện tử) (**5.6.01 Danh mục các sách, tài liệu thư viện**)

Hàng năm, Thư viện nhà trường có bổ sung mới một số giáo trình, sách chuyên môn phục vụ công tác dạy và học của Nhà trường. Thư viện nhà trường hiện có khoảng 300 đầu sách với hơn 2000 quyển sách chuyên ngành Cắt gọt kim loại (**5.6.02 Danh mục sách nghề Cắt gọt kim loại**). Năm 2017, Nhà trường đã nghiệm thu 91 giáo trình các nghề trong đó nghề Cắt gọt kim loại là 7 giáo trình phù hợp với nội dung giảng dạy của chương trình đào tạo đưa vào sử dụng lưu hành nội bộ, đáp ứng cho nhu cầu giảng dạy và học tập cho học sinh sinh viên. (**5.6.03 Danh mục giáo trình lưu hành nội bộ năm 2017**).

Năm 2019 Nhà trường với số lượng học sinh sinh viên đang theo học nghề Cắt gọt kim loại là 98 người (số liệu người học tháng 12 năm 2019) thì số lượng đầu sách đạt tỷ lệ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và học tập của cán bộ, giáo viên và HSSV (**5.6.04 Bảng diễn biến số học sinh, sinh viên của trường**)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Thư viện nhà trường chỉ được trang bị 01 máy tính phục vụ công tác quản lý thư viện (**5.7.01 - Danh mục trang thiết bị thư viện**). Hiện nay, Thư viện đang sử dụng phần mềm Quản lý thư viện trường học (SLIMS Version 6.0). Đây là một phần mềm với nhiều ưu điểm trong xử lý nghiệp vụ thư viện cũng như quản lý, lưu thông tài liệu

giúp cho Thư viện nhà trường hoạt động hiệu quả, góp phần tin học hoá công tác quản lý thư viện (**5.7.02- Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện**).

Mặc dù trang thiết bị thư viện còn thiếu thốn song hoạt động của thư viện vẫn diễn ra hiệu quả. Nhiều cán bộ, giáo viên và người học chuyên ngành Cắt gọt kim loại đã luôn khai thác tư liệu, cập nhật khoa học công nghệ mới, áp dụng vào giảng dạy và học tập (**5.7.03. Thống kê lượt bạn đọc thư viện 2019**)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.*

Hiện tại, đào tạo nghề Cắt gọt kim loại vừa giảng dạy theo phương pháp truyền thống, vừa có một số phần mềm mô phỏng, có trung tâm gia công CNC, Phòng đo lường, Trung tâm thiết kế cơ khí (**5.8.1. Danh mục các phần mềm sử dụng trong ngành cắt gọt kim loại**)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí :

* *Những điểm mạnh:* Ngay sau khi HSSV nhập học trong thời gian học chính trị đầu khóa, học sinh - sinh viên được phổ biến các nội quy, quy định liên quan đến các hoạt động của trường như quy định về ưu đãi vay vốn ngân hàng; quy định về miễn giảm học phí; quy định về mượn sách trên thư viện; quy chế công tác học sinh – sinh viên; quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm; quy định về đánh giá, xếp loại điểm rèn luyện của học sinh – sinh viên; quy định về sử dụng trang thiết bị thực hành; (Tóm tắt dựa trên kết quả tự đánh giá của các tiêu chuẩn trong tiêu chí)

Hiện tại Tỉnh Bắc Ninh có khu ký túc xá với tổng diện tích khoảng 4.500m² được trang bị đầy đủ điện, nước sạch sinh hoạt, nhà tắm, nhà vệ sinh và các phương tiện sinh hoạt khác. Khu ký túc xá này đáp ứng được hầu hết các HSSV của các trường ĐH, CĐ trong tỉnh nhà

Phòng y tế có tổng diện tích 60m², có 1 phòng bệnh nhân có diện tích 30m², 1 phòng khám kết hợp phòng tiêm có diện tích 30m², được trang bị đầy đủ thuốc, giường nằm và các trang thiết bị khác đáp ứng được cho toàn bộ Học sinh - Sinh viên có nhu cầu dịch vụ y tế tại trường, phòng y tế hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu về dịch vụ sức khỏe cho Học sinh - Sinh viên

Nhà trường thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức tư vấn cung cấp các thông tin về việc làm để HSSV trong trường tiếp xúc với nhà tuyển dụng đồng thời HSSV khi tốt nghiệp nếu đủ điều kiện và năng lực sẽ được nhà tuyển dụng lựa chọn làm việc tại doanh nghiệp

* *Những tồn tại:* Hiện tại nhà trường chưa được tỉnh Bắc Ninh phê duyệt xây dựng ký túc xá sinh viên vì đã có KTX của tỉnh tập trung các HSSV các trường thuộc địa bàn.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác HSSV nhà trường đề xuất trình Tỉnh tạo điều kiện để xây dựng khu KTX cho học sinh, sinh viên

Tiêu chuẩn 1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định*

Trước khi HSSV nhập học, Nhà trường ban hành các kế hoạch, thông báo, lịch học tập đầu khóa; Trong ngày nhập học, HSSV sẽ được nhận các văn bản như lịch học tập đầu khóa; trong các ngày sinh hoạt đầu khóa tập trung tại Hội trường B Nhà trường, HSSV sẽ được phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV, ĐTN-HSV giới thiệu, giảng giải, thảo luận trực tiếp (6.1.01 - Các kế hoạch, thông báo, lịch học đầu khóa các năm 2018, 2019,: Kế hoạch số 18/KH-CĐCN, ngày 30/7/2018 tổ chức đón tiếp HSSV nhập học và công tác truyền thông thu hút nữ sinh năm 2018; Kế hoạch số 21/KH-CĐCN, ngày 30/7/2019 tổ chức nhập học đợt 1 năm 2019; Kế hoạch số 23/KH-CĐCN, ngày 31/7/2019 học tập đầu khóa CĐK10 năm học 2019-2020). Trong quá trình học tập, HSSV được cung cấp Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp của Trường (6.1.02-Quyết định số 142^a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 về việc ban hành Quy chế quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 30/7/2019 về việc ban hành Quy chế quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp). Các văn bản thể hiện nội quy, quy chế của trường (6.1.03- Các Quyết định ban hành quy chế công tác HSSV: Quyết định số 186/QĐ-CĐCN, ngày 30/10/2017; Quyết định số 39/QĐ-CĐCN ngày 28/02/2019 về việc ban hành quy chế công tác học sinh sinh viên trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh;). Văn bản thể hiện chế độ chính sách đối với người học (6.1.04 – Báo cáo thể hiện chế độ chính sách cho người học: Báo cáo số 36/BC-CĐCN, ngày 26/12/2018 về việc tình hình thực hiện chế độ chính sách năm 2018; Báo cáo số 47/BC-CĐCN, ngày 26/12/2019 về việc tình hình thực hiện chế độ chính sách năm 2019). Nhà trường ban hành Quyết định mẫu phiếu lấy ý kiến hàng năm (6.1.05 - Quyết định ban hành phiếu khảo sát dịch vụ người học: Quyết định số 10/QĐ-CĐCN, ngày 19/01/2018 về việc ban hành phiếu khảo sát dịch vụ người học năm 2018; Quyết định số 91/QĐ-CĐCN, ngày 20/3/2019 về việc ban hành phiếu khảo sát dịch vụ người học năm 2019; Báo cáo khảo sát các năm 2018, 2019,: Báo cáo số 37/BC-CĐCN, ngày 26/12/2018 về kết quả thực hiện khảo sát dịch vụ người học năm 2018; Báo cáo số 48/BC-CĐCN, ngày 26/12/2019 về kết quả thực hiện khảo sát dịch vụ người học năm 2019;).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định*

Nhà trường thực hiện các chế độ chính sách theo nghị định Số: 86/2015/NĐ-CP quy định về miễn, giảm học phí ngoài ra quy định về việc vay vốn tín dụng ưu đãi Số: 157/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 70/2008/ QĐ - BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2008 quy định học bổng khuyến khích học nghề tạo điều kiện để HSSV tham gia học

tập tại trường đạt kết quả cao. (6.2.01 - Các quyết định của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc cấp học bổng khuyến khích học nghề năm 2018, 2019,; Quyết định số 434/QĐ-CĐCN, ngày 13/11/2018 về việc tặng giấy khen và cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ II năm học 2017-2018 cho HSSV; Quyết định số 155/QĐ-CĐCN, ngày 06/6/2019 về việc cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ I năm học 2018-2019 cho HSSV; Quyết định số 377/QĐ-CĐCN, ngày 12/12/2019 về việc cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ 2 năm học 2018-2019 cho HSSV;); Các thông báo thu học phí các học kỳ, các năm học mô tả rõ việc miễn học phí học nghề cho học sinh có hộ khẩu, quê quán tại Bắc Ninh. (6.2.02 – Các thông báo thu học phí năm học 2018-2019, năm học 2019-2020, : Thông báo số 04/TB-CĐCN, ngày 12/3/2018 về việc thu học phí học kỳ II năm học 2017-2018; Thông báo số 32/TB-CĐCN, ngày 17/9/2018 về việc thu học phí học kỳ I năm học 2018-2019; Thông báo số 12/TB-CĐCN, ngày 29/3/2019 về việc thu học phí học kỳ II năm học 2018-2019; Thông báo số 39/TB-CĐCN, ngày 17/9/2019 về việc thu học phí học kỳ I năm học 2019-2020; Thông báo số 29/TB-CĐCN, ngày 10/6/2020 về việc thu học phí học kỳ II năm học 2019-2020;). Học sinh sinh viên được đăng ký ở ký túc xá sinh viên tỉnh Bắc Ninh. (6.2.03 – Hồ sơ quản lý HSSV đăng ký ở ký túc xá sinh viên: Bản mềm Excel, bản cứng lưu trữ, ảnh HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đang ở, sinh hoạt tại ký túc xá sinh viên tỉnh Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ kế hoạch tuyển sinh hàng năm với quy mô và số lượng học sinh, sinh viên đã nhập học; Nhà trường đã ban hành các quyết định về biên chế các lớp theo ngành đào tạo và kế hoạch học tập đầu khóa thể hiện với nội dung như giáo dục chính trị tư tưởng, các quy chế, giới thiệu công tác gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp

Ngay từ khi học sinh, sinh viên nhập học ổn định trong quá trình học tập đầu khóa nhà trường đã cung cấp các thông tin và định hướng nghề nghiệp để các em xác định rõ các điều kiện thực tập và tìm hiểu về thị trường lao động việc làm (6.3.01 - Kế hoạch học tập đầu khóa)

Trong quá trình tham gia học tập tại trường để tạo điều kiện về việc thực tập theo đúng chuyên môn tại các doanh nghiệp Nhà trường thực hiện phối hợp cùng các doanh nghiệp thực hiện ký kết các biên bản hợp tác (6.3.02 – Biên bản hợp tác triển khai các chương trình đào tạo phối hợp và cung cấp nguồn lao động chất lượng cao Ngoài ra nhà trường thường xuyên phối hợp với trung tâm dịch vụ việc làm Bắc Ninh tổ chức các ngày hội việc làm, qua đây học sinh sinh viên tìm kiếm các thông tin và tiếp cận với doanh nghiệp tạo điều kiện về cơ hội việc làm khi tốt nghiệp,; 6.3.03 - Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tuyển dụng kỹ thuật viên cho các doanh nghiệp)

Điểm tự đánh giá: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Trong quá trình tham gia học tập tại trường HSSV được tham gia các hoạt động thể thao, nhằm phát triển toàn diện nhà trường đã tổ chức trong các hoạt động ngoại khóa là những chương trình văn nghệ - thể dục thể thao như: Giao lưu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, giao lưu văn nghệ ... Đây là nơi để học sinh sinh viên thể hiện bản lĩnh, sự tự tin và tài năng của mình trên khấu, bên cạnh đó những hoạt động này còn giúp học sinh sinh viên mở rộng các mối quan hệ, giao lưu và học hỏi nhiều điều hay từ những người bạn xung quanh

Hàng năm nhà trường đều tổ chức chương trình Hello Summer (**6.4.01** – Các kế hoạch, quyết định thành lập Ban chỉ đạo, quyết định thành lập Ban giám khảo và ảnh, clip dự thi các năm 2018, năm 2019: Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 16/4/2018 tổ chức chương trình Chào hè 2018 “Sinh viên BCI năng động – thanh lịch”; Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 28/02/2019 tổ chức chương trình Hello Summer 2019 “Sinh viên BCI bản lĩnh – Hội nhập”; Quyết định số 134/QĐ-CĐCN, ngày 18/4/2018 v/v thành lập Ban tổ chức chương trình Chào hè 2018; Quyết định số 90/QĐ-CĐCN, ngày 20/3/2019 v/v thành lập Ban chỉ đạo chương trình Hello summer 2019 “Sinh viên BCI Bản lĩnh – Hội nhập”);).

Phòng Công tác HSSV, các tổ chức Đoàn thể trong trường hàng năm tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, các hoạt động giao lưu văn nghệ, bóng đá, cầu lông... để HSSV được tham dự. (**6.4.02** – Các kế hoạch, quyết định, thể lệ, ảnh kèm theo hoạt động các năm 2018, 2019,: Kế hoạch số 06/KH-CĐCN, ngày 29/01/2018 tổ chức chương trình hoạt động Chào xuân 2018; Kế hoạch số 19/KH-CĐCN, ngày 28/6/2019 tổ chức tập luyện và tham gia chương trình “Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Ninh và tham dự Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2019; Quyết định số 175/QĐ-CĐCN, ngày 28/6/2019 v/v thành lập Ban chỉ đạo “Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Ninh và tham dự Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2019; Kế hoạch số 26/KH-CĐCN, ngày 12/8/2019 tổ chức chương trình “Giáo dục truyền thống cho tân sinh viên CĐK10”);).

Hàng năm tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ ngoại khóa cho HSSV(**6.4.03** – Các quyết định, kế hoạch, chương trình mở lớp tiếng Hàn, tiếng Nhật; Các quyết định, kế hoạch mở lớp kỹ năng mềm: Kế hoạch số 33/KH-CĐCN, ngày 09/11/2018 tổ chức rèn luyện cho HSSV phát triển kỹ năng mềm năm học 2018-2019; Quyết định số 182/QĐ-CĐCN, ngày 08/7/2019 v/v công nhận kết quả, cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng kỹ năng mềm và hoạt động tình nguyện cho tân sinh viên CĐK7; Quyết định số 283/QĐ-CĐCN, ngày 01/10/2019 v/v mở lớp tiếng Hàn Quốc (ngoại khóa) tại trường năm học 2019-2020;)

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt các điều kiện đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên trường (**6.4.04**-Báo cáo đánh giá tình hình đảm bảo an ninh trật tự an toàn trong trường học năm 2018, 2019,: Báo cáo số 29/BC-CĐCN, ngày

19/12/2018 về thành tích phong trào toàn dân BV ANTQ trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh năm 2018; Báo cáo số 43/BC-CĐCN, ngày 26/12/2019 về thành tích phong trào toàn dân BV ANTQ trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh năm 2019;).

Điểm tự đánh giá: 02

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí :

Công tác đào tạo gắn liền với liên kết doanh nghiệp được nhà trường chú trọng là mục tiêu số 1 trong chiến lược phát triển nhà trường. Theo định kỳ hằng năm nhà trường thường tổ chức các cuộc hội nghị cùng doanh nghiệp và xin ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về công tác đào tạo của nhà trường. Khi các doanh nghiệp có sử dụng lao động của nhà trường thì nhà trường mời trực tiếp tham gia vào quá trình đánh giá chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng kỹ năng nghề sau khi tốt nghiệp.

Ngoài ra, nhà trường thường xuyên thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Và thu thập ý kiến đánh giá của người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Bên cạnh đó trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định và có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài.

** Những điểm mạnh:*

Có kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hằng năm. Nhiều doanh nghiệp đánh giá cao về công tác khảo sát đánh giá của nhà trường và sự quan tâm của nhà trường đến người học.

Có kế hoạch thực hiện tự đánh giá. Định kỳ hàng năm nhà trường có kế hoạch cụ thể về công tác tự kiểm định các đơn vị trong nhà trường và đánh giá tự kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo.

** Những tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV. Tổ chức các buổi tọa đàm với nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực và thường xuyên đổi mới phương pháp đào tạo theo kỹ năng nghề.

Tiêu chuẩn 1: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Trong công tác đào tạo nhà trường xác định việc gắn với doanh nghiệp là việc làm không thể thiếu, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu của xã

hội thi cơ sở đào tạo mới phát triển bền vững. Hiện tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đang hợp tác đào tạo với nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực như Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Công nghệ cơ khí, Công nghệ thông tin, kế toán doanh nghiệp....Mối quan hệ hợp tác với nhà trường với doanh nghiệp tập trung chủ yếu trên các lĩnh vực như: Tuyển dụng lao động; đưa HSSV đi thực tập sản xuất; xây dựng cải tiến chương trình và giáo trình.....vì vậy nhà trường coi doanh nghiệp là một nguồn lực của nhà trường

Để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp ngành cắt gọt kim loại cũng như chương trình đào tạo ngành cắt gọt kim loại của nhà trường đối với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất, trong các năm 2018, 2019, đã xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức khảo sát doanh nghiệp về mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo (7.1.01 Kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019,)

Để thực hiện tốt kế hoạch khảo sát nhà trường đã lập danh sách các doanh nghiệp để tiến hành với phương thức thông qua các phiếu khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp (7.1.02 Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát; 7.1.03 Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019,)

Trên cơ sở thu thập các ý kiến của phía doanh nghiệp như đánh giá quá trình thực tập của học sinh, sinh viên, Kết quả khảo sát cho thấy năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp đáp ứng ở mức độ:

Từ kết quả trên cho thấy năng lực của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp đều được phía doanh nghiệp đánh giá đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp (7.1.04 Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019,)

- Kiến thức, kỹ năng, năng lực nghiệp vụ:

+ Năm 2018: có điểm từ 3.3 – 4.9, trung bình là 4.1

+ Năm 2019: có điểm từ 3.7 – 4.7, trung bình là 4.2

- Năng lực kỹ năng mềm:

+ Năm 2018: có điểm từ 4.2 – 5.0, trung bình là 4.8

+ Năm 2019: có điểm từ 4.1 – 4.7, trung bình là 4.4

- Phẩm chất cá nhân:

+ Năm 2018: có điểm từ 3.5 – 4.4, trung bình là 4.0

+ Năm 2019: có điểm từ 3.4 – 4.2, trung bình là 4.0

Từ đó cho thấy năng lực của HSSV sau khi tốt nghiệp đều được doanh nghiệp đánh giá đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm nhà trường đã thực hiện công tác khảo sát, thống kê số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm tỷ lệ chiếm 95% có việc làm, trong đó có 75% HSSV tìm được việc làm phù hợp với nghề đào tạo. (7.2.01- Báo cáo công tác dạy nghề năm 2018, 2019 ; 7.2.02 Bảng nhập liệu lần vết;. 7.2.03- Hồ sơ tốt nghiệp năm 2018, 2019;)

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Để đảm bảo chất lượng của mọi hoạt động trong trường, hàng năm Trường đã tiến hành thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, công tác cán bộ, công tác đánh giá phân loại viên chức... Nhà trường đã sử dụng phiếu khảo sát để thu thập ý kiến nhằm đánh giá một cách khách quan (7.3.01 Kế hoạch lấy ý kiến khảo sát của công chức, viên chức quản lý, giảng viên, nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của trường năm 2018,2019,; 7.3.02 Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia khảo sát; 7.3.03 Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường; 7.3.04 Báo cáo kết quả thực hiện khảo sát ý kiến công chức, viên chức quản lý, giáo viên và nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của trường năm 2018,2019,)

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Bên cạnh việc thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người động về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, Nhà trường còn lấy ý kiến từ người học để đánh giá chất lượng đào tạo và các chính sách liên quan (7.4.01 Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của học sinh, sinh viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2018, 2019,; 7.4.02 Danh sách học sinh, sinh viên khảo sát năm 2018, 2019,)

Nhằm thu thập các thông tin một cách khách quan và khoa học thông qua các phiếu khảo sát đến với học sinh, sinh viên với nội dung toàn diện về mọi mặt của nhà trường (7.4.03 Phiếu khảo sát học sinh, sinh viên năm 2018, 2019,)

Kết quả khảo sát cho thấy người học đánh giá cao công tác đào tạo và phục vụ của nhà trường. Các chính sách của nhà nước đối với người học được nhà trường hực hện đầy đủ và có nhiều chính sách thiết thực khuyến khích và hỗ trợ người học (7.4.04 Báo cáo kết quả khảo sát năm 2018, 2019)

Điểm tự đánh giá: 02 điểm .

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Hàng năm trường thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định tại Mục 2 chương II Thông tư số 28 /2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp (7.5.01- Quyết định Hội đồng kiểm định năm 2018, 2019,; 7.5.02- Kế hoạch tự kiểm định năm: 2018, 2019,; 7.5.03- Báo cáo tự kiểm định năm: 2018,2019,;)

Điểm tự đánh giá: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Căn cứ kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng hàng năm, Phòng Đào tạo được giao phụ trách công tác kiểm định đã phối hợp với các đơn vị tham mưu với Ban giám hiệu lên kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng như cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ ; giáo viên tham gia kỳ thi đánh giá kỹ năng nghề; cử giáo viên thăm quan/thực tập tại doanh nghiệp; mua sắm trang thiết bị đào tạo; chỉnh trang cơ sở vật chất (7.6.01 Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018, 2019,)

Ngoài ra để giáo viên được tiếp cận với doanh nghiệp nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn trong giảng dạy, nhà trường đã cử giáo viên thăm quan, thực tập tại doanh nghiệp (7.6.02 Quyết định cử giáo viên thực tế và hướng dẫn học sinh, sinh viên thực tập)

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Để thực hiện tốt công tác thu thập thông tin học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm nhà trường (7.7.01 Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018, 2019,)

Công tác điều tra khảo sát lần vết học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp được nhà trường phối hợp với tổ chức GIZ của CHLB Đức và Viện khoa học giáo dục nghề nghiệp – Tổng cục giáo dục nghề nghiệp tiến hành theo định kỳ hàng năm.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc làm khi học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường, để thực hiện tốt trong công tác tiếp nhận các thông tin từ phía doanh nghiệp cũng như cựu học sinh sinh viên thông qua công tác khảo sát lần vết (7.7.02 Kế hoạch khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019, 7.7.03: Danh sách sinh viên khảo sát lần vết năm 2018,2019,; 7.7.04 Báo cáo kết quả khảo sát lần vết năm 2018,2019,). Như vậy, nhà trường đáp ứng được yêu cầu có trên 80% tổng số học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu, quản lý và tài chính

Nhà trường hoạt động với phương pháp quản lý chuyên nghiệp, mọi quá trình được đánh giá và thực hiện theo tiêu chuẩn ISO;

Mạng lưới doanh nghiệp được kết nối tới HSSV trong toàn bộ thời gian thực tập tốt nghiệp và sau khi ra trường;

Nhà trường sẽ có tổ tuyển sinh, tiếp thị đào tạo chuyên nghiệp và năng động đi cùng với các hoạt động truyền thông đa chiều để quảng bá hình ảnh nhà trường tới địa phương và doanh nghiệp;

Các đơn vị trực thuộc trường hoạt động dựa trên các quy trình ISO, cơ cấu tổ chức bền vững, có kế thừa đảm bảo cho mọi hoạt động của nhà trường được ổn định, phát triển;

Các GV, BC, CNV xác định rõ vị trí làm việc và được đánh giá công việc theo năng lực thực tại của chuẩn ISO;

Nhà trường sẽ có một đội ngũ giáo viên dạy nghề đạt chuẩn ASEAN;

Đảm bảo chất lượng đầu ra và giải quyết trên 90% HSSV có việc làm đúng chuyên ngành ổn định.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đẩy mạnh các hoạt động tuyển sinh, liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để đảm bảo nguồn lực tài chính của đơn vị ngày càng vững mạnh và phát triển.

3.2. Hoạt động đào tạo

Trường sẽ phát huy những điểm mạnh và khắc phục dần những tồn tại. Từ năm 2021 trở đi Trường sẽ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện tổ chức các hoạt động về đào tạo liên thông các cấp học trong nhà Trường; tiếp tục hợp tác với các trường đại học tiến hành đào tạo các cấp trình độ cao hơn như: đại học, thạc sĩ.... Tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm đưa các học viên đi thực tập và làm quen với môi trường làm việc thực tế. Tăng cường trang thiết bị, máy móc thực hành tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều làm việc thực tế. Tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo và việc làm; tìm hiểu các cơ hội để hợp tác quốc tế về đào tạo, tiếp thu các phương thức đào tạo hiện đại và phù hợp.

3.3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, và nhân viên

Trong những năm tới Nhà trường tiếp tục rà soát các quy chế, quy định có liên quan đến công tác cán bộ. Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trẻ nhằm mục tiêu tạo nguồn lực và đội ngũ kế cận có chất lượng tốt để chủ động đáp ứng các nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong năm 2018, nhà trường đã tuyển mới một số giáo viên cho các khoa như: Điện - Điện tử, Công nghệ cơ khí, Kinh tế - CNTT. Đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức cho giáo viên của Trường tham gia đánh giá kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu được quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017.

3.4. Chương trình, giáo trình

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường cũng như những thay đổi của công nghệ, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

3.5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo tốt nhất phục vụ cho người học. Tiếp tục mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động của Nhà trường.

3.6. Dịch vụ cho người học

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác HSSV nhà trường đề xuất trình Tỉnh tạo điều kiện để xây dựng khu KTX cho học sinh, sinh viên

3.7. Giám sát, đánh giá chất lượng

Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV. Tổ chức các buổi tọa đàm với nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực và thường xuyên đổi mới phương pháp đào tạo theo kỹ năng nghề.

PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Công tác tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Cắt gọt kim loại là một quá trình xem xét và đánh dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL GDNN do Bộ LĐTB-XH ban hành là một yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về GDNN và hoạt động của các trường Cao đẳng hiện nay.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, đúng trình tự của một môi trường GDNN lành mạnh, phù hợp, phát triển, rất cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường đi vào nề nếp và chuẩn hoá. Vì vậy, trong thời gian qua căn cứ vào Bộ tiêu chí KĐCL GDNN, căn cứ vào thực tế Nhà trường xác định mục tiêu, chủ trương, biện pháp, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hướng tới phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng đào tạo.

Đối với công tác tự kiểm định nghề Cắt gọt kim loại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh xác định là một nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó hàng năm nhà trường căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đã và chưa đạt để rà soát hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường, qua đó phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế. Vì KĐCL CTĐT được tiến hành thường xuyên nên việc thông qua công tác tự kiểm định nhà trường có hướng phấn đấu hướng tới việc tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng dạy đào tạo.

II. KIẾN NGHỊ

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự kiểm định chất lượng, nhà trường thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng CTĐT: Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định khoa học và phù hợp với việc đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường hiện tại không có kiến nghị gì./.

Bắc Ninh, ngày 15 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Lưu

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

UBND TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 01 năm 2019

Số: 05/QĐ - CĐCN

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 và Văn bản hợp nhất Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh năm 2019

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm năm 2019 có nhiệm vụ:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Phòng, Khoa liên quan và các Ông, Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Đức Lưu

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH CẮT GỌT KIM LOẠI NĂM 2019**

*(Kèm theo quyết định số 05/QĐ-CĐCN ngày 11/01/2019 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh)*

TT	Họ tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Đức Lưu	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Vũ Quang Khuê	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực	
3	Ông Nguyễn Văn Mễ	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
4	Ông Nguyễn Văn Hưng	P.TK Công nghệ Cơ khí	Ủy viên - Thư ký	
5	Ông Phan Đăng Thực	GV Khoa CN cơ khí	Ủy viên	
6	Ông Trần Mạnh Hùng	Trưởng phòng Đào tạo	”	
7	Bà Nguyễn Thị Hà	Phó TP Kế toán	”	
8	Bà Hoàng Thị Thanh	Phó TP TC-HC	”	
9	Ông Bùi Xuân Đoàn	Trưởng phòng QHCC	”	
10	Ông Lê Trọng Nghĩa	GV Phòng Đào tạo	”	
11	Ông Nguyễn Văn Trường	Giám đốc Công ty TNHH SX dịch vụ cơ khí Hưng Thịnh	”	
12	Ông Nguyễn Sĩ Tùng	Phó GD Công ty TNHH SYMKOS	”	
13	Ông Nguyễn Khắc Thao	Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí TAD	”	

Số: 06 /KH-CĐCN

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 01 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm năm 2019

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm cấp độ Quốc tế, khu vực ASEAN và Quốc gia theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của các ngành trọng điểm dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của các ngành, nghề trọng điểm qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng kèm theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động

- Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong trường và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm

- Phân công Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Cắt gọt kim loại chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Cắt gọt kim loại;

- Phân công Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện tử công nghiệp;

- Phân công Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô;

- Phân công Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Điện công nghiệp;

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình Chủ tịch hội đồng phê duyệt;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo mẫu quy định tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo họp thông qua.

4.2. Đối với các đơn vị trực thuộc Trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp cho Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành để tổng hợp.

5. Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành, nghề trọng điểm phụ trách theo tiêu chí và tiêu chuẩn tự đánh giá

5.1. Ngành Cắt gọt kim loại

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên thực hiện tự đánh giá phụ trách
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính		Ông Nguyễn Đức Lưu
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Kế toán	Bà Nguyễn Thị Hà
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Đào tạo	Ông Trần Mạnh Hùng
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		Ông Nguyễn Đức Lưu
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Tổ chức - Hành chính	Bà Hoàng Thị Thanh
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Công nghệ Cơ khí	Ông Phan Đăng Thực
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
9	<i>Tiêu chuẩn 9</i>		

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên thực hiện tự đánh giá phụ trách
10	<i>Tiêu chuẩn 10</i>		
11	<i>Tiêu chuẩn 11</i>		
12	<i>Tiêu chuẩn 12</i>		
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		Ông Nguyễn Văn Mễ
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Công nghệ Cơ khí	Ông Nguyễn Văn Hưng
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
VI	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học		Ông Nguyễn Văn Mễ
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Đào tạo	Ông Lê Trọng Nghĩa
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
VII	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng		Ông Nguyễn Văn Mễ
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Quan hệ công chúng; Doanh nghiệp	Ông Bùi Xuân Đoàn Ông Nguyễn Văn Trường Ông Nguyễn Sĩ Tùng
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		

5.2. Ngành Điện tử công nghiệp

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính		Ông Nguyễn Đức Lưu
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Kế toán	Bà Nguyễn Thị Hà
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Đào tạo	Ông Trần Mạnh Hùng
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		Ông Nguyễn Đức Lưu
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Tổ chức - Hành chính	Bà Hoàng Thị Thanh
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Điện - Điện tử	Ông Dương Văn Nhung
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
9	<i>Tiêu chuẩn 9</i>		
10	<i>Tiêu chuẩn 10</i>		
11	<i>Tiêu chuẩn 11</i>		
12	<i>Tiêu chuẩn 12</i>		
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		Ông Vũ Quang Khuê

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Điện - Điện tử	Ông Trần Trung Hậu
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
VI	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng CT HSSV	Ông Nguyễn Duy Diễn
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
VII	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng quan hệ công chúng; Doanh nghiệp	Ông Bùi Xuân Đoàn Ông Nguyễn Văn Hùng Ông Trần Văn Quỳnh
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		

5.3. Ngành Công nghệ ô tô

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính		Ông Nguyễn Đức Lưu
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Kế toán	Bà Nguyễn Thị Hà
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Công nghệ ô tô	Ông Nguyễn Văn Hạnh
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		Ông Nguyễn Đức Lưu
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Tổ chức - Hành chính	Bà Hoàng Thị Thanh
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Công nghệ ô tô	Ông Lê Đức Tùng
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
9	<i>Tiêu chuẩn 9</i>		
10	<i>Tiêu chuẩn 10</i>		
11	<i>Tiêu chuẩn 11</i>		
12	<i>Tiêu chuẩn 12</i>		
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		Ông Trần Văn Thục
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Công nghệ ô tô	Ông Võ Văn Hùng
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
VI	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học		Ông Trần Văn Thực
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Đào tạo	Bà Trương Thị Hiên
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
VII	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng		Ông Trần Văn Thực
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Quan hệ công chúng; Doanh nghiệp	Ông Bùi Xuân Đoàn Ông Trần Văn Hiếu Ông Nguyễn Văn Hoài
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		

5.4. Ngành Điện công nghiệp

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính		Ông Nguyễn Đức Lưu
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Kế toán	Bà Nguyễn Thị Hà
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Đào tạo	Ông Trần Mạnh Hùng
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		Ông Nguyễn Đức Lưu

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng Tổ chức - Hành chính	Bà Hoàng Thị Thanh
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Điện - Điện tử	Ông Dương Văn Nhung
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
9	<i>Tiêu chuẩn 9</i>		
10	<i>Tiêu chuẩn 10</i>		
11	<i>Tiêu chuẩn 11</i>		
12	<i>Tiêu chuẩn 12</i>		
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Khoa Điện - Điện tử	Ông Trần Trung Hậu
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		
VI	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng CT HSSV	Ông Nguyễn Duy Diễn
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
VII	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng		Ông Vũ Quang Khuê
1	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Phòng quan hệ công chúng; Doanh nghiệp	Ông Bùi Xuân Đoàn Ông Nguyễn Văn Hùng Ông Trần Văn Quỳnh
2	<i>Tiêu chuẩn 2</i>		
3	<i>Tiêu chuẩn 3</i>		
4	<i>Tiêu chuẩn 4</i>		
5	<i>Tiêu chuẩn 5</i>		
6	<i>Tiêu chuẩn 6</i>		
7	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		
8	<i>Tiêu chuẩn 8</i>		

6. Nội dung công việc - Thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
Từ ngày 15/01/2019 đến ngày 18/02/2019	- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019 của ngành Cắt gọt kim loại, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp. - Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phụ trách theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí.	Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Từ ngày 19/02/2019 đến ngày 23/02/2019	Triển khai kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019 cho các thành viên Hội đồng.	Thư ký các Hội đồng; Các thành viên Hội đồng
Từ ngày 26/02/2019 đến ngày 30/9/2019	- Thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được.	Các phòng/khoa; Các thành viên Hội đồng
Từ ngày 01/10/2019	Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự	Thư ký các Hội đồng

Thời gian	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện
đến ngày 29/10/2019	đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi về phòng Đào tạo	
Từ ngày 15/11/2019	Gửi Báo cáo Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội và Tổng cục GDNN	Phòng Đào tạo

* **Yêu cầu chung:** Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng bắt buộc phải soạn thảo bằng phông chữ Times New Roman, Unicode, cỡ chữ 13 theo yêu cầu của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được bố trí theo quy định hiện hành.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của nhà trường năm 2019. Nhà trường yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa nghiêm túc phối hợp đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các Phòng, Khoa;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Vũ Quang Khuê

Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1	1.1.01		- Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định về điều lệ trường Cao đẳng
2.			1.1.02		- Đề án thành lập trường Cao đẳng.
3.			1.1.03		Chương trình đào tạo ngành CGKL
4.			1.1.04		QĐ 32/QĐ-CĐCN, ngày 21/01/2020 của trường CĐCN Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường
5.			1.1.05		www.bci.edu.vn
6.			1.1.06		Công văn tuyển dụng của công ty Samsung, Foxconn, tập đoàn KHKT Hồng Hải.
7.			1.1.07		TB số 06/TB-CĐN ngày 28/3/2017 về việc kết luận của ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, TB số 29/TB-CĐCN ngày 3/7/2019 về việc rà soát, áp dụng chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy Mô đun
8.			1.1.08		QĐ 192, 193 năm 2019 về việc thành lập ban rà soát và ban thẩm định chương trình đào tạo
9.	1	2	1.2.01		Quyết định thành lập khoa CNKT cơ khí
10.			1.2.02		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn chương trình đào tạo ngành CGKL
11.			1.2.03		Quyết định đổi tên khoa Cơ khí thành khoa CN Cơ khí
12.			1.2.04		Chức năng nhiệm vụ khoa CN Cơ khí

13.			1.2.05	<i>Kết quả năm học của khoa</i>
14.			1.2.06	<i>Báo cáo kết quả năm học của khoa</i>
15.			1.2.07	<i>Các quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen đối với ngành CGKL, sinh viên ngành CGKL</i>
16.	1	3	1.3.01	<p><i>Quyết định số 15/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/01/2017 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017; Quyết định số 148/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/06/2017 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017; Quyết định số 169/QĐ-SLĐTBXH ngày 06/07/2017 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017; Quyết định số 183/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/07/2017 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017; Quyết định số 290/QĐ-SLĐTBXH ngày 15/11/2017 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017</i></p> <p><i>Quyết định số 104/QĐ-SLĐTBXH ngày 29/01/2018 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018; Quyết định số 152/QĐ-SLĐTBXH ngày 14/06/2018 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018; Quyết định số 304/QĐ-SLĐTBXH ngày 10/09/2018 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018; Quyết định số 353/QĐ-SLĐTBXH ngày 15/11/2018 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018; Quyết định số 39/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/04/2018 tạm thời giao chỉ tiêu biên chế viên chức và HĐ68 năm 2018</i></p> <p><i>Quyết định số 393/QĐ-SLĐTBXH ngày 18/12/2018 về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019; Quyết định số 43/QĐ-SLĐTBXH ngày 11/03/2019 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019; Quyết định số 171/QĐ-SLĐTBXH ngày</i></p>

				<p>24/06/2019 về việc giao bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2019; Quyết định số 201/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/07/2019 về việc giao bổ sung dự toán CTMT năm 2019;</p> <p>Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phân bổ, điều chỉnh kinh phí Chương trình mục tiêu năm 2020;</p> <p>Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-SLĐTBXH ngày 26/05/2020 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Bắc Ninh về việc bổ sung dự toán chương trình mục tiêu năm 2020;</p>
17.			1.3.02	Mẫu số B03-H Báo cáo thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, 2018, 2019, 2020
18.			1.3.03	Quyết toán ngân sách năm 2017, 2018, 2019, 2020
19.			1.3.04	<p>Quyết định số 34/QĐ-CDN ngày 24/01/2017 của trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017</p> <p>Quyết định số 62/QĐ-CĐCN ngày 12/02/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018</p> <p>Quyết định số 27/QĐ-CĐCN ngày 28/01/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019</p> <p>Quyết định số 28/QĐ-CĐCN ngày 21/01/2020 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020</p>
20.			1.3.05	Biểu định mức chi vật tư cho từng ca, từng học sinh, sinh viên thực tập năm 2017, 2018, 2019, 2020; Bảng dự trù vật tư của các khoa năm

				2017, 2018, 2019, 2020; Bảng định mức kinh phí chi cho một HS trường xây dựng năm 2017, 2018, 2019, 2020
21.			1.3.06	<p>Hợp đồng kèm cặp nâng cao tay nghề số 26.02/TTN-TP ngày 26/02/2016 giữa trường Cao đẳng nghề Kinh tế – Kỹ thuật Bắc Ninh với Công ty TNHH Xây lắp điện Cơ Thuận Phát</p> <p>Thỏa thuận bố trí sinh viên thực tập trải nghiệm số 16.02.2017/SEVT – CDN KTKT BN ngày 16/02/2017 giữa trường Cao đẳng nghề Kinh tế – Kỹ thuật Bắc Ninh với Công ty TNHH Samsung Electronics</p> <p>Thỏa thuận bố trí sinh viên thực tập hướng nghiệp số 01.03.2017/SW-CDN KTKT ngày 01/03/2017 giữa trường Cao đẳng nghề Kinh tế – Kỹ thuật Bắc Ninh với Công ty TNHH SANWA Việt Nam</p> <p>Thỏa thuận về chương trình trải nghiệm công việc thực tế của sinh viên trường cao đẳng CNBN tại canon VN ngày 10/01/2018;</p> <p>Hợp đồng đưa HSSV đi trải nghiệm thực tế tại DN số 07/2018/NSTW –HD-CNBN&FN ngày 21/08/2018</p> <p>Thỏa thuận về chương trình trải nghiệm công việc thực tế của sinh viên trường cao đẳng CNBN tại canon VN ngày 12/11/2018</p> <p>Thỏa thuận về chương trình trải nghiệm công việc thực tế của sinh viên trường cao đẳng CNBN tại canon VN ngày 21/11/2018</p> <p>Thỏa thuận về chương trình trải nghiệm công việc thực tế của sinh viên trường cao đẳng CNBN tại canon VN ngày 03/12/2018</p> <p>Thỏa thuận bố trí sinh viên thực tập, học tập trải nghiệm thực tế ngày 18/03/2019 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và Công ty TNHH Luxshare</p> <p>Thỏa thuận bố trí sinh viên thực tập, học tập trải nghiệm thực tế ngày 20/05/2019 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và Công ty</p>

				<p><i>TNHH Luxshare</i></p> <p><i>Thỏa thuận bố trí sinh viên thực tập, học tập trải nghiệm thực tế ngày 26/08/2019 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và Công ty TNHH TAE WON HD</i></p> <p><i>Thỏa thuận về chương trình trải nghiệm công việc thực tế của sinh viên trường cao đẳng CNBN tại canon VN ngày 27/09/2019</i></p>
22.			1.3.07	<p><i>Kết luận số 06/ KL-TTr-NV3 ngày 05.02.2013 của Chánh thanh tra tỉnh Bắc Ninh - Kết luận thanh tra chấp hành chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng Ngân sách; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý dự án, chương trình mục tiêu, đào tạo dạy nghề.. tại Sở Lao động – TB và Xã hội tỉnh Bắc Ninh.</i></p> <p><i>Kết luận số 395/KL-TTr ngày 30/08/2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh</i></p>
23.			1.3.08	<i>Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của kiểm toán viên</i>
24.			1.3.09	<i>Bộ hồ sơ lưu trữ tại phòng Kế toán.</i>
25.	2	1	2.1.01	<p><i>Quyết định ban hành quy chế tuyển sinh 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Quyết định số 244a/QĐ-CĐCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc Ban hành quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng của trường năm 2018;</i></p> <p><i>Quyết định số 438/QĐ-CĐCN ngày 19/11/2018 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp, cao đẳng năm 2019;</i></p> <p><i>Quyết định số 370/QĐ-CĐCN ngày 09/12/2019 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp, cao đẳng năm 2020</i></p>

26.			2.1.02	<i>Thông báo tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020,</i>
27.			2.1.03	<i>Kế hoạch tuyển sinh năm học 2018-2019, 2019-2020, Kế hoạch tuyển sinh số 27a/KH-CĐCN ngày 18/12/2017 Kế hoạch tuyển sinh năm học 2018-2019. Kế hoạch số 38/KH-CĐCN ngày 19/11/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2019-2020. Kế hoạch số 45/KH-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021.</i>
28.			2.1.04	<i>Tiêu chí xét tuyển năm học 2018-2019, 2019-2020,</i>
29.			2.1.05	<i>Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 Quyết định số 435a/QĐ-CĐCN ngày 19/11/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2019; Quyết định số 464/QĐ-CĐCN ngày 28/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc thành lập Ban tư vấn tuyển sinh năm 2019. Quyết định số 369/QĐ-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2020. Quyết định số 367/QĐ-CĐCN ngày 12/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc thành lập Ban thư ký và tư vấn tuyển sinh năm học 2020-2021. Quyết định số 97/QĐ-CĐCN ngày 27/4/2020 của trường Cao đẳng</i>

				<i>Công nghiệp Bắc Ninh về việc kiện toàn Ban thư ký và tư vấn tuyển sinh năm học 2020-2021.</i>
30.			2.1.06	<i>Hồ sơ đăng ký xét tuyển 2018, 2019,</i>
31.			2.1.07	<i>Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
32.			2.1.08	<i>Biên bản xét tuyển của HĐ tuyển sinh năm 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
33.			2.1.09	<i>Quyết định biên chế lớp năm 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. Quyết định số 298/QĐ-CĐCN ngày 04/10/2019 về việc Biên chế các lớp Cao đẳng Khóa 10 và trung cấp khóa 37 tuyển sinh năm 2019.</i>
34.			2.1.10	<i>Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2017- 2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
35.	2	2	2.2.01	<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp : Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề số 34/2011/GCN-ĐKHĐDN ngày 20/6/2011 của Tổng cục dạy nghề;</i>
36.			2.2.02	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp Số 175/2017/GCNĐKHĐ-TCN Ngày 23/6/2017,</i>
37.			2.2.03	<i>Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2019;</i>
38.			2.2.04	<i>Quyết định số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/5/2017, Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017, 2019.</i>
39.			2.2.05	<i>Kế hoạch đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
40.			2.2.06	<i>Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
41.			2.2.07	<i>Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019</i>
42.			2.2.08	<i>Sổ lên lớp năm học 2018-2019, 2019-2020.</i>

43.			2.2.09		<i>Giáo án giảng dạy các năm học 2018-2019, 2019-2020.</i>
44.			2.2.10		<i>Sổ tay nhà giáo các năm học 2018-2019, 2019-2020.</i>
45.			2.2.11		<i>Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019</i>
46.	2	3		2.2.05	<i>Kế hoạch đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
47.				2.2.06	<i>Tiến độ giảng dạy năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
48.				2.2.07	<i>Kế hoạch thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019</i>
49.				2.2.08	<i>Sổ lên lớp năm học 2018-2019, 2019-2020.</i>
50.				2.2.09	<i>Giáo án giảng dạy các năm học 2018-2019, 2019-2020.</i>
51.				2.2.10	<i>Sổ tay nhà giáo các năm học 2018-2019, 2019-2020.</i>
52.				2.2.11	<p><i>Quyết định ban hành chương trình dạy nghề:</i></p> <p><i>Quyết định số 70/QĐ-CĐCN Ngày 28/02/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh V/v Ban hành Chương trình môn học MH 06: Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng.</i></p> <p><i>Quyết định số 75/QĐ-CĐCN Ngày 07/03/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh V/v Ban hành Chương trình đào tạo 2019.</i></p> <p><i>Quyết định số 198/QĐ-CĐCN Ngày 29/7/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh V/v Ban hành Chương trình đào tạo liên thông.</i></p> <p><i>Quyết định số 256/QĐ-CĐCN Ngày 06/9/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh V/v Ban hành Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm học 2019-2020.</i></p>
53.				2.2.12	<i>Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2017, 2018, 2019</i>
54.	2.		2.3.01		<i>Danh sách các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể,</i>

				<i>máy chiếu Projector, màn chiếu .</i>
55.			2.3.02	<i>Danh sách các phần mềm nhà trường đã mua: Misa, Top solid; inventer, Siemen S7-300, phần mềm Quản lý đào tạo, phần mềm Quản lý công việc “Base...” Web site: bci.edu.vn....</i>
56.			2.3.03	<i>Phần mềm quản lý và lưu trữ dữ liệu đào tạo;</i>
57.			2.3.04	<i>Phần mềm quản lý thư viện;</i>
58.			2.3.05	<i>Phần mềm quản lý tài chính - kế toán;</i>
59.			2.3.06	<i>Các gói phần mềm đi theo thiết bị PLC, máy phay CNC, máy quét 3D.</i>
60.	2	4	2.4.01	<i>Các hản Hợp đồng TTTN của HSSV (Hợp đồng thực tập với công ty điện tử Samsung Việt Nam, Công ty TNHH Sanwa Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Tập đoàn khoa học kỹ thuật Hồng Hải.....)</i>
61.			2.4.02	<i>Hợp đồng thực tập và đào tạo kép với công ty TNHH Sanwa Việt Nam</i>
62.			2.4.03	<i>Hợp đồng thực tập và đào tạo kép với công ty TNHH ABB Việt Nam</i>
63.			2.4.04	<i>Các hợp đồng liên kết đào tạo với TTGDNN-GDTX Gia Bình</i>
64.			2.4.05	<i>Kế hoạch thực tập năm 2017, 2018, 2019;</i>
65.			2.4.06	<i>Các hợp đồng, các Biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp, nhà máy về thực tập sản xuất của học sinh;</i>
66.			2.4.07	<i>Các quyết định cử học sinh đi thực tập sản xuất tại các cơ sở</i>
67.			2.4.08	<i>Báo cáo thực tập sản xuất của học sinh tại các cơ sở có nhận xét của cơ sở tiếp nhận năm 2017, 2018, 2019;</i>
68.			2.4.09	<i>Tổng hợp kết quả đi thực tập của học sinh theo từng đợt năm 2017, 2018, 2019;</i>
69.	2	5	2.5.01	<i>Quyết định ban hành Quy định về việc thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN ngày 18/09/2017, Quyết định</i>

				<i>số 205/QĐ-CĐCN ngày 30/07/2019;</i>
70.			2.5.02	<i>Quyết định về việc đánh giá kết quả rèn luyện HSSV; Quyết định số 185/ QĐ-CĐCN ngày 30/10/2017 về việc đánh giá kết quả rèn luyện HSSV năm 2017;</i> <i>Quyết định số 39/QĐ-CĐCN ngày 28/02/2019 về việc ban hành quy chế công tác HSSV trường CĐCN Bắc Ninh; Quyết định số 186/QĐ-CĐCN ngày 30/10/2017</i>
71.			2.5.03	<i>Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học – mô đun;</i>
72.			2.5.04	<i>Các kế hoạch tổ chức kiểm tra hết môn học-mô đun theo học kỳ</i>
73.			2.5.05	<i>Kế hoạch thi tốt nghiệp</i>
74.			2.5.06	<i>Bảng tổng hợp kết quả học tập từng học kỳ, năm học, khoá học</i>
75.			2.5.07	<i>Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp 2017, 2018, 2019</i>
76.	2	6	2.2.07	<i>Kế hoạch số 26/KH-CĐCN ngày 1/12/2017 kế hoạch kiểm tra đào tạo năm học 2017-2018;</i> <i>Kế hoạch số 31/KH-CĐCN ngày 30/10/2018 kế hoạch kiểm tra đào tạo năm học 2018-2019;</i> <i>Kế hoạch số 48/KH-CĐCN ngày 26/12/2019 kế hoạch kiểm tra đào tạo năm học 2019-2020;</i>
77.			2.2.08	<i>Sổ lên lớp năm học 2018-2019, 2019-2020.</i>
78.			2.2.09	<i>Giáo án giảng dạy các năm học 2018-2019, 2019-2020.</i>
79.			2.2.10	<i>Sổ tay nhà giáo các năm học 2018-2019, 2019-2020.</i>
80.			2.2.11	<i>Báo cáo kết quả thanh kiểm tra đào tạo năm 2018, 2019</i>
81.			2.6.01	<i>Quyết định thành lập đoàn thanh kiểm tra</i>
82.			2.6.02	<i>Kế hoạch thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, người học về</i>

				<i>nâng cao chất lượng đào tạo</i>
83.			2.6.03	<i>Phiếu khảo sát ý kiến nâng cao chất lượng đào tạo</i>
84.			2.6.04	<i>Tổng hợp kết quả thu thập ý kiến nâng cao chất lượng đào tạo</i>
85.			2.6.05	<i>Báo cáo tổng kết năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; Báo cáo tổng kết năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019, Báo cáo tổng kết năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020</i>
86.	2	7	2.7.01	<i>- Kế hoạch đào tạo liên thông trung cấp, cao đẳng</i>
87.			2.7.02	<i>- Quy chế đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Quyết định số 204/QĐ-CĐCN ngày 30/07/2019;</i>
88.			2.7.03	<i>- Quyết định 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 ban hành chương trình đào tạo liên thông</i>
89.	3	1	3.1.01	<i>Danh sách trích ngang giáo viên năm 2017, 2018, 2019,</i>
90.			3.1.02	<i>Kế hoạch giáo viên các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
91.			3.1.03	<i>Hồ sơ cán bộ, viên chức năm 2017, 2018, 2019,</i>
92.			3.1.04	<i>Phiếu đánh giá nhà giáo năm 2017, 2018, 2019,</i>
93.	3	2	3.1.01	<i>Danh sách trích ngang giáo viên năm 2017, 2018, 2019,</i>
94.			3.1.03	<i>Hồ sơ cán bộ, viên chức năm 2017, 2018, 2019,</i>
95.			3.2.01	<i>Thông báo số 36/TB-CĐCN ngày 05/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2017. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 10/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2018. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2019</i>
96.	3	3	3.3.01	<i>Tiến độ đào tạo năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020</i>

97.			3.1.02	<i>Kế hoạch giáo viên các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
98.			3.3.02	<i>Kế hoạch phân công nhà giáo cho toàn khóa của chương trình năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020</i>
99.			3.3.03	<i>Danh sách người học từng lớp, danh sách thể hiện số người học học thực hành</i>
100.			3.3.04	<i>Quyết định của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN</i>
101.			3.3.05	<i>Bảng thống kê giờ giảng của giáo viên năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
102.			3.3.06	<i>Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020.</i>
103.			3.3.07	<i>Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020.</i>
104.			3.3.09	<i>Bảng thống kê tỉ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học năm 2017, 2018, 2019,</i>
105.			3.1.01	<i>Danh sách trích ngang giáo viên năm 2017, 2018, 2019, 2020</i>
106.			3.3.08	<i>Quyết định biên chế các lớp cao đẳng CGKL các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020.</i>
107.			3.3.09	<i>Bảng thống kê tỉ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học năm 2017, 2018, 2019,</i>
108.	3	4	3.4.01	<i>Quyết định công nhận các ĐTKH, SKKN các năm 2017, 2018, 2019,</i>
109.			3.4.02	<i>Quyết định công nhận kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường các năm 2017, 2018, 2019,</i>
110.			3.4.03	<i>Quyết định công nhận kết quả hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp</i>
111.	3	5	3.5.01	<i>Kế hoạch số 47/KH-CDN ngày 28/12/2016 của trường Cao đẳng</i>

				<i>ngành Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2017. Kế hoạch số 32/KH-CDN ngày 28/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018. Kế hoạch số 50/KH-CDN ngày 20/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019.</i>
112.			3.5.02	<i>Các Quyết định cử giáo viên tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2017, 2018, 2019,</i>
113.			3.5.03	<i>Hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2017, 2018, 2019,</i>
114.			3.5.04	<i>Công văn số 108/CĐCN - TCHC ngày 15/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2017. Báo cáo số 27/BC - CĐCN ngày 10/12/2018 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018. Báo cáo số 41/BC - CĐCN ngày 12/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019.</i>
115.	3	6	3.6.01	<i>Quyết định cử giáo viên quản lý HSSV thực tập tại doanh nghiệp</i>
116.				3.3.01 <i>Danh sách trích ngang nhà giáo năm 2017, 2018, 2019,</i>
117.			3.6.02	<i>Danh sách nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019,</i>
118.			3.6.03	<i>Hình ảnh nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2017, 2018, 2019,</i>
119.			3.6.04	<i>Các Quyết định cử nhà giáo đi thực thực tế tại các công ty, doanh nghiệp</i>

120.			3.6.05	<i>Quyết định cử giáo viên tham gia chương trình đào tạo kết hợp Nhà trường - Doanh nghiệp tại công ty ABB Việt Nam</i>
121.			3.6.06	<i>Quyết định cử giáo viên tham gia chương trình đào tạo kết hợp Nhà trường - Doanh nghiệp tại công ty SanWa Việt Nam</i>
122.	3	7	3.7.01	<i>Danh sách trích ngang của Phó hiệu trưởng Nguyễn Văn Mễ</i>
123.			3.7.02	<i>Quyết định số 158/QĐ-CĐCN ngày 10/6/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc phân công nhiệm vụ cho các đồng chí trong BGH nhà trường</i>
124.			3.7.03	<i>Hồ sơ cán bộ, viên chức của ông Nguyễn Văn Mễ</i>
125.			3.7.04	<i>Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hưng</i>
126.			3.7.05	<i>Hồ sơ cán bộ, viên chức của ông Nguyễn Văn Hưng</i>
127.			3.7.06	<i>Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên ngành cắt gọt kim loại</i>
128.	3	8	3.8.01	<i>Báo cáo của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc báo cáo tổng kết công tác năm 2017, 2018, 2019,</i>
129.			3.8.02	<i>Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của khoa Công nghệ cơ khí năm 2017, 2018, 2019,</i>
130.			3.2.01	<i>Thông báo số 36/TB-CĐCN ngày 05/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2017. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 10/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2018. Thông báo số 52/TB-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về kết quả đánh giá xếp loại viên chức, lao động năm 2019</i>
131.			3.8.03	<i>Quyết định số 223/QĐ-CĐCN ngày 05/12/2017 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2017. Quyết định số 461/QĐ-CĐCN ngày 11/12/2018</i>

				<i>của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2018 Quyết định số 366/QĐ-CĐCN ngày 09/12/2019 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng năm 2019.</i>
132.	4	1	4.1.01	<i>GCN số 175/2017/GCNĐKKHĐ-TCDN ngày 23/6/2017</i>
133.			4.1.02	<i>GCN số 175^a/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 25/8/2017</i>
134.			4.1.03	<i>QĐ số 71/QĐ-CĐN ngày 7/3/2017 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2017</i>
135.			4.1.04	<i>QĐ số 72/QĐ-CĐN ngày 08/03/2017 Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2017</i>
136.			4.1.05	<i>QĐ số 74/QĐ-CĐN ngày 15/3/2017 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017</i>
137.			4.1.06	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
138.			4.1.07	<i>QĐ số 181/QĐ-CĐN ngày 3/7/2019 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
139.			4.1.08	<i>QĐ số 192/QĐ-CĐN ngày 08/07/2019 Thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
140.			4.1.9	<i>QĐ số 193/QĐ-CĐN ngày 8/7/2019 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun năm 2019</i>
141.			4.1.10	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
142.	4	2	4.2.01	<i>Giấy mời công ty tham gia xây dựng chương trình nghề cắt gọt kim loại</i>

143.			4.1.03	<i>QĐ số 71/QĐ-CĐN ngày 7/3/2017 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2017</i>
144.			4.1.04	<i>QĐ số 72/QĐ-CĐN ngày 08/03/2017 Thành lập tổ biên soạn chương trình đào tạo năm 2017</i>
145.			4.1.05	<i>QĐ số 74/QĐ-CĐN ngày 15/3/2017 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2017</i>
146.			4.1.06	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
147.			4.1.07	<i>QĐ số 181/QĐ-CĐN ngày 3/7/2019 Thành lập ban chủ nhiệm xây dựng chương trình theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
148.			4.1.08	<i>QĐ số 192/QĐ-CĐN ngày 08/07/2019 Thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
149.			4.1.09	<i>QĐ số 193/QĐ-CĐN ngày 8/7/2019 Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun năm 2019</i>
150.			4.1.10	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
151.			4.2.02	<i>Giấy mời công ty tham gia thẩm định chương trình nghề cắt gọt kim loại</i>
152.			4.2.03	<i>Biên bản thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng</i>
153.	4	3	4.1.06	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
154.			4.1.10	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo</i>

				<i>tích lũy mô đun năm 2019</i>
155.	4	4		4.1.06 <i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
156.				4.1.10 <i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
157.	4	5		4.1.07 <i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
158.				4.1.11 <i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
159.			4.5.01	<i>Danh mục trang thiết bị đào tạo cho nghề cắt gọt kim loại</i>
160.			4.5.02	<i>Kế hoạch giáo viên khoa công nghệ cơ khí các năm học 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021</i>
161.			4.5.03	<i>Danh sách cán bộ giáo viên giảng dạy nghề cắt gọt kim loại</i>
162.	4	6		4.1.06 <i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
163.				4.1.10 <i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
164.			4.6.01	<i>Hồ sơ thi kiểm tra đánh giá các môn học, mô đun của các khóa ngành cắt gọt kim loại K8, K9, K10</i>
165.	4	7		4.1.06 <i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương</i>

				<i>trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại năm 2017</i>
166.			4.1.10	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 6/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng ngành cắt gọt kim loại theo tích lũy mô đun năm 2019</i>
167.			4.7.01	<i>Kế hoạch thực tập trải nghiệm tại các doanh nghiệp các khóa K7, K8, K9</i>
168.			4.7.02	<i>Kế hoạch thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp các khóa K8, K9</i>
169.			4.7.03	<i>Hợp đồng liên kết đào tạo giữa Nhà trường và công ty HB tech Vina</i>
170.	4	8	4.8.01	<i>- Kế hoạch xây dựng và thực hiện công tác đào tạo liên thông</i>
171.			4.8.02	<i>Quy chế đào tạo liên thông trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng</i>
172.			4.8.03	<i>Quyết định 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo liên thông</i>
173.			4.8.04	<i>Thông báo tuyển sinh hàng năm của nhà trường</i>
174.			4.8.05	<i>Công văn số 782/ĐHSPKTHY-ĐT, ngày 15/11/2019 về việc công nhận CTĐT trình độ cao đẳng đủ điều kiện liên thông với trình độ đại học của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên</i>
175.			4.8.06	<i>Quyết định số 1452/QĐ-ĐHSPKT ngày 21/7/2017 về ban hành quy định đào tạo liên thông trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên</i>
176.	4	9	4.1.02	<i>Giấy chứng nhận số 175/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 23/6/2017</i>
177.			4.1.03	<i>Giấy chứng nhận số 175^a/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 25/8/2017</i>
178.			4.1.04	<i>Giấy chứng nhận số 175b/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 26/7/2019</i>
179.			4.1.05	<i>QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng</i>
180.			4.1.06	<i>QĐ Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2019</i>

181.			4.1.07	<i>QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019 - 202</i>
182.			4.1.10	<i>QĐ số 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông</i>
183.			4.1.11	<i>QĐ số 52/QĐ-CĐCN ngày 20/2/2020 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp</i>
184.			4.9.01	<i>Danh mục các giáo trình nội bộ của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh năm 2018, 2019</i>
185.			4.9.02.	<i>Bản in các giáo trình các năm 2018, 2019</i>
186.			4.9.03	<i>Danh mục thống kê giáo trình nghề Cắt gọt kim loại</i>
187.	4	10	4.10.01	<i>Quyết định ban hành giáo trình giảng dạy cho các môn học chung</i>
188.			4.10.02	<i>Quyết định số 28/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 5 năm 2017 Về việc thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017</i>
189.			4.10.03	<i>Quyết định số 31/QĐ-CĐCN ngày 08 tháng 6 năm 2017 Về việc thành lập tổ biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017</i>
190.			4.10.04	<i>Quyết định số 260/QĐ-CĐCN ngày 12 tháng 9 năm 2019 Về việc Thành lập ban rà soát, biên soạn giáo trình các ngành, nghề đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun của Trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh năm 2019</i>
191.			4.10.05	<i>Các biên bản họp xây dựng giáo trình năm 2017</i>
192.			4.10.06	<i>Các biên bản họp xây dựng giáo trình năm 2019</i>
193.			4.10.07	<i>Quyết định số 72/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 7 năm 2017 Về việc thành</i>

					<i>lập Hội đồng thẩm định giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017</i>
194.			4.10.08		<i>Quyết định số 268/QĐ-CĐCN ngày 25 tháng 9 năm 2019 Về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun</i>
195.			4.10.09		<i>Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2017</i>
196.			4.10.10		<i>Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019</i>
197.			4.10.11		<i>Biên bản nghiệm thu giáo trình năm 2017</i>
198.			4.10.12		<i>Biên bản nghiệm thu giáo trình 2019</i>
199.			4.10.13		<i>Quyết định số 98/QĐ-CĐCN ngày 08 tháng 8 năm 2017 Về việc Ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017</i>
200.			4.10.14		<i>Quyết định số 340/QĐ-CĐCN ngày 15 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019</i>
201.				4.9.01	<i>Danh mục các giáo trình nội bộ của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh 2018, 2019</i>
202.				4.9.02	<i>Bản in các giáo trình 2018, 2019</i>
203.	4	11		4.10.11	<i>Biên bản nghiệm thu giáo trình năm 2017</i>
204.				4.10.12	<i>Biên bản nghiệm thu giáo trình 2019</i>
205.				4.10.13	<i>Quyết định số 98/QĐ-CĐCN ngày 08 tháng 8 năm 2017 Về việc Ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017</i>
206.				4.10.14	<i>Quyết định số 340/QĐ-CĐCN ngày 15 tháng 11 năm 2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao</i>

				<i>đăng năm 2019</i>
207.			4.9.01	<i>Danh mục các giáo trình nội bộ của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh 2018, 2019</i>
208.			4.9.02	<i>Bản in các giáo trình 2018, 2019</i>
209.	4	12	4.10.02	<i>Quyết định số 28/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 5 năm 2017 Về việc thành lập ban chủ nhiệm biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017</i>
210.			4.10.03	<i>Quyết định số 31/QĐ-CĐCN ngày 08 tháng 6 năm 2017 Về việc thành lập tổ biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2017</i>
211.			4.10.04	<i>Quyết định số 260/QĐ-CĐCN ngày 12 tháng 9 năm 2019 Về việc Thành lập ban rà soát, biên soạn giáo trình các ngành, nghề đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun của Trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh năm 2019</i>
212.			4.12.01	<i>Kế hoạch thu thập nhận xét, đánh giá của giáo viên, chuyên gia từ cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và người học về chất lượng giáo trình</i>
213.			4.12.02	<i>Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của giáo viên</i>
214.			4.12.03	<i>Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của chuyên gia từ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</i>
215.			4.12.04	<i>Phiếu khảo sát thu thập ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình của HSSV</i>
216.			4.12.05	<i>Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến nhận xét, đánh giá của giáo viên, chuyên gia từ cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và người học về chất lượng giáo trình</i>
217.	5	5.1	5.1.01	<i>Hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh</i>

				<i>nay là trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh</i>
218.			5.1.02	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công khu nhà xưởng thuộc Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ</i>
219.			5.1.03	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà lớp học 5 tầng</i>
220.			5.1.04	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công nhà giảng đường</i>
221.			5.1.05	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành</i>
222.			5.1.06	<i>Thuyết minh Quy hoạch chi tiết xây dựng trường Trung cấp nghề Bắc Ninh nay là trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh</i>
223.		5.2	5.2.01	<i>Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại khoa</i>
224.			5.2.02	<i>Hồ sơ đấu thầu mua sắm thiết bị hàng năm</i>
225.			5.2.03	<i>Chứng thư giám định thiết bị</i>
226.			5.2.04	<i>Hồ sơ đấu thầu trang thiết bị Dự án ODA do chính phủ Cộng hòa liên bang Đức tài trợ</i>
227.			5.2.05	<i>Danh mục thiết bị chính các nghề đào tạo của khoa</i>
228.			5.2.06	<i>Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với khoa CN cơ khí</i>
229.			5.2.07	<i>Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa CN cơ khí</i>
230.			5.2.08	<i>Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị</i>
231.			5.2.09	<i>Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm</i>
232.			5.2.10	<i>Dự trù kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại khoa</i>
233.		5.3	5.3.01	<i>Sơ đồ bố trí thiết bị các xưởng</i>
234.			5.3.02	<i>Tiến độ năm học của toàn trường</i>
235.			5.3.03	<i>Kế hoạch giáo viên của khoa</i>

236.			5.3.04		<i>Thời khóa biểu toàn trường</i>
237.			5.3.05		<i>Sổ tay giáo viên lên lớp</i>
238.		5.4		5.3.01	<i>Sơ đồ bố trí thiết bị các xưởng</i>
239.			5.4.01		<i>Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về việc bố trí trang thiết bị và biên bản tổng hợp kết quả khảo sát năm 2018, 2019, 2020</i>
240.			5.4.02		<i>Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh về việc bố trí trang thiết bị năm 2018, 2019, 2020</i>
241.			5.4.03		<i>Quy trình bảo trì, bảo dưỡng</i>
242.			5.4.04		<i>Nội quy các xưởng thực hành, phòng học</i>
243.			5.4.05		<i>Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm</i>
244.			5.4.06		<i>Báo cáo kết quả công tác hàng tháng và nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo; Báo cáo tổng kết hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp theo</i>
245.				5.2.06	<i>Biên bản bàn giao tài sản giữa nhà cung cấp, nhà trường với các khoa</i>
246.				5.2.07	<i>Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa CN cơ khí</i>
247.				5.2.09	<i>Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm</i>
248.		5.5	5.5.01		<i>Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo</i>
249.			5.5.02		<i>Phiếu xuất, nhập kho</i>
250.			5.5.03		<i>Biên bản thu hồi vật tư, sản phẩm thực tập</i>
251.			5.5.04		<i>Phân công nhân viên kế toán vật tư, tài sản</i>
252.			5.5.05		<i>Hồ sơ đào tạo của các lớp học</i>
253.				5.1.01	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành</i>
254.				5.1.05	<i>Hồ sơ thiết kế và hoàn công xưởng thực hành</i>
255.				5.4.06	<i>Báo cáo kết quả công tác hàng tháng và nhiệm vụ công tác tháng tiếp theo; Báo cáo tổng kết hàng năm và phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp</i>

				<i>theo</i>
256.			5.2.10	<i>Dự trữ kinh phí mua vật tư và xin lĩnh vật tư phục vụ thực tập của học sinh tại các khoa</i>
257.	5	6	5.6.01	<i>Danh mục các sách, tài liệu thư viện</i>
258.			5.6.02	<i>Danh mục sách nghề Cắt gọt kim loại</i>
259.			5.6.03	<i>Danh mục giáo trình lưu hành nội bộ năm 2017</i>
260.			5.6.04	<i>Bảng diễn biến số học sinh, sinh viên của trường</i>
261.	5	7	5.7.01	<i>Danh mục trang thiết bị thư viện</i>
262.			5.7.02	<i>Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện</i>
263.			5.7.03.	<i>Thống kê lượt bạn đọc thư viện 2020</i>
264.	5	8	5.8.01	<i>Danh mục các phần mềm sử dụng trong ngành cắt gọt kim loại</i>
265.	6	1	6.1.01	<i>Các kế hoạch, thông báo, lịch học đầu khóa các năm 2018, 2019,: Kế hoạch số 18/KH-CĐCN, ngày 30/7/2018 tổ chức đón tiếp HSSV nhập học và công tác truyền thông thu hút nữ sinh năm 2018; Kế hoạch số 21/KH-CĐCN, ngày 30/7/2019 tổ chức nhập học đợt 1 năm 2019; Kế hoạch số 23/KH-CĐCN, ngày 31/7/2019 học tập đầu khóa CĐK10 năm học 2019-2020</i>
266.			6.1.02	<i>Quyết định số 142^a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 về việc ban hành Quy chế quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 30/7/2019 về việc ban hành Quy chế quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp</i>

267.			6.1.03	<i>Các Quyết định ban hành quy chế công tác HSSV: Quyết định số 186/QĐ-CĐCN, ngày 30/10/2017; Quyết định số 39/QĐ-CĐCN ngày 28/02/2019 về việc ban hành quy chế công tác học sinh sinh viên trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh</i>
268.			6.1.04	<i>Báo cáo thể hiện chế độ chính sách cho người học: Báo cáo số 36/BC-CĐCN, ngày 26/12/2018 về việc tình hình thực hiện chế độ chính sách năm 2018; Báo cáo số 47/BC-CĐCN, ngày 26/12/2019 về việc tình hình thực hiện chế độ chính sách năm 2019</i>
269.			6.1.05	<i>Quyết định ban hành phiếu khảo sát dịch vụ người học: Quyết định số 10/QĐ-CĐCN, ngày 19/01/2018 về việc ban hành phiếu khảo sát dịch vụ người học năm 2018; Quyết định số 91/QĐ-CĐCN, ngày 20/3/2019 về việc ban hành phiếu khảo sát dịch vụ người học năm 2019; Báo cáo khảo sát các năm 2018, 2019,,: Báo cáo số 37/BC-CĐCN, ngày 26/12/2018 về kết quả thực hiện khảo sát dịch vụ người học năm 2018; Báo cáo số 48/BC-CĐCN, ngày 26/12/2019 về kết quả thực hiện khảo sát dịch vụ người học năm 2019</i>
270.	2		6.2.01	<i>Các quyết định của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc cấp học bổng khuyến khích học nghề năm 2018, 2019,; Quyết định số 434/QĐ-CĐCN, ngày 13/11/2018 về việc tặng giấy khen và cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ II năm học 2017-2018 cho HSSV; Quyết định số 155/QĐ-CĐCN, ngày 06/6/2019 về việc cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ I năm học 2018-2019 cho HSSV; Quyết định số 377/QĐ-CĐCN, ngày 12/12/2019 về việc cấp học bổng khuyến khích học nghề học kỳ 2 năm học 2018-2019 cho HSSV</i>
271.			6.2.02	<i>Các thông báo thu học phí năm học 2018-2019, năm học 2019-2020,:</i>

				<i>Thông báo số 04/TB-CĐCN, ngày 12/3/2018 về việc thu học phí học kỳ II năm học 2017-2018; Thông báo số 32/TB-CĐCN, ngày 17/9/2018 về việc thu học phí học kỳ I năm học 2018-2019; Thông báo số 12/TB-CĐCN, ngày 29/3/2019 về việc thu học phí học kỳ II năm học 2018-2019; Thông báo số 39/TB-CĐCN, ngày 17/9/2019 về việc thu học phí học kỳ I năm học 2019-2020; Thông báo số 29/TB-CĐCN, ngày 10/6/2020 về việc thu học phí học kỳ II năm học 2019-2020</i>
272.			6.2.03	<i>Hồ sơ quản lý HSSV đăng ký ở ký túc xá sinh viên: Bản mềm Excel, bản cứng lưu trữ, ảnh HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đang ở, sinh hoạt tại ký túc xá sinh viên tỉnh Bắc Ninh</i>
273.		3	6.3.01	<i>Kế hoạch học tập đầu khóa</i>
274.			6.3.02	<i>Biên bản hợp tác triển khai các chương trình đào tạo phối hợp và cung cấp nguồn lao động chất lượng cao Ngoài ra nhà trường thường xuyên phối hợp với trung tâm dịch vụ việc làm Bắc Ninh tổ chức các ngày hội việc làm, qua đây học sinh sinh viên tìm kiếm các thông tin và tiếp cận với doanh nghiệp tạo điều kiện về cơ hội việc làm khi tốt nghiệp</i>
275.			6.3.03	<i>Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tuyển dụng kỹ thuật viên cho các doanh nghiệp</i>
276.		4	6.4.01	<i>Các kế hoạch, quyết định thành lập Ban chỉ đạo, quyết định thành lập Ban giám khảo và ảnh, clip dự thi các năm 2018, năm 2019: Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 16/4/2018 tổ chức chương trình Chào hè 2018 “Sinh viên BCi năng động – thanh lịch”; Kế hoạch số 10/KH-CĐCN, ngày 28/02/2019 tổ chức chương trình Hello Summer 2019 “Sinh viên BCi bản lĩnh – Hội nhập”; Quyết định số 134/QĐ-CĐCN, ngày 18/4/2018 v/v thành lập Ban tổ chức chương trình Chào</i>

				<i>hè 2018; Quyết định số 90/QĐ-CĐCN, ngày 20/3/2019 v/v thành lập Ban chỉ đạo chương trình Hello summer 2019 “Sinh viên BCI Bản lĩnh – Hội nhập</i>
277.			6.4.02	<i>Các kế hoạch, quyết định, thể lệ, ảnh kèm theo hoạt động các năm 2018, 2019,: Kế hoạch số 06/KH-CĐCN, ngày 29/01/2018 tổ chức chương trình hoạt động Chào xuân 2018; Kế hoạch số 19/KH-CĐCN, ngày 28/6/2019 tổ chức tập luyện và tham gia chương trình “Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Ninh và tham dự Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2019; Quyết định số 175/QĐ-CĐCN, ngày 28/6/2019 v/v thành lập Ban chỉ đạo “Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Ninh và tham dự Hội diễn văn nghệ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2019; Kế hoạch số 26/KH-CĐCN, ngày 12/8/2019 tổ chức chương trình “Giáo dục truyền thống cho tân sinh viên CĐK10</i>
278.			6.4.03	<i>Các quyết định, kế hoạch, chương trình mở lớp tiếng Hàn, tiếng Nhật; Các quyết định, kế hoạch mở lớp kỹ năng mềm: Kế hoạch số 33/KH-CĐCN, ngày 09/11/2018 tổ chức rèn luyện cho HSSV phát triển kỹ năng mềm năm học 2018-2019; Quyết định số 182/QĐ-CĐCN, ngày 08/7/2019 v/v công nhận kết quả, cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng kỹ năng mềm và hoạt động tình nguyện cho tân sinh viên CĐK7; Quyết định số 283/QĐ-CĐCN, ngày 01/10/2019 v/v mở lớp tiếng Hàn Quốc (ngoại khóa) tại trường năm học 2019-2020</i>
279.			6.4.04	<i>Báo cáo đánh giá tình hình đảm bảo an ninh trật tự an toàn trong trường học năm 2018, 2019,: Báo cáo số 29/BC-CĐCN, ngày 19/12/2018 về thành tích phong trào toàn dân BV ANTO trường Cao</i>

				<i>đăng Công nghiệp Bắc Ninh năm 2018; Báo cáo số 43/BC-CĐCN, ngày 26/12/2019 về thành tích phong trào toàn dân BV ANTO trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh năm 2019</i>
280.	7	1	7.1.01	<i>Kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019</i>
281.			7.1.02	<i>Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát</i>
282.			7.1.03	<i>Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019</i>
283.			7.1.04	<i>Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2018, 2019</i>
284.		2	7.2.01	<i>Báo cáo công tác dạy nghề năm 2018, 2019</i>
285.			7.2.02	<i>Bảng nhập liệu lần vết</i>
286.			7.2.03	<i>Hồ sơ tốt nghiệp năm 2018, 2019</i>
287.		3	7.3.01	<i>Kế hoạch lấy ý kiến khảo sát của công chức, viên chức quản lý, giảng viên, nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của trường năm 2018,2019</i>
288.			7.3.02	<i>Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên,nhân viên tham gia khảo sát</i>
289.			7.3.03	<i>Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của viên chức quản lý, giáo viên, nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của nhà trường</i>
290.			7.3.04	<i>Báo cáo kết quả thực hiện khảo sát ý kiến công chức, viên chức quản lý, giáo viên và nhân viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo của trường năm 2018,2019</i>
291.		4	7.4.01	<i>Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của học sinh, sinh viên về chất lượng hoạt động hỗ trợ đào tạo việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2018, 2019,</i>
292.			7.4.02	<i>Danh sách học sinh, sinh viên khảo sát năm 2018, 2019</i>
293.			7.4.03	<i>Phiếu khảo sát học sinh, sinh viên năm 2018, 2019</i>
294.			7.4.04	<i>Báo cáo kết quả khảo sát năm 2018, 2019</i>

295.		5	7.5.01	<i>Quyết định Hội đồng kiểm định năm 2018, 2019</i>
296.			7.5.02	<i>Kế hoạch tự kiểm định năm</i>
297.			7.5.03	<i>Báo cáo tự kiểm định năm: 2018,2019</i>
298.		6	7.6.01	<i>Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018, 2019</i>
299.			7.6.02	<i>Quyết định cử giáo viên thực tế và hướng dẫn học sinh, sinh viên thực tập</i>
300.		7	7.7.01	<i>Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018, 2019,</i>
301.			7.7.02	<i>Kế hoạch khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019</i>
302.			7.7.03	<i>Danh sách sinh viên khảo sát lần vết năm 2018,2019</i>
303.			7.7.04	<i>Báo cáo kết quả khảo sát lần vết năm 2018,2019</i>